SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHUNG XÃ PHÚ TRẠCH, TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2050

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ TRẠCH, TỈNH QUẢNG TRỊ

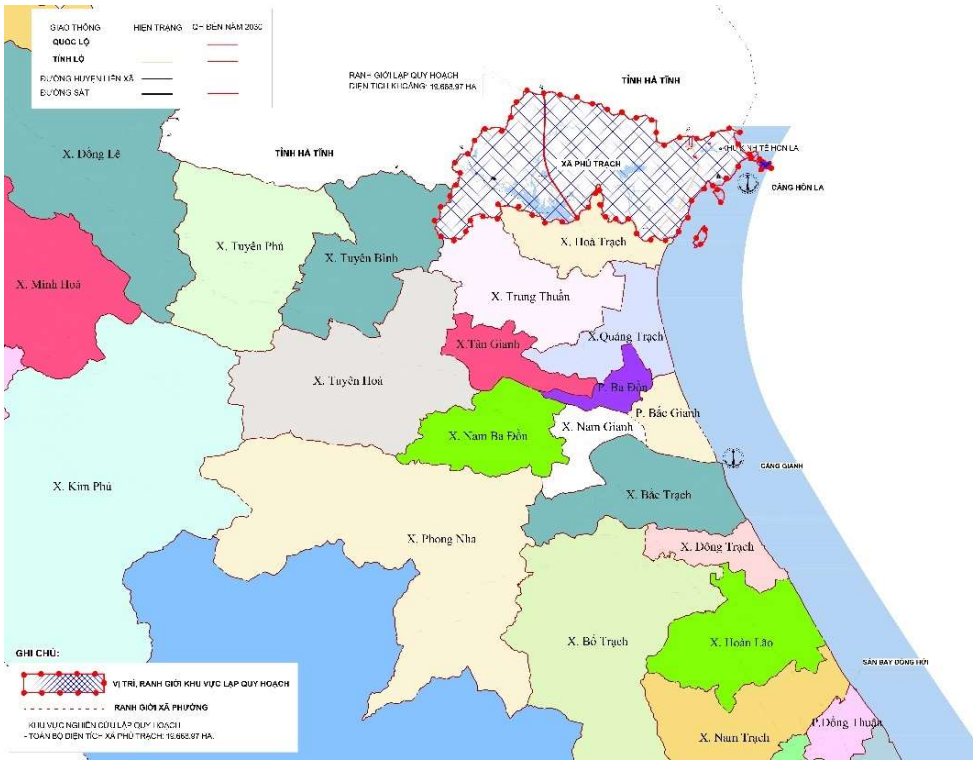

CƠ QUAN TỔ CHỨC LẬP QUY HOẠCH: PHÒNG KINH TẾ XÃ PHÚ TRẠCH

ĐƠN VỊ TƯ VẤN: VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG T.QUẢNG TRỊ.

Quảng Trị, 2026

SỞ XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ

VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG TỈNH QUẢNG TRỊ

THUYẾT MINH

QUY HOẠCH CHUNG XÃ PHÚ TRẠCH, TỈNH QUẢNG TRỊ ĐẾN NĂM 2050

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ TRẠCH, TỈNH QUẢNG TRỊ

ĐỊA ĐIỂM: XÃ PHÚ TRẠCH, TỈNH QUẢNG TRỊ

Chức danh	Tên người thực hiện	Chữ ký
1. Chủ nhiệm đồ án:	**Nguyễn Việt Hoàng**	
2. Chủ trì kiến trúc:	**Lý Quang Hinh**	
3. Chủ trì giao thông:	**Nguyễn Dăng Phương Huy**	
4. Chủ trì CTN:	**Lê Quốc Vương**	
5. CT Cấp NL, TT	**Dương Hoàng Khoa**	

Cơ quan tổ chức lập quy hoạch
PHÒNG KINH TẾ
TRƯỞNG PHÒNG

Trần Ngọc Sơn

Đơn vị tư vấn
VIỆN QUY HOẠCH XÂY DỰNG QT
KT.VIỆN TRƯỞNG
PHÓ VIỆN TRƯỞNG

Đinh Ngọc Hà

***Quảng Trị*, 2026**

MỤC LỤC

I. MỞ ĐẦU: 5
1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch: **5**
2. Căn cứ lập quy hoạch: **7**
3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch: **10**
4. Quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh tác động đến phát triển của xã: **11**
II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH: 14
1. Khái quát đặc điểm tự nhiên: **14**
2. Hiện trạng kinh tế - xã hội: **20**
3. Sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch: **41**
4. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai: **42**
5. Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật: **43**
6. Khái quát những vấn đề tồn tại: **53**
7. Hiện trạng tài nguyên và môi trường: **58**
8. Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển: **62**
9. Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch: **71**
III. ĐỘNG LỰC, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA XÃ: 80
1. Động lực phát triển: **80**
2. Quan điểm và mục tiêu phát triển: **81**
3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch: **88**
IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT: 90
1. Dự báo phát triển kinh tế: **90**
2. Dự báo dân số, lao động: **91**
3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất: **92**
V. XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TỔNG THỂ: 96
1. Xác định cấu trúc: **96**
2. Định hướng phát triển không gian tổng thể: **97**
VI. NỘI DUNG QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN: 113
1. Quy định chung: **113**
2. Quản lý kiến trúc, không gian cảnh quan: **114**
3. Quy định về quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị: **117**
4. Tổ chức thực hiện: **117**

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT: 119
1. Chuẩn bị kỹ thuật: 119
2. Giao thông: 120
3. Cấp nước: 123
4. Cung cấp năng lượng và chiếu sáng: 125
5. Thoát nước và xử lý nước thải: 126
6. Hạ tầng viễn thông thụ động: 130
VIII. LUẬN CỨ VÀ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ: 131
1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện đến năm 2030: 131
2. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện: 133
IX. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH CHUNG XÃ: 135
1. Tiến độ thực hiện quy hoạch: 135
2. Giải pháp tổ chức thực hiện: 135
X. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG: 136
1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước: 136
2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn: 137
3. Khống chế ô nhiễm do chất thải rắn: 138
4. Giải pháp hạn chế tác động đến môi trường xã hội nhân văn: 139
5. Biện pháp quản lý: 139
6. Quan trắc và giám sát môi trường: 140
XI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ: 141
1. Kết luận: 141
2. Kiến nghị: 141

I. MỞ ĐẦU:

1. Lý do và sự cần thiết lập quy hoạch:

Thực hiện chủ trương của Đảng và Nhà nước về việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã nhằm tinh gọn bộ máy, nâng cao hiệu lực, hiệu quả quản lý nhà nước, thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội, UBND tỉnh Quảng Bình đã phê duyệt phương án thành lập xã Phú Trạch trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên và dân số của 4 xã: Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim, Quảng Hợp thuộc huyện Quảng Trạch cũ.

Sau sáp nhập, xã Phú Trạch có quy mô diện tích 19.668,97ha và dân số 30.850người. Là một xã mới khu vực cửa ngõ phía Bắc tỉnh Quảng Trị, Phú Trạch có nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp - cảng biển - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp. Khu vực này có vị trí thuận lợi về hạ tầng giao thông (nằm trên tuyến đường Quốc lộ 1, tuyến đường ven biển, cảng biển Hòn La), thuận lợi phát triển kinh tế, thương mại dịch vụ, nông nghiệp hàng hóa và đảm bảo quốc phòng an ninh. Các xã cũ có đặc điểm tương đồng về địa lý, dân cư, văn hóa, thuận lợi trong tổ chức lại không gian phát triển.

Đáng chú ý, cả 4 xã cũ hình thành xã Phú Trạch đều đã có quy hoạch chung riêng. Tuy nhiên, sau khi sáp nhập, các đồ án quy hoạch cũ này không còn phù hợp về địa giới hành chính, không gian tổ chức, định hướng sử dụng đất và hạ tầng kỹ thuật. Riêng khu vực Quảng Đông, Quảng Phú thuộc quy hoạch chung khu kinh tế cảng biển Hòn la đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt kèm theo Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 20/12/2024. Do đó, cần thiết phải hợp nhất, rà soát lại toàn bộ nội dung quy hoạch chung khu vực này để đảm bảo tính thống nhất, cập nhật và hiệu lực trong công tác quản lý và triển khai đầu tư phát triển.

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ địa giới hành chính xã Phú Trạch, trong đó tập trung khu vực Quảng Kim và Quảng Hợp cũ. Phần diện tích 2 xã Quảng Đông và Quảng Phú cũ thuộc quy hoạch chung khu kinh tế Hòn La chỉ thực hiện ghép nối và đồng bộ, thống nhất. Nhiệm vụ quy hoạch là tổ chức không gian, quy hoạch sử dụng đất, hệ thống hạ tầng kỹ thuật, khu vực 2 xã Quảng Hợp, Quảng Kim cũ đồng thời đồng bộ khớp nối với 2 xã Quảng Đông và Quảng Phú thuộc khu kinh tế Hòn La.

Cùng với đó, theo quy định tại Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật

Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025, quy hoạch đô thị phải được rà soát định kỳ và khi có biến động lớn về hành chính, định hướng phát triển hoặc các yếu tố pháp lý ảnh hưởng trực tiếp đến đồ án.

Sự điều chỉnh hướng tuyến của cao tốc Bắc - Nam, tuyến đường sắt cao tốc Bắc - Nam đã làm thay đổi rõ rệt tổ chức không gian, phân bố sử dụng đất, hệ thống giao thông, yêu cầu cần tổ chức lại không gian quy hoạch phù hợp. Đồng thời, Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050 (phê duyệt tại Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/2/2026), Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040 đã được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 20/12/2024 đã đưa ra định hướng phát triển về công nghiệp, du lịch biển khu vực phía Đông xã Phú Trạch (thuộc khu vực xã Quảng Đông và Quảng Phú cũ).

Bên cạnh đó, trong quá trình triển khai thực hiện quy hoạch, một số nội dung tại các đồ án cũ bộc lộ nhiều tồn tại, thiếu tính khả thi và đồng bộ không còn phù hợp với thực tiễn phát triển hoặc gây khó khăn trong quản lý, sử dụng đất, đầu tư hạ tầng và đảm bảo về quyền, lợi ích người dân. Hệ thống pháp luật về quy hoạch, đất đai, xây dựng cũng đã có nhiều thay đổi từ năm 2012 đến nay, cần cập nhật đầy đủ để đảm bảo đồng bộ và hiệu lực trong tổ chức thực hiện quy hoạch.

Thực hiện ý kiến chỉ đạo của UBND tỉnh Quảng Trị tại Công văn số 105/UBND- CTXD ngày 16/7/2025, UBND xã Phú Trạch đã có Báo cáo rà soát Quy hoạch chung xã Phú Trạch số 20/BC-UBND ngày 04/8/2025 gửi UBND tỉnh Quảng Trị và Sở Xây dựng nhằm đánh giá đánh giá kết quả tổ chức thực hiện quy hoạch trong thời gian qua, đồng thời xác định rõ các nội dung không còn phù hợp do tác động của các yếu tố mới như thay đổi địa giới hành chính, định hướng phát triển không gian, mạng lưới hạ tầng kỹ thuật - xã hội, cũng như yêu cầu tích hợp với các quy hoạch cấp trên, làm cơ sở để đề xuất lập Quy hoạch chung xã Phú Trạch.

Về mặt chủ trương, Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị đã có Văn bản số 1500/SXD-QHKT ngày 25/8/2025 và Văn phòng UBND tỉnh Quảng Trị đã có Công văn số 2121/VP-CTXD ngày 11/9/2025 về việc lập Quy hoạch chung cấp xã trên địa bàn tỉnh và về nguồn vốn đã có Quyết định số 2574/QĐ-UBND ngày 13/11/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc trích từ nguồn "Sự nghiệp kinh tế", thuộc dự toán ngân sách tỉnh năm 2025 để cấp hỗ trợ kinh phí cho các xã

thực hiện lập Quy hoạch chung trên địa bàn các xã. Ngoài ra trong ranh giới xã đã có xã Quảng Phú và Quảng Đông cũ đã được phê duyệt trong đồ án quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040 (chỉ ghép nối vào đồ án quy hoạch chung xã).

Do đó, việc lập Quy hoạch chung xã Phú Trạch để tổ chức lại không gian phát triển, định hướng sử dụng đất theo địa giới của xã mới, tổ chức lại hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Trong đó, tập trung khu vực xã Quảng Đông và Quảng Phú cũ để khớp nối, đồng bộ với quy hoạch chung Hòn La, phục vụ công tác quản lý, đầu tư, xây dựng và phát triển kinh tế xã hội trong thời gian tới là cần thiết và cấp bách.

2. Căn cứ lập quy hoạch:

2.1. Căn cứ pháp lý:

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 47/2024/QH15 ngày 26/11/ 2024; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Luật Du lịch số 09/2014/QH14 ngày 19/6/2017;

- Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14 ngày 13/6/2019;

- Luật Bảo vệ môi trường số 72/2020/QH14 ngày 17/11/2020;

- Luật Đất đai ngày 18/01/2024 đã được sửa đổi, bổ sung một số điều theo Luật số 43/2024/QH15 ngày 29/6/2024;

- Luật Di sản văn hóa số 45/2024/QH15 ngày 23/11/2024;

- Luật Đường sắt 95/2025/QH15 ngày 27/6/2025;

- Nghị quyết số 1680/NQ-UB TNQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Bình năm 2025;

- Nghị định số 145/2025/NĐ-CP ngày 12/6/2025 của Chính phủ Quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn và Nghị định số 34/2026/NĐ-CP ngày 22/01/2026 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 178/2025/NĐ-CP ngày 01/7/2025 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 895/QĐ-TTg ngày 24/8/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch lâm nghiệp quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 36/QĐ-TTg ngày 11/1/2024 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng thông tin và truyền thông thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Thông tư số 15/2023/TT-BXD ngày 29/12/2023 của Bộ Xây dựng ban hành Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về các công trình hạ tầng kỹ thuật;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/6/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Quy hoạch chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn; Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025 của Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30 tháng 6 năm 2025;

- Thông tư số 46/2026/TT-BXD ngày 30/6/2026 của Bộ Xây dựng Ban hành QCVN 01:2026/BXD Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Quy hoạch xây dựng;

- Văn bản hợp nhất số 59/VBHN-BXD ngày 02/7/2026 của Bộ Xây dựng ban hành Thông tư quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn;

- Quyết định số 1619/QĐ-TTg ngày 20/12/2024 của Thủ tướng Chính phủ về phê duyệt quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040;

- Quyết định số 2540/QĐ-UBND ngày 27/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt điều chỉnh quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Quảng Trạch;

- Quyết định số 55/2025/QĐ-UBND ngày 31/12/2025 của UBND tỉnh Quảng Trị ban hành Quy định phân cấp trách nhiệm quản lý nhà nước về lĩnh vực xây dựng trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Quyết định số 2918/QĐ-UBND ngày 28/12/2023 của UBND huyện Quảng Trạch về phê duyệt Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5000;

- Quyết định số 1395/QĐ-UBND ngày 25/5/2012 của UBND huyện Quảng Trạch về phê duyệt Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tỷ lệ 1/10.000;

- Quyết định số 2179/QĐ-UBND ngày 20/6/2025 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) về việc phê duyệt Phương án sắp xếp, bố trí trụ sở làm việc các cơ quan đơn vị cấp tỉnh, cấp xã khi sắp xếp, tổ chức bộ máy hành chính 02 cấp trên địa bàn tỉnh Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị);

- Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/02/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 940/QĐ-UBND ngày 02/7/2026 của UBND xã Phú Trạch về việc phê duyệt nhiệm vụ Quy hoạch chung xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050;

- Công văn số 3196/SXD-QHKT ngày 29/4/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về việc hướng dẫn một số nội dung về tổ chức lập quy hoạch chung và đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định phê duyệt;

- Báo cáo số 4046/SXD-QHKT ngày 27/5/2026 của Sở Xây dựng về việc báo cáo, xin chủ trương lập quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Công văn số 4597/VP-CTXD ngày 04/6/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc lập Quy hoạch chung các đô thị trên địa bàn tỉnh Quảng Trị;

- Công văn số 5346/SXD-QHKT ngày 29/6/2026 của Sở Xây dựng tỉnh Quảng Trị về V/v đôn đốc đẩy nhanh tiến độ lập, thẩm định, phê duyệt quy hoạch chung xã, đặc khu và hướng dẫn bổ sung một số nội dung;

- Công văn 3510/UBND-CTXD ngày 16/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc khẩn trương triển khai công tác lập Quy hoạch chung xã, đặc khu và quy hoạch chung đô thị;

- Công văn số 6563/VP-CTXD ngày 30/7/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc khẩn trương triển khai công tác lập Quy hoạch chung xã, đặc khu và quy hoạch chung đô thị,

2.2. Các nguồn số liệu, tài liệu:

- Hồ sơ điều chỉnh quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2030 tầm nhìn đến năm 2050;

- Hồ sơ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040.

- Hồ sơ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5.000.

- Hồ sơ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tỷ lệ 1/10.000.

- Các hồ sơ, tài liệu khác có liên quan khác.

2.3. Các cơ sở bản đồ:

- Bản đồ Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050.

- Bản đồ quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040.

- Bản đồ Quy hoạch chung xây dựng xã Quảng Kim, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình, tỷ lệ 1/5.000

- Bản đồ Quy hoạch xây dựng nông thôn mới xã Quảng Hợp, huyện Quảng Trạch, tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, tỷ lệ 1/10.000.

…

3. Vị trí, phạm vi quy hoạch, quy mô diện tích lập quy hoạch:

3.1. Vị trí:

Xã Phú Trạch nằm về phía Bắc của tỉnh Quảng Trị giáp với tỉnh Hà Tĩnh. Xã Phú Trạch hình thành trên cơ sở nhập toàn bộ diện tích tự nhiên của các xã: Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp của huyện Quảng Trạch cũ.

3.2. Phạm vi quy hoạch:

Phạm vi nghiên cứu quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của xã, ranh giới cụ thể được xác định như sau:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh;

+ Phía Nam giáp xã Hoà Trạch và xã Trung Thuần;

+ Phía Tây giáp xã Tuyên Bình;

+ Phía Đông giáp Biển Đông.

Diện tích lập quy hoạch là toàn bộ diện tích tự nhiên của xã Phú Trạch (trừ diện tích nằm trong quy hoạch chung khu kinh tế Hòn La bao gồm diện tích tự nhiên của xã Quảng Phú và Quảng Đông cũ).

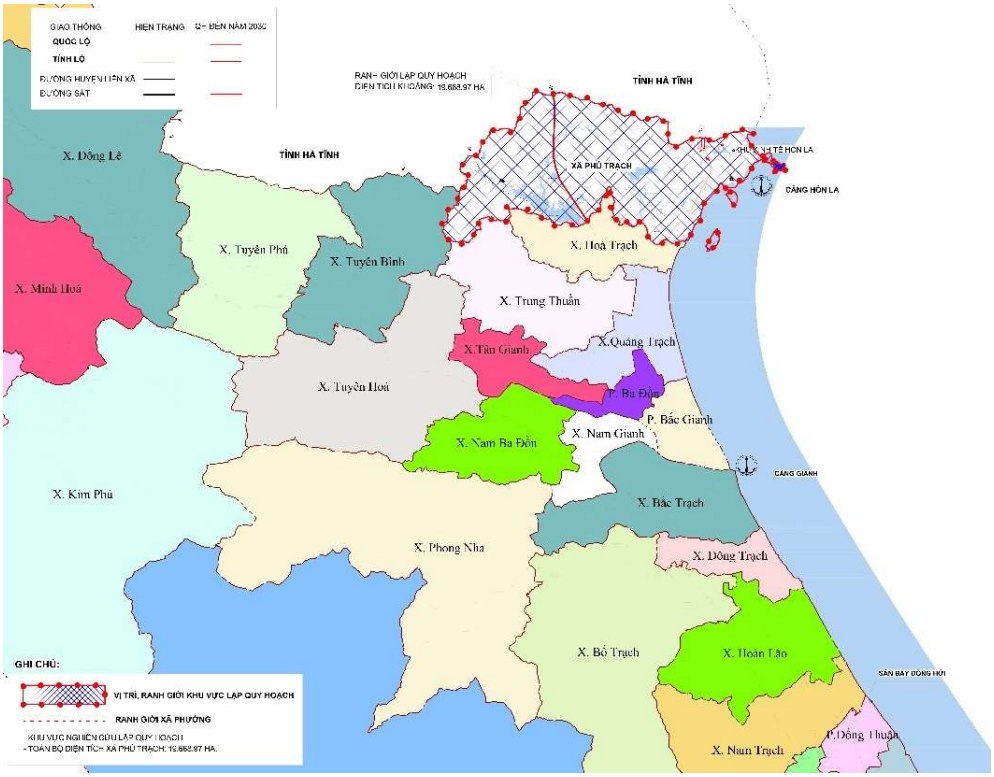

Hình 1. Sơ đồ vị trí và mối liên hệ vùng.

3.3. Quy mô diện tích:

- Diện tích nghiên cứu lập quy hoạch khoảng: 19.668,97ha. Trong đó:
- Dân số hiện tại toàn xã: 30.850người.
- Dân số hiện tại khu vực lập quy hoạch khoảng 11.725người (năm 2025).

3.4 Thời hạn lập quy hoạch:

Thời hạn lập quy hoạch là 25 năm (đến năm 2050).

4. Quan điểm và mục tiêu phát triển của tỉnh tác động đến phát triển của xã:

4.1 Quan điểm phát triển:

Định hướng phát triển xã Phú Trạch cần được đặt trong tổng thể chiến lược phát triển kinh tế - xã hội của tỉnh Quảng Trị, gắn với việc khai thác tiềm năng, lợi thế của khu vực ven biển, phát triển hệ thống đô thị, dịch vụ, du lịch và các ngành kinh tế phù hợp với điều kiện tự nhiên, hiện trạng sử dụng đất và khả năng kết nối hạ tầng của địa phương.

Phát triển xã Phú Trạch theo hướng bền vững, hài hòa giữa phát triển kinh tế với bảo vệ môi trường, bảo đảm quốc phòng - an ninh và nâng cao chất lượng đời sống Nhân dân; lấy hiệu quả sử dụng đất, phát triển hạ tầng đồng bộ và khai

thác hợp lý các nguồn lực tại chỗ làm cơ sở định hướng tổ chức không gian phát triển.

Các quan điểm phát triển chủ yếu gồm:

- Phát triển phù hợp với định hướng chung của tỉnh: Cụ thể hóa các mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội, định hướng tổ chức không gian và hệ thống hạ tầng của tỉnh vào điều kiện thực tế của xã Phú Trạch; bảo đảm sự thống nhất với quy hoạch cấp trên và các quy hoạch ngành có liên quan.

- Khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế địa phương: Phát huy lợi thế về vị trí địa lý, quỹ đất, cảnh quan tự nhiên, hoạt động sản xuất và các điều kiện kết nối giao thông để phát triển thương mại, dịch vụ, du lịch, nông nghiệp và các ngành kinh tế phù hợp.

- Tổ chức không gian phát triển đồng bộ: Sắp xếp hợp lý khu trung tâm hành chính, các khu dân cư hiện hữu, khu vực phát triển mới, đất sản xuất, công trình công cộng và hệ thống hạ tầng kỹ thuật; hạn chế phát triển dàn trải, sử dụng đất kém hiệu quả.

- Phát triển kết cấu hạ tầng đồng bộ, có trọng tâm: Ưu tiên nâng cấp mạng lưới giao thông, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải; tăng cường kết nối giữa khu dân cư, khu sản xuất với các trung tâm dịch vụ và các tuyến giao thông liên vùng.

- Bảo vệ tài nguyên và môi trường: Quản lý chặt chẽ việc sử dụng đất, bảo vệ nguồn nước, cảnh quan và hệ sinh thái; chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu, thiên tai, ngập lụt, xói lở và các tác động môi trường phù hợp với đặc điểm từng khu vực.

- Phát triển kinh tế gắn với nâng cao chất lượng sống: Bảo đảm người dân được tiếp cận thuận lợi với các dịch vụ giáo dục, y tế, văn hóa, thể dục thể thao và các công trình phúc lợi xã hội; giữ gìn bản sắc văn hóa và phát huy vai trò cộng đồng trong quản lý, phát triển địa phương.

4.2 Mục tiêu phát triển của tỉnh tác động đến xã Phú Trạch:

Căn cứ định hướng điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050 được thông qua tại Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 27/02/2026, tỉnh hướng tới phát triển nhanh, bền vững, phát huy các trụ cột năng lượng, logistics, du lịch và nông nghiệp xanh; đồng thời tăng cường kết nối hạ tầng, nâng cao chất lượng nguồn nhân lực và bảo đảm an sinh xã hội.

Trên cơ sở đó, mục tiêu phát triển xã Phú Trạch được định hướng như sau:

- Về kinh tế: Từng bước chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng tăng tỷ trọng thương mại, dịch vụ và các ngành có giá trị gia tăng cao; nâng cao hiệu quả sản xuất nông nghiệp, phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa, ứng dụng khoa học công nghệ và bảo đảm sinh kế bền vững cho người dân.

- Về không gian phát triển: Xác định khu trung tâm xã, các khu dân cư hiện hữu, khu vực phát triển mới và các vùng sản xuất phù hợp; sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất, hạn chế phát triển tự phát và bảo đảm kết nối đồng bộ giữa các khu vực.

- Về kết cấu hạ tầng: Từng bước hoàn thiện hệ thống giao thông kết nối liên thôn, liên xã và các tuyến giao thông đối ngoại; nâng cấp công trình cấp điện, cấp nước, thoát nước, thông tin liên lạc và hạ tầng phục vụ sản xuất.

- Về văn hóa - xã hội: Nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, văn hóa và thể thao; cải thiện điều kiện tiếp cận các dịch vụ xã hội cơ bản, tạo việc làm, nâng cao thu nhập và chất lượng cuộc sống của Nhân dân.

- Về môi trường: Tăng cường quản lý đất đai, tài nguyên nước, cảnh quan và chất thải; bảo vệ các khu vực có giá trị sinh thái, chủ động phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

- Về quản lý và phát triển: Hoàn thiện công tác quản lý quy hoạch, quản lý trật tự xây dựng và sử dụng đất; huy động các nguồn lực đầu tư xã hội, ưu tiên công trình thiết yếu, đồng thời bảo đảm quốc phòng, an ninh và ổn định đời sống dân cư.

4.3 Tác động của định hướng phát triển tỉnh đối với xã Phú Trạch:

Các định hướng phát triển của tỉnh tác động đến xã Phú Trạch trên các phương diện chủ yếu sau:

- Thứ nhất, tạo cơ sở định hướng chuyển dịch cơ cấu kinh tế. Các chủ trương phát triển dịch vụ, du lịch, nông nghiệp xanh và ứng dụng khoa học công nghệ tạo điều kiện để xã lựa chọn ngành kinh tế phù hợp với lợi thế địa phương, nâng cao hiệu quả sử dụng đất và tăng thu nhập cho người dân.

- Thứ hai, thúc đẩy đầu tư và kết nối hạ tầng. Định hướng phát triển hệ thống giao thông và hạ tầng kỹ thuật đồng bộ của tỉnh là cơ sở để xã xác định các tuyến giao thông ưu tiên, nâng cấp công trình công cộng và tăng cường kết nối với các trung tâm kinh tế lân cận.

- Thứ ba, tạo yêu cầu đổi mới tổ chức không gian nông thôn. Việc sắp xếp đơn vị hành chính và triển khai mô hình chính quyền địa phương hai cấp đòi hỏi

xã rà soát lại vị trí trung tâm hành chính, mạng lưới công trình công cộng, phân bố dân cư và các khu vực phát triển, bảo đảm phù hợp với địa giới hành chính mới.

- Thứ tư, nâng cao yêu cầu về bảo vệ môi trường và chất lượng sống. Phát triển kinh tế phải gắn với bảo vệ tài nguyên, kiểm soát ô nhiễm, nâng cao chất lượng dịch vụ xã hội và tăng khả năng thích ứng với thiên tai, biến đổi khí hậu.

4.4 Định hướng cụ thể hóa trong Quy hoạch chung xã Phú Trạch:

Quy hoạch chung xã Phú Trạch cần cụ thể hóa các mục tiêu phát triển của tỉnh thông qua việc xác định mô hình phát triển không gian phù hợp; tổ chức hợp lý khu trung tâm hành chính, khu dân cư, vùng sản xuất, khu vực dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội. Đồng thời, cần xác định các dự án ưu tiên đầu tư theo từng giai đoạn, gắn với khả năng huy động nguồn lực và nhu cầu thực tế của địa phương.

Các định hướng trên cần được rà soát, đối chiếu với vị trí của xã trong phương án tổ chức không gian và các hành lang, cực tăng trưởng của Quy hoạch tỉnh đã được phê duyệt; tránh xác định xã là khu vực động lực chuyên ngành khi chưa có căn cứ cụ thể.

Lưu ý về căn cứ pháp lý: Nghị quyết số 96/NQ-HĐND ngày 27/02/2026 là văn bản thông qua điều chỉnh Quy hoạch tỉnh. Khi hoàn thiện hồ sơ chính thức, cần dẫn thêm quyết định phê duyệt điều chỉnh Quy hoạch tỉnh và các quy hoạch ngành, quy hoạch khu vực có liên quan để bảo đảm tính pháp lý.

II. HIỆN TRẠNG KHU VỰC LẬP QUY HOẠCH:

1. Khái quát đặc điểm tự nhiên:

1.1. Đặc điểm địa lý:

Xã Phú Trạch là đơn vị hành chính cấp xã của tỉnh Quảng Trị, được thành lập năm 2025 trên cơ sở sắp xếp toàn bộ diện tích tự nhiên và quy mô dân số của bốn xã Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp trước đây, theo Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16/6/2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội. Xã mới có diện tích tự nhiên khoảng 19.668,97ha, dân số toàn xã năm 2025 là khoảng 30.850 người.

Về vị trí không gian, xã nằm trong khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị, thuộc địa bàn huyện Quảng Trạch trước đây. Phạm vi xã bao gồm khu vực ven biển, khu vực gắn với Khu kinh tế Hòn La và các khu vực dân cư, sản xuất phía trong

đất liền. Đây là địa bàn có mối liên hệ với hệ thống giao thông quốc gia, các khu vực kinh tế ven biển và những trung tâm dân cư lân cận.

Vị trí địa lý tạo điều kiện để xã Phú Trạch phát huy lợi thế về giao lưu kinh tế, kết nối vận tải, phát triển thương mại - dịch vụ, sản xuất và các hoạt động kinh tế gắn với biển. Đồng thời, phạm vi địa bàn rộng và có sự khác biệt về điều kiện tự nhiên giữa khu vực ven biển, đồng bằng và vùng đồi núi đặt ra yêu cầu tổ chức không gian phát triển phù hợp với đặc điểm từng khu vực.

1.2. Địa hình, địa mạo:

Địa hình xã Phú Trạch có tính phân hóa tương đối rõ nét, đặc trưng bởi sự chuyển tiếp từ khu vực đồi núi, gò đồi ở phía Tây đến các dải đồng bằng, khu vực dân cư và vùng ven biển ở phía Đông. Sự phân hóa địa hình gắn với quá trình hình thành địa chất, hoạt động bồi tụ của sông suối, quá trình phong hóa và các tác động của biển, tạo nên các dạng địa hình khác nhau, ảnh hưởng trực tiếp đến phân bố dân cư, sử dụng đất và định hướng tổ chức không gian phát triển của xã.

Về địa mạo, khu vực có thể phân thành các dạng địa hình chính gồm địa hình đồi núi và gò đồi, địa hình đồng bằng và thung lũng tích tụ, địa hình ven biển. Mỗi dạng địa hình có đặc điểm riêng về độ dốc, khả năng thoát nước, mức độ ổn định nền đất và điều kiện khai thác sử dụng.

- Địa hình đồi núi và gò đồi: Khu vực phía Tây và Tây Nam có địa hình đồi núi, gò đồi chuyển tiếp, gắn với sườn Đông dãy Hoành Sơn. Địa hình có độ dốc thay đổi, bị chia cắt bởi các khe suối và thung lũng nhỏ. Các khu vực này có vai trò quan trọng đối với bảo vệ rừng, duy trì nguồn sinh thủy và phát triển lâm nghiệp. Khi bố trí công trình xây dựng cần hạn chế san gạt lớn, đánh giá ổn định mái dốc và nguy cơ xói mòn, sạt lở.

- Địa hình đồng bằng: Xen giữa các khu vực đồi gò là những dải địa hình thấp, tương đối bằng phẳng, phân bố các khu dân cư và đất sản xuất. Đây là những khu vực có điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển khu dân cư, công trình công cộng, giao thông và sản xuất nông nghiệp. Tuy nhiên, cần kiểm tra cao độ nền, khả năng tiêu thoát nước và nguy cơ ngập úng cục bộ trước khi xác định quỹ đất xây dựng.

- Địa hình ven biển: Khu vực phía Đông có địa hình ven biển, chịu ảnh hưởng của quá trình hình thành và biến đổi địa hình do sóng, gió, dòng chảy ven bờ và hoạt động bồi tụ - xói lở. Một số khu vực gắn với không gian phát

triển kinh tế biển và Khu kinh tế Hòn La. Địa hình này tạo điều kiện phát triển các hoạt động dịch vụ, du lịch và kinh tế biển, song cần chú trọng bảo vệ hành lang bờ biển, kiểm soát san lấp và bảo đảm khả năng thoát nước.

1.3. Khí hậu, thủy văn:

a. Khí hậu:

Xã Phú Trạch nằm trong khu vực Bắc Trung Bộ, thuộc vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa, chịu ảnh hưởng đồng thời của gió mùa Đông Bắc, gió mùa Tây Nam và các hình thế thời tiết đặc trưng của khu vực ven biển miền Trung. Đặc điểm khí hậu thể hiện sự phân hóa theo mùa rõ rệt, với mùa nóng có thời kỳ khô nóng, mùa mưa tập trung vào các tháng cuối năm và thường chịu ảnh hưởng của bão, áp thấp nhiệt đới.

Nhiệt độ: Nền nhiệt tương đối cao trong năm. Mùa nóng thường tập trung từ khoảng tháng 5÷8, có thời điểm xuất hiện nắng nóng gay gắt do ảnh hưởng của gió Tây Nam khô nóng. Mùa đông, nhiệt độ giảm dưới tác động của các đợt gió mùa Đông Bắc, kèm theo mưa và độ ẩm không khí cao.

Lượng mưa: Mưa phân bố không đều theo thời gian, tập trung chủ yếu vào mùa mưa, thường từ khoảng tháng 9÷12. Các đợt mưa lớn kéo dài có thể gây ngập úng tại khu vực địa hình thấp, ảnh hưởng đến sản xuất nông nghiệp, giao thông và các khu dân cư. Trong khi đó, thời kỳ ít mưa có thể phát sinh tình trạng thiếu nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất.

Độ ẩm và chế độ gió: Độ ẩm không khí nhìn chung tương đối cao trong mùa mưa. Gió mùa Đông Bắc thường gây thời tiết lạnh, ẩm; gió mùa Tây Nam có thể gây nắng nóng, khô hạn. Khu vực ven biển còn chịu tác động của gió biển, gió mạnh trong các đợt bão và áp thấp nhiệt đới.

Thiên tai khí tượng: Bão, áp thấp nhiệt đới, mưa lớn, lũ, ngập úng và hạn hán là những yếu tố cần quan tâm trong quá trình lập quy hoạch. Đối với khu vực ven biển và không gian phát triển kinh tế Hòn La, cần chú trọng khả năng chống chịu của công trình trước gió bão, mưa cực đoan và các tác động bất lợi của thời tiết.

b. Thủy văn:

Mạng lưới sông, suối và hồ chứa: Thủy văn xã Phú Trạch chịu ảnh hưởng của địa hình chuyển tiếp từ vùng đồi núi phía Tây đến khu vực đồng bằng và ven biển phía Đông. Nước mặt được hình thành từ lượng mưa, dòng chảy trên

các sườn dốc, khe suối và hệ thống công trình thủy lợi, hồ chứa phục vụ sản xuất và điều tiết nước.

Theo danh mục trạm khí tượng thủy văn chuyên dùng của tỉnh Quảng Trị năm 2026, trên địa bàn xã Phú Trạch có các hồ chứa được đưa vào mạng lưới theo dõi lượng mưa, mực nước, gồm hồ Đồng Mười, hồ Khe Chay và hồ Lòi Đuốc. Đây là những công trình cần được xem xét khi đánh giá khả năng cấp nước, điều tiết dòng chảy và phòng chống thiên tai trong quy hoạch.

Chế độ dòng chảy: Dòng chảy mặt biến đổi theo mùa, phụ thuộc vào lượng mưa, địa hình lưu vực và khả năng điều tiết của hồ chứa. Vào mùa mưa, lượng nước tập trung nhanh tại các khu vực có địa hình dốc, có thể gây gia tăng dòng chảy trên các khe suối và nguy cơ ngập tại những vùng trũng thấp. Vào mùa khô, dòng chảy suy giảm, làm tăng nhu cầu điều tiết và sử dụng tiết kiệm nguồn nước cho sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi và sinh hoạt.

Nguồn nước phục vụ sản xuất và sinh hoạt: Nguồn nước mặt từ hồ chứa, khe suối và hệ thống thủy lợi có ý nghĩa đối với hoạt động sản xuất nông nghiệp và điều tiết nước tại địa phương. Việc khai thác nguồn nước cần gắn với bảo vệ chất lượng nước, duy tu công trình thủy lợi, quản lý hành lang thoát lũ và kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm. Đối với nguồn nước dưới đất, cần khảo sát trữ lượng, chất lượng và khả năng khai thác trước khi xác định phương án cấp nước bổ sung.

Tác động đến công tác quy hoạch: Đặc điểm thủy văn đặt ra yêu cầu tổ chức hệ thống thoát nước mưa theo lưu vực tự nhiên, bảo đảm khả năng tiêu thoát nước từ khu dân cư và khu vực xây dựng về các tuyến tiêu thoát chính. Cần bảo vệ hồ chứa, khe suối, kênh mương; hạn chế san lấp các vùng trũng có chức năng điều tiết nước; đồng thời xác định các khu vực có nguy cơ ngập lụt để lựa chọn cao độ nền xây dựng và giải pháp hạ tầng phù hợp.

1.4. Các nguồn tài nguyên:

** Tài nguyên đất đai:*

Tài nguyên đất của xã có sự phân hóa theo địa hình và điều kiện tự nhiên, bao gồm đất khu vực đồi gò, đất sản xuất nông nghiệp, đất khu dân cư và đất ven biển. Quỹ đất có vai trò quan trọng trong bố trí không gian phát triển dân cư, sản xuất nông nghiệp, lâm nghiệp, công nghiệp và dịch vụ.

Đất khu vực đồng bằng, thung lũng và các vùng tương đối bằng phẳng có thể thuận lợi cho sản xuất nông nghiệp và bố trí công trình xây dựng nếu đáp

ứng điều kiện địa chất, cao độ nền và thoát nước. Đất khu vực đồi gò có ý nghĩa đối với phát triển lâm nghiệp và bảo vệ môi trường sinh thái. Các khu vực đất ven biển cần được quản lý chặt chẽ nhằm hạn chế xói lở, suy thoái môi trường và xung đột giữa các mục đích sử dụng đất.

Định hướng quy hoạch cần sử dụng tiết kiệm, hiệu quả quỹ đất; bảo vệ diện tích đất nông nghiệp có giá trị; kiểm soát việc chuyển đổi đất lâm nghiệp, đất ven biển và đất sản xuất sang đất xây dựng; đồng thời bố trí quỹ đất phù hợp cho các công trình hạ tầng và các dự án phát triển kinh tế.

** Tài nguyên nước:*

Nguồn nước của xã gồm nước mặt từ sông, suối, hồ chứa và hệ thống thủy lợi; nước dưới đất phục vụ một phần nhu cầu sinh hoạt và sản xuất. Các hồ chứa trên địa bàn và khu vực lân cận có vai trò điều tiết nước, hỗ trợ sản xuất nông nghiệp và góp phần giảm thiểu tác động của dòng chảy theo mùa.

Nhu cầu sử dụng nước có thể gia tăng cùng với quá trình phát triển dân cư, công nghiệp, dịch vụ và các dự án thuộc Khu kinh tế Hòn La. Do đó, cần đánh giá khả năng cấp nước, chất lượng nguồn nước và năng lực của hệ thống cấp nước hiện có; ưu tiên sử dụng tiết kiệm nước, bảo vệ hành lang nguồn nước và kiểm soát nước thải từ khu dân cư, cơ sở sản xuất.

Đối với quy hoạch chung, cần xác định các khu vực bảo vệ nguồn nước, hệ thống tiêu thoát nước và những vị trí có nguy cơ ngập úng, thiếu nước theo mùa. Số liệu về trữ lượng nước dưới đất, chất lượng nước và khả năng khai thác cần được xác định thông qua tài liệu chuyên ngành.

** Tài nguyên rừng:*

Khu vực đồi núi, gò đồi phía Tây của xã có điều kiện phát triển lâm nghiệp, duy trì thảm thực vật và bảo vệ môi trường sinh thái. Tài nguyên rừng có vai trò giữ đất, hạn chế xói mòn, điều tiết dòng chảy mặt, bảo vệ nguồn sinh thủy và góp phần giảm thiểu tác động của thiên tai.

Việc quản lý, khai thác tài nguyên rừng cần gắn với bảo vệ diện tích rừng hiện có, phục hồi thảm thực vật tại các khu vực suy thoái, phòng cháy chữa cháy rừng và phát triển các mô hình lâm nghiệp phù hợp. Đối với khu vực có địa hình dốc, cần hạn chế hoạt động san gạt, khai thác đất đá và xây dựng làm ảnh hưởng đến khả năng phòng hộ của thảm thực vật.

Trong quy hoạch chung, cần rà soát hiện trạng rừng tự nhiên, rừng trồng, đất lâm nghiệp và các khu vực có chức năng phòng hộ; xác định rõ phạm vi bảo

vệ, khu vực được phép khai thác và những hạn chế phát triển xây dựng theo quy định.

** Tài nguyên biển và thủy sản:*

Khu vực ven biển và vùng nước liên quan đến vịnh Hòn La là lợi thế quan trọng của xã Phú Trạch. Tài nguyên biển tạo điều kiện phát triển khai thác, nuôi trồng và chế biến thủy sản, dịch vụ hậu cần nghề cá, vận tải biển và các hoạt động thương mại gắn với cảng biển.

Bên cạnh giá trị kinh tế, vùng biển còn có ý nghĩa về cảnh quan, môi trường và đa dạng sinh học. Việc khai thác tài nguyên biển cần bảo đảm phù hợp với quy hoạch không gian biển, quy hoạch cảng biển và các quy định về bảo vệ môi trường; kiểm soát nước thải, chất thải từ hoạt động sản xuất, dịch vụ và vận tải biển.

Định hướng quy hoạch cần nghiên cứu các khu vực có khả năng phát triển nuôi trồng thủy sản, điểm dịch vụ nghề cá và các khu vực có giá trị cảnh quan; đồng thời xác định các khu vực cần bảo vệ, hạn chế tác động đến hệ sinh thái ven biển và chủ động ứng phó với bão, xói lở bờ biển.

** Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng:*

Tài nguyên khoáng sản và vật liệu xây dựng cần được xem xét trên cơ sở đặc điểm địa chất, kết quả điều tra khoáng sản và các khu vực đã được cơ quan có thẩm quyền xác định. Nguồn vật liệu xây dựng tại chỗ, nếu được xác nhận về trữ lượng và chất lượng, có thể hỗ trợ nhu cầu xây dựng hạ tầng, nhà ở và các công trình kinh tế - xã hội.

Tuy nhiên, việc khai thác khoáng sản phải tuân thủ quy hoạch, giấy phép và các quy định về bảo vệ môi trường; không làm ảnh hưởng đến khu dân cư, công trình giao thông, nguồn nước và cảnh quan tự nhiên.

Trong hồ sơ quy hoạch chung, cần rà soát các khu vực khoáng sản đã được cấp phép, khu vực dự trữ khoáng sản và các điểm có khả năng cung cấp vật liệu xây dựng. Chưa nên xác định cụ thể loại khoáng sản, trữ lượng hoặc tiềm năng khai thác của xã khi chưa có số liệu điều tra địa chất được kiểm chứng.

** Tài nguyên cảnh quan và vị trí kinh tế:*

Xã Phú Trạch có sự kết hợp giữa cảnh quan đồi gò, đồng ruộng, không gian ven biển và khu vực cảng Hòn La. Đây là lợi thế để hình thành các không gian phát triển đa dạng, kết hợp sản xuất nông nghiệp, kinh tế biển, công nghiệp và dịch vụ.

Đặc biệt, Khu kinh tế Hòn La có quy mô khoảng 10.000ha, trong đó có các khu công nghiệp, khu cảng biển, khu nhiệt điện và các khu dịch vụ thương mại, du lịch. Sự hiện diện của khu kinh tế tạo động lực phát triển công nghiệp, dịch vụ hậu cần, vận tải, thương mại và nhu cầu lao động, nhà ở, hạ tầng xã hội tại địa bàn xã Phú Trạch.

Trong quá trình lập quy hoạch, cần đánh giá khả năng kết nối giữa các khu dân cư với khu kinh tế, bố trí quỹ đất phục vụ nhu cầu phát triển hạ tầng và dịch vụ, đồng thời kiểm soát các tác động môi trường từ hoạt động công nghiệp và cảng biển.

** Tài nguyên nhân văn và nguồn lực lao động:*

Các khu dân cư hình thành từ bốn xã trước sáp nhập có lịch sử sinh sống, tập quán sản xuất và các giá trị văn hóa cộng đồng riêng. Hoạt động sản xuất nông nghiệp, nghề biển và các ngành nghề truyền thống là cơ sở để duy trì sinh kế, phát huy bản sắc địa phương và phát triển các loại hình dịch vụ phù hợp.

Nguồn lao động tại chỗ có thể đáp ứng một phần nhu cầu của các ngành nông nghiệp, thủy sản, thương mại, dịch vụ và công nghiệp. Tuy nhiên, sự phát triển của các dự án quy mô lớn cũng đặt ra yêu cầu nâng cao trình độ chuyên môn, đào tạo nghề và chuyển dịch lao động sang các lĩnh vực có năng suất cao hơn.

Quy hoạch cần rà soát các di tích, công trình văn hóa, địa điểm tín ngưỡng, nghề truyền thống và các giá trị văn hóa cộng đồng; đồng thời dự báo nhu cầu việc làm, nhà ở, trường học, cơ sở y tế và các thiết chế văn hóa - thể thao phục vụ người dân.

2. Hiện trạng kinh tế - xã hội:

2.1. Thực trạng phát triển kinh tế:

a. Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

** Đánh giá Hiện trạng Nông, Lâm nghiệp và Thủy sản*

Quỹ đất nông nghiệp quy mô lớn: Tổng diện tích đất nông nghiệp (NNP) tại xã Phú Trạch được phân bổ, chiếm tỷ trọng áp đảo trong tổng diện tích tự nhiên của xã.

Lâm nghiệp chiếm vị thế chủ đạo:

Đất rừng phòng hộ đóng vai trò cực kỳ quan trọng trong việc bảo vệ môi trường sinh thái, giữ nguồn nước và phòng chống cát bay, sạt lở ven biển/đầu nguồn.

Đất rừng sản xuất tạo tiền đề cung cấp nguyên liệu dăm gỗ và gỗ lớn cho công nghiệp chế biến.

Trồng trọt & Hạ tầng thủy lợi:

Sở hữu hệ thống công trình thủy lợi đầu mối quan trọng gồm hồ Vực Tròn (dung tích 52,8triệu m^3, tưới cho 2.050ha canh tác, 150ha nuôi thủy sản) cùng hệ thống hồ chứa mặt nước như hồ Sông Thai, hồ Khe Chay, hồ Đồng Mười.

Thủy sản & Kinh tế biển: Thuộc vùng ven biển - cửa sông, Phú Trạch có lợi thế về diện tích mặt nước lợ và mặn, thuận lợi để mở rộng nuôi trồng hải sản/thủy sản tập trung và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

** Định hướng Quy hoạch phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2050*

- Mô hình phát triển không gian nông thôn:

Định hướng Phú Trạch phát triển theo mô hình "xã ven biển - cửa sông - nông thôn biển hiện đại", vừa ứng phó chủ động với biến đổi khí hậu và nước biển dâng, vừa nâng cao chất lượng hạ tầng tiệm cận tiêu chuẩn đô thị (chuẩn bị tích hợp vào vùng mở rộng của Đô thị Ba Đồn loại II đến năm 2050).

- Định hướng phát triển Lâm nghiệp:

Bảo vệ rừng phòng hộ: Quản lý nghiêm ngặt dải rừng phòng hộ ven biển và rừng đầu nguồn nhằm duy trì khả năng chắn gió, chắn cát, hạn chế sạt lở và bảo vệ an toàn sinh thái cho vành đai công nghiệp KKT Hòn La.

Phát triển rừng trồng gỗ lớn: Đẩy mạnh chuyển đổi rừng trồng sản xuất sang mô hình trồng rừng gỗ lớn gắn với cấp chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC), hình thành vùng nguyên liệu tập trung liên kết với các nhà máy chế biến gỗ và lâm sản xuất khẩu.

Bảo tồn cảnh quan & Du lịch sinh thái: Tích hợp rừng Phú Trạch vào Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến (quy mô 8.000ha), phát triển du lịch sinh thái rừng - biển kết hợp bảo tồn đa dạng sinh học.

- Định hướng phát triển nông nghiệp (trồng trọt & chăn nuôi)

Trồng trọt:

Bảo vệ nghiêm ngặt vùng sản xuất lúa thâm canh chất lượng cao (577,41ha đất chuyên trồng lúa nước), đẩy mạnh dồn điền đổi thửa và ứng dụng cơ giới hóa đồng bộ.

Chuyển đổi các diện tích canh tác kém hiệu quả sang trồng cây ăn quả chất lượng cao, cây công nghiệp và dược liệu dưới tán rừng.

Khuyến khích mô hình sản xuất nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp sinh thái, nông nghiệp hữu cơ đạt tiêu chuẩn VietGAP/GlobalGAP.

Chăn nuôi: Quy hoạch các vùng chăn nuôi tập trung, an toàn sinh học, phát triển mô hình trang trại/gia trại quy mô lớn (trâu, bò, lợn, gia cầm) gắn với vùng nguyên liệu thức ăn và các cơ sở giết mổ, chế biến tập trung.

- Định hướng phát triển Thủy sản & Thủy lợi

Nuôi trồng thủy sản: Mở rộng diện tích và hình thành vùng nuôi trồng thủy sản tập trung ven biển/cửa sông, đẩy mạnh ứng dụng công nghệ cao (nuôi tôm mặn lợ, cá lồng bè) bảo đảm an toàn vệ sinh thực phẩm và thích ứng biến đổi khí hậu.

Nâng cấp hạ tầng Thủy lợi: Nâng công suất cấp nước thô của Hồ Vực Tròn từ 48.000 m^3/ngày-đêm lên 150.000 m^3/ngày-đêm, bảo đảm cung cấp đủ nguồn nước đa mục tiêu cho sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, đồng thời cấp nước thô cho công nghiệp KKT Hòn La và Đô thị Ba Đồn mở rộng.

Theo thông tin công bố trên Báo Quảng Trị ngày 6/10/2026, trong 9 tháng đầu năm 2026, sản lượng lương thực của xã ước đạt 9.395,2 tấn, vượt kế hoạch năm; diện tích gieo cấy lúa vụ hè - thu đạt 735ha. Sản lượng thủy sản khai thác lũy kế đến hết tháng 9 đạt 3.287tấn, bằng 91,3% kế hoạch năm. Những kết quả này cho thấy nông nghiệp và thủy sản tiếp tục là các lĩnh vực quan trọng trong nền kinh tế địa phương.

b. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

** Đánh giá hiện trạng công nghiệp, TTCN và xây dựng:*

- Vị trí hạt nhân công nghiệp - cảng biển: Xã Phú Trạch giữ vị trí chiến lược ven biển phía Bắc, nằm trong vành đai công nghiệp Bắc Đồng Hới - Tây Bắc Quán Hàu - Quảng Ninh - Quảng Trạch và là địa bàn phát triển công nghiệp - logistics trọng điểm của KKT Hòn La.

- Hiện trạng các Khu công nghiệp (KCN) cốt lõi:

KCN Cảng biển Hòn La: Quy mô 168ha, hiện đã đi vào hoạt động với hạ tầng kỹ thuật cơ bản hoàn thiện (bao gồm trạm xử lý nước thải tập trung giai đoạn 1 công suất 500m^3/ngày-đêm), thu hút các dự án chế biến dăm gỗ, cấu kiện bê tông, gia công nhà tiền chế và cơ khí phụ trợ.

KCN Hòn La II: Diện tích quy hoạch 250ha (đã phê duyệt quy hoạch chi tiết 177,1ha), định hướng là KCN tổng hợp đa ngành và công nghiệp phụ trợ.

- Thực trạng Tiểu thủ công nghiệp & Ngành nghề nông thôn: Hoạt động TTCN trên địa bàn chủ yếu ở quy mô nhỏ lẻ theo hộ gia đình, tập trung vào chế biến nông - lâm - thủy sản, cơ khí nhỏ, mộc dân dụng và sản xuất vật liệu xây dựng.

- Hạ tầng Xây dựng & Đất phi nông nghiệp: Tổng diện tích đất phi nông nghiệp (PNN) của xã Phú Trạch được phân bổ lên tới 3.494,60ha. Trong đó:

Đất phát triển hạ tầng (CCC): 1.877,62ha;

Đất khu công nghiệp (SKK): 356,06ha;

Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp (SKC): 89,36ha;

Đất năng lượng (DNL): 542,67ha (phục vụ hệ thống kho xăng dầu, kho LPG và hạ tầng năng lượng phụ trợ).

** Định hướng Quy hoạch phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2050:*

- Phát triển công nghiệp & mở rộng quy mô KCN

Mở rộng KCN Hòn La II (xã Phú Trạch): Đề xuất mở rộng quy mô từ 250 ha lên 388ha sau năm 2030. Định hướng thu hút các ngành công nghiệp công nghệ cao, lắp ráp linh kiện điện tử, cơ khí chính xác, thiết bị - kết cấu thép, dệt may, da giày và chế biến sâu nông - lâm - thủy sản.

Chuyển dịch sang mô hình công nghiệp xanh - sinh thái: Ưu tiên thu hút các dự án công nghiệp sạch, công nghệ cao, thân thiện với môi trường; áp dụng tiêu chuẩn sinh thái, tiết kiệm năng lượng và kinh tế tuần hoàn.

Cộng sinh công nghiệp phụ trợ: Phú Trạch đóng vai trò là vành đai kết nối, phát triển công nghiệp phụ trợ hỗ trợ cho công nghiệp nặng tại KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh) và Trung tâm Điện lực Quảng Trạch.

- Quy hoạch Logistics, Kho bãi & Hạ tầng Năng lượng

Khu dịch vụ Logistics nội địa: Quy hoạch bố trí Khu dịch vụ Logistics nội địa tại KCN Hòn La II (xã Phú Trạch) kết hợp với các bãi đỗ xe trung chuyển, kho ngoại quan/kho tổng hợp (quỹ đất logistics khoảng 80ha, bãi trung chuyển 38ha) dọc theo tuyến đường nối KKT Hòn La với KCN xi măng Tiến - Châu - Văn Hóa.

- Hạ tầng năng lượng & Kho nhiên liệu: Phát triển quỹ đất năng lượng (542,67 ha), đầu tư mới kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG) và mở rộng kho nhiên liệu hiện hữu phục vụ KKT Hòn La và vùng phụ cận.

- Định hướng Tiểu thủ công nghiệp & Làng nghề

Khuyến khích di dời các cơ sở sản xuất TTCN, mộc dân dụng và cơ khí nhỏ lẻ nằm xen kẽ trong khu dân cư vào các khu vực sản xuất tập trung hoặc KCN Hòn La II.

Gắn phát triển TTCN với chế biến sâu gỗ rừng trồng đạt chứng chỉ quản lý bền vững (FSC) và chế biến nông - hải sản đặc sản địa phương phục vụ du lịch và xuất khẩu.

- Định hướng xây dựng & hạ tầng đô thị hóa

Tích hợp vào dải phát triển Đô thị Ba Đồn mở rộng (loại II vào năm 2050): Phú Trạch (cùng với Quảng Trạch và Hòa Trạch) được quy hoạch thuộc không gian mở rộng của Đô thị Ba Đồn. Vì vậy, hạ tầng kỹ thuật xây dựng công nghiệp - dịch vụ - dân cư tại Phú Trạch được thiết kế tiệm cận các chỉ tiêu đô thị.

- Mở rộng giao thông trục chính kết nối xây dựng:

Nâng cấp Quốc lộ 1 (từ Km591+794) đạt tối thiểu đường cấp III, quy mô 4 làn xe.

Nâng cấp, cải tạo 21km tuyến Đường tỉnh 558B (ĐT.558B) đạt cấp IV-V.

Mở rộng trục đường Tiến Châu - Văn Hóa lên quy mô mặt cắt 32m, tạo trục giao thông chính xây dựng phát triển đô thị - công nghiệp - logistics kết nối với cao tốc Bắc - Nam.

Hạ tầng xử lý môi trường & Thoát nước: Xây dựng mới Trạm xử lý nước thải sinh hoạt tập trung công suất 4.000m³/ngày-đêm (định hướng đến năm 2050), ngầm hóa hạ tầng viễn thông/điện thoại và thiết lập dải cây xanh cách ly an toàn giữa vùng công nghiệp với khu dân cư và dải du lịch ven biển.

c. Thương mại, dịch vụ và du lịch:

** Đánh giá hiện trạng thương mại, dịch vụ và du lịch:*

- Thương mại & Dịch vụ:

Hoạt động thương mại chủ yếu dựa vào mạng lưới chợ truyền thống, các cửa hàng kinh doanh tổng hợp, cửa hàng tiện lợi và hộ buôn bán nhỏ lẻ phục vụ nhu cầu dân sinh, thu mua nông - lâm - hải sản địa phương.

Dịch vụ logistics và kho vận hậu cần cảng biển đã bước đầu được quy hoạch hình thành gắn với vị trí giáp ranh Khu kinh tế Hòn La, Quốc lộ 1 và các Khu công nghiệp (KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II).

Diện tích quỹ đất thương mại dịch vụ (TMD) được phân bổ trên địa bàn xã đạt 118,28ha.

- Du lịch:

Tài nguyên du lịch nổi bật: Phú Trạch sở hữu nguồn tài nguyên du lịch sinh thái - văn hóa - tâm linh đặc sắc, trọng tâm là khu vực Vũng Chùa - Đảo Yến và núi Thọ Sơn. Đây là địa danh gắn liền với Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, cảnh quan núi rừng Thọ Sơn, bãi biển Vũng Chùa hoang sơ kín gió và Đảo Yến (Hòn Nồm) - nơi cư ngụ của hàng ngàn chim yến.

Hạn chế hiện nay: Mặc dù lượng khách về thăm viếng Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp rất đông (trung bình hàng nghìn lượt khách/ngày), hệ thống cơ sở hạ tầng dịch vụ du lịch (cơ sở lưu trú cao cấp, trung tâm mua sắm, ẩm thực, dịch vụ vui chơi giải trí đêm) còn hạn chế. Du khách chủ yếu đi tour tham quan trong ngày rồi quay về các trung tâm lưu trú ở Đồng Hới hoặc Ba Đồn.

** Định hướng Quy hoạch phát triển đến năm 2030, tầm nhìn 2050*

- Phát triển Thương mại & Dịch vụ Logistics

Trung tâm Logistics nội địa & Hệ thống kho bãi:

Quy hoạch Khu dịch vụ Logistics nội địa tại KCN Hòn La II (thuộc xã Phú Trạch) kết hợp với các bãi đỗ xe trung chuyển.

Bố trí kho ngoại quan, kho tổng hợp (dự kiến nhu cầu đất khoảng 80ha) và bãi đỗ xe trung chuyển (38ha) dọc theo tuyến đường kết nối KKT Hòn La với KCN xi măng Tiến - Châu - Văn Hóa và Quốc lộ 1.

Đầu tư mới kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG) và nâng cấp hệ thống kho nhiên liệu hiện hữu (với tổng quỹ đất năng lượng DNL đạt 542,67ha).

Thương mại đô thị & Nông thôn: Nâng cấp hệ thống chợ hiện có, phát triển mạng lưới cửa hàng bách hóa, cửa hàng tiện lợi và hợp tác xã thương mại. Chuẩn bị đồng bộ hạ tầng dịch vụ thương mại để tích hợp Phú Trạch vào vùng không gian Đô thị Ba Đồn mở rộng (hướng tới đạt đô thị loại II vào năm 2050).

- Phát triển Du lịch (Hạt nhân Cụm du lịch E phía Bắc)

Thành lập Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến:

Quy hoạch thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan với quy mô diện tích khoảng 8.000ha tại xã Phú Trạch.

Đưa vùng đất và vùng nước xung quanh Đảo Yến vào khu chức năng phục vụ du lịch sinh thái dưới tán rừng và nuôi trồng thủy sản ven đảo (tuân thủ nghiêm ngặt Luật Lâm nghiệp). Cải tạo khu vực bãi đá ven biển để tạo dựng không gian du lịch hướng biển.

- Phát triển các dòng sản phẩm du lịch chủ đạo:

Du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh: Lấy Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, chùa và tháp núi Thọ Sơn làm hạt nhân, kết nối với Đền Thánh mẫu Liễu Hạnh, Hoành Sơn Quan và các di tích lịch sử cách mạng trên hành lang di sản miền Trung.

Du lịch biển đảo & Sinh thái nghỉ dưỡng: Phát triển các khu nghỉ dưỡng sinh thái biển cao cấp Vũng Chùa, tour du lịch khám phá Đảo Yến, trải nghiệm thiên nhiên núi Thọ Sơn.

Du lịch cộng đồng - nông thôn: Khai thác mô hình du lịch cộng đồng làng chài, làng nghề truyền thống, quảng bá ẩm thực đặc sản và trải nghiệm nông nghiệp sinh thái.

Kết nối tuyến - cụm du lịch: Phú Trạch giữ vai trò trung tâm của Cụm du lịch E (vùng phía Bắc tỉnh), kết nối thông suốt qua Quốc lộ 1, Quốc lộ 12A (hành lang EWEC) và đường thủy (sông Gianh, tuyến vận tải bờ biển nối Cảng Hòn La với Phong Nha - Kẻ Bàng và Đồng Hới).

- Chỉ tiêu sử dụng đất & Hạ tầng khung phụ trợ (Đến năm 2030)

Đất thương mại dịch vụ (TMD): 118,28 ha.

Đất giao thông (DGT): 476,98 ha (phục vụ hạ tầng logistics, bến bãi và các tuyến kết nối du lịch).

Đường bộ & Bến bãi: Nâng cấp Quốc lộ 1 (đoạn qua Phú Trạch); nâng cấp 21 km tuyến Đường tỉnh 558B đạt cấp IV-V; mở rộng trục đường Tiến Châu - Văn Hóa (mặt cắt 32m); xây dựng mới Bến xe Roòn (0,3ha) và Bến xe Hòn La (0,5ha); bổ sung cầu tàu du lịch nội vùng phục vụ kết nối đường thủy Vũng Chùa - Đảo Yến.

- Hoạt động thương mại, dịch vụ của xã gắn với nhu cầu tiêu dùng của dân cư, trao đổi hàng hóa, dịch vụ hậu cần nghề cá và các hoạt động kinh tế liên quan đến khu vực Hòn La. Sự phát triển của các dự án công nghiệp và cảng biển tạo điều kiện mở rộng các dịch vụ vận tải, cung ứng vật tư, ăn uống, lưu trú và dịch vụ phục vụ người lao động.

- Về du lịch, địa bàn có tiềm năng khai thác cảnh quan ven biển, các giá trị văn hóa địa phương và không gian gắn với khu vực Hòn La. Tuy nhiên, việc phát triển du lịch cần được đánh giá trên cơ sở tài nguyên thực tế, khả năng tiếp cận giao thông, cơ sở dịch vụ và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Nhìn chung, thương mại - dịch vụ có triển vọng trở thành lĩnh vực bổ trợ quan trọng cho công nghiệp, nông nghiệp và kinh tế biển. Quy hoạch cần xác định các vị trí phù hợp để phát triển điểm dịch vụ, khu thương mại và các công trình phục vụ dân cư, đồng thời hạn chế phát triển tự phát dọc các tuyến giao thông.

2.2 Thực trạng phát triển xã hội:

a. Dân số, lao động và việc làm:

** Thực trạng quy mô dân số & mật độ phân bố (năm 2025)*

Quy mô dân số hiện trạng: Dân số thường trú của xã Phú Trạch đạt 30.850người.

Diện tích tự nhiên & Mật độ: Trên tổng diện tích tự nhiên 196,69km², mật độ dân số trung bình của xã đạt khoảng 154người/km².

Đặc điểm cư trú: Dân cư hiện nay chủ yếu sinh sống ở khu vực nông thôn, phân bố tập trung dọc theo các trục giao thông chính (Quốc lộ 1, Đường tỉnh 558B) và các khu vực làng xóm truyền thống ven sông, ven biển.

** Dự báo phát triển dân số & đô thị hóa*

Giai đoạn đến năm 2030: Quy mô dân số tiếp tục gia tăng nhờ tốc độ lấp đầy của các Khu công nghiệp (KCN Hòn La II), sự mở rộng hệ thống kho bãi logistics và hoạt động du lịch tại khu vực Vũng Chùa - Đảo Yến.

Tầm nhìn đến năm 2050: Trong định hướng mở rộng không gian phát triển của Đô thị Ba Đồn (hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại II), dân số thường trú của xã Phú Trạch dự báo sẽ tăng lên khoảng 41.913 người (chưa bao gồm lượng dân số quy đổi từ khách du lịch và lao động tạm trú/lưu trú ngắn hạn).

** Thực trạng Lao động & Cơ cấu Việc làm*

Lao động Nông - Lâm - Thủy sản (Khu vực truyền thống):

Do diện tích đất nông nghiệp (NNP) của xã chiếm quy mô rất lớn, một bộ phận đông đảo lực lượng lao động địa phương vẫn đang hoạt động trong lĩnh vực nông - lâm - ngư nghiệp.

Các hoạt động tạo việc làm chính gồm canh tác lúa 664,89ha, trồng và chăm sóc rừng sản xuất 6.763,40ha, bảo vệ dải rừng phòng hộ 6.911,12ha, chăn nuôi gia súc/gia cầm và nuôi trồng thủy sản ven biển/cửa sông.

Lao động Công nghiệp, Tiểu thủ công nghiệp & Logistics:

Nhờ nằm trong vành đai phát triển Khu kinh tế (KKT) Hòn La với cơ cấu quỹ đất phi nông nghiệp lớn (đất khu công nghiệp SKK: 356,06ha; đất cơ sở

sản xuất phi nông nghiệp SKC: 89,36ha; đất giao thông DGT: 476,98ha), lực lượng lao động xã Phú Trạch đang có sự chuyển dịch nhanh chóng.

Ngày càng nhiều lao động chuyển sang làm việc tại KCN Cảng biển Hòn La (168ha), KCN Hòn La II (250ha), các cơ sở chế biến lâm sản, vật liệu xây dựng, cơ khí phụ trợ, kho bãi logistics và hệ thống kho nhiên liệu năng lượng.

Lao động Thương mại & Dịch vụ Du lịch:

Nguồn tài nguyên du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái nổi tiếng (Vũng Chùa - Đảo Yến, nơi an nghỉ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và núi Thọ Sơn) cùng dải quỹ đất thương mại dịch vụ (TMD: 118,28ha) tạo việc làm cho lao động địa phương trong các khâu kinh doanh chợ, cửa hàng tiện lợi, dịch vụ ăn uống, vận chuyển du khách và dịch vụ hậu cần nghề cá.

** Định hướng chuyển dịch lao động & tạo việc làm đến năm 2030*

Nâng cao chất lượng nguồn nhân lực: Đẩy mạnh đào tạo nghề và nâng cao kỹ năng cho lao động nông thôn nhằm thúc đẩy chuyển dịch lao động từ sản xuất nông nghiệp thuần túy sang các ngành công nghiệp sạch, công nghệ cao, vận tải kho vận logistics và du lịch dịch vụ.

Chuẩn bị nhân lực tiệm cận tiêu chuẩn đô thị: Xây dựng kế hoạch thu hút chuyên gia, kỹ sư và lao động có tay nghề cao về làm việc, đồng thời chuyển đổi sinh kế cho người dân địa phương khi xã từng bước tích hợp vào dải đô thị - công nghiệp - ven biển Ba Đồn mở rộng.

b. Giáo dục và đào tạo:

** Đánh giá hiện trạng Giáo dục và Đào tạo*

- Mạng lưới trường lớp phổ thông cơ bản hoàn thiện:

Xã Phú Trạch nằm trong vành đai phát triển Khu kinh tế (KKT) Hòn La và vùng động lực phía Bắc. Hệ thống trường lớp từ cấp mầm non, tiểu học đến trung học cơ sở (THCS) đã phủ kín các thôn làng, cơ bản đáp ứng nhu cầu học tập đúng độ tuổi của con em địa phương.

Địa bàn xã là nơi đặt trụ sở của Trường THPT Quang Trung (trường THPT công lập lớn) đảm nhận nhiệm vụ giáo dục trung học phổ thông cho xã Phú Trạch và các xã phụ cận trong vùng.

- Quỹ đất dành cho giáo dục:

Theo chỉ tiêu quy hoạch phân bổ sử dụng đất đến năm 2030, tổng diện tích đất giáo dục (DGD) tại xã Phú Trạch đạt 22,68ha. Quỹ đất này tạo điều kiện

thuận lợi cho việc mở rộng khuôn viên, nâng cấp sân bãi, kiên cố hóa trường lớp và xây dựng phòng học bộ môn.

- Một số hạn chế, tồn tại:

Địa bàn xã chưa có cơ sở đào tạo nghề (GDNN) chuyên nghiệp hoặc đại học/cao đẳng tại chỗ; công tác đào tạo nghề cho lao động nông thôn chủ yếu phụ thuộc vào việc liên kết với các trung tâm GDNN-GDTX khu vực hoặc các trường cao đẳng tuyến tỉnh.

Cơ sở vật chất ở một số điểm trường mầm non và tiểu học còn thiếu phòng chức năng, thiết bị dạy học hiện đại (phòng lab, phòng STEM/STEAM) và điều kiện rèn luyện thể chất đạt chuẩn.

** Định hướng Quy hoạch Giáo dục và Đào tạo đến năm 2030, tầm nhìn 2050:*

- Nâng cấp, chuẩn hóa mạng lưới trường lớp phổ thông

Trường THPT Quang Trung: Tiếp tục duy trì, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, trang thiết bị hiện đại, mở rộng không gian học tập và rèn luyện thể chất theo hướng đạt chuẩn quốc gia mức độ cao; đáp ứng yêu cầu Chương trình Giáo dục phổ thông 2018 và đẩy mạnh giáo dục STEM/STEAM.

- Cấp mầm non, tiểu học và THCS:

Rà soát, sắp xếp lại các điểm trường lẻ theo hướng tập trung về khu trung tâm xã hoặc các cụm dân cư lớn.

Kiên cố hóa 100% phòng học, đầu tư phòng máy tính, phòng ngoại ngữ và thư viện số.

Đảm bảo 100% học sinh tiểu học được học 2 buổi/ngày.

- Quy hoạch hạ tầng giáo dục tiệm cận tiêu chuẩn đô thị

Tích hợp vào dải Đô thị Ba Đồn mở rộng (loại II vào năm 2050): Phú Trạch cùng với Quảng Trạch và Hòa Trạch thuộc phạm vi mở rộng của Đô thị Ba Đồn. Vì vậy, hạ tầng giáo dục trên địa bàn xã được quy hoạch chuẩn hóa theo tiêu chí đô thị, ưu tiên quỹ đất giáo dục tại các khu đô thị mới, khu tái định cư và khu vực tập trung công nhân/chuyên gia KKT Hòn La.

Phát triển mầm non và phổ thông ngoài công lập: Khuyến khích xã hội hóa, thu hút doanh nghiệp đầu tư xây dựng các trường mầm non chất lượng cao, nhóm trẻ tư thục tại khu vực giáp ranh KCN Hòn La II để hỗ trợ người lao động.

- Giáo dục nghề nghiệp (GDNN) & Đào tạo nguồn nhân lực gắn với công nghiệp - dịch vụ

- Phân luồng học sinh sau THCS và THPT: Đẩy mạnh giáo dục hướng nghiệp, thực hiện liên kết giữa Trường THPT Quang Trung, các trường THCS với Trung tâm GDNN-GDTX Ba Đồn - Quảng Trạch và các trường cao đẳng kỹ thuật trên địa bàn tỉnh.

- Đào tạo nhân lực theo đặt hàng: Bám sát nhu cầu tuyển dụng lao động của các doanh nghiệp tại KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II, hệ thống bến bãi logistics và chuỗi du lịch sinh thái - tâm linh Vũng Chùa - Đảo Yến. Các ngành nghề trọng điểm đào tạo gồm: cơ khí, điện tử, vận tải - kho vận cảng biển, dịch vụ nhà hàng - khách sạn và chế biến lâm/thủy sản.

- Chuyển đổi số & Nâng cao chất lượng đội ngũ:

Chuyển đổi số toàn diện: 100% trường học kết nối Internet băng rộng, áp dụng học bạ số, phần mềm quản trị nhà trường và triển khai các mô hình lớp học thông minh.

Chuẩn hóa đội ngũ giáo viên: 100% cán bộ quản lý và giáo viên các cấp đạt và vượt chuẩn trình độ đào tạo theo Luật Giáo dục; tăng cường bồi dưỡng kỹ năng công nghệ thông tin, ngoại ngữ và năng lực giảng dạy tích hợp.

c. Y tế và chăm sóc sức khỏe nhân dân:

** Đánh giá hiện trạng y tế & chăm sóc sức khỏe tại xã Phú Trạch*

- Mạng lưới y tế cơ sở & Chức năng nhiệm vụ:

Trạm y tế xã Phú Trạch được đầu tư kiên cố, đóng vai trò "cửa ngõ" trong việc chăm sóc sức khỏe ban đầu, sơ cấp cứu, phòng chống dịch bệnh, tiêm chủng mở rộng và thực hiện các chương trình y tế quốc gia cho người dân trên địa bàn.

Mạng lưới y tế cơ sở đảm bảo quản lý tốt sức khỏe bà mẹ - trẻ em, công tác dân số - KHHGĐ và khám chữa bệnh BHYT tuyến đầu.

- Chỉ tiêu quỹ đất y tế (DYT):

Theo bảng phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030, quỹ đất dành riêng cho y tế (DYT) tại xã Phú Trạch được bố trí là 0,75ha.

- Kết nối tuyến điều trị khu vực:

Người dân Phú Trạch tiếp cận khám chữa bệnh chuyên sâu thông qua mạng lưới tầng trung gian như Trung tâm y tế khu vực Quảng Trạch (quy mô 80giường bệnh), Trung tâm Y tế huyện Quảng Trạch (khu vực Quảng Tùng - Quảng Hưng quy mô 8,5 ha), Bệnh viện Đa khoa khu vực Bố Trạch (400-410

giường), Bệnh viện Đa khoa khu vực Bắc Quảng Trị (520 giường) và Bệnh viện Hữu nghị Việt Nam - Cu Ba Đồng Hới (1.000 giường).

- Thách thức & tồn tại:

Quy mô Trạm y tế xã còn ở mức cơ bản, trang thiết bị chẩn đoán hiện đại và nhân lực y tế chuyên khoa sâu còn hạn chế.

Khi Khu kinh tế Hòn La (KCN Hòn La II, hệ thống kho bãi logistics) đi vào vận hành mở rộng, lực lượng lao động, chuyên gia và công nhân tạm trú/lưu trú tăng nhanh, tạo áp lực lớn lên hạ tầng y tế lao động, an toàn vệ sinh thực phẩm và y tế phòng chống dịch bệnh.

Tác động của biến đổi khí hậu (nắng nóng kéo dài, mưa lũ ven biển) gia tăng nguy cơ bùng phát các bệnh truyền nhiễm, bệnh tim mạch, hô hấp và tiêu hóa.

** Định hướng quy hoạch y tế & chăm sóc sức khỏe đến năm 2030, tầm nhìn 2050:*

- Nâng cấp & chuẩn hóa Trạm y tế Xã Phú Trạch:

Mô hình y học gia đình: Đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất trạm y tế xã Phú Trạch theo chuẩn quốc gia; vận hành theo nguyên lý y học gia đình, đảm bảo 100% trạm y tế thực hiện dự phòng, quản lý và điều trị nội ngoại trú một số bệnh không lây nhiễm (như huyết áp, tiểu đường, tim mạch).

Quản lý sức khỏe toàn dân: Triển khai hồ sơ sức khỏe điện tử / Sổ sức khỏe điện tử đồng bộ, phấn đấu ≥ 95% dân số được quản lý sức khỏe liên tục theo vòng đời.

- Y tế dự phòng & Chăm sóc sức khỏe trẻ em:

Đảm bảo ≥ 95% trẻ em trong độ tuổi được tiêm chủng đầy đủ 14 loại vắc xin;

Giảm tỷ lệ suy dinh dưỡng thể thấp còi ở trẻ dưới 5 tuổi xuống dưới 14,5%;

Nâng tỷ lệ bao phủ Bảo hiểm Y tế (BHYT) trên địa bàn xã đạt tiệm cận 100%.

- Hạ tầng Y tế tiệm cận tiêu chuẩn Đô thị Ba Đồn mở rộng (năm 2050)

Quy hoạch tiệm cận chỉ tiêu đô thị: Xã Phú Trạch được quy hoạch nằm trong vành đai mở rộng của Đô thị Ba Đồn (hướng tới đạt đô thị loại II vào năm 2050). Do đó, hạ tầng y tế được quy hoạch đồng bộ, mở rộng không gian khám chữa bệnh để phục vụ cả dân cư đô thị tương lai và lực lượng lao động KKT Hòn La.

Đẩy mạnh xã hội hóa Y tế: Khuyến khích tư nhân và doanh nghiệp đầu tư xây dựng các phòng khám đa khoa, cơ sở y tế ngoài công lập, trung tâm chăm sóc phục hồi chức năng và dịch vụ y tế kỹ thuật cao/y tế theo yêu cầu trên địa bàn xã hoặc vùng giáp ranh.

- Kết nối mạng lưới cấp cứu bệnh viện & Y tế lao động công nghiệp

Vận chuyển cấp cứu 115: Tích hợp Trạm Y tế Phú Trạch vào mạng lưới chi nhánh Trung tâm vận chuyển cấp cứu 115 vùng Bắc Quảng Bình - Ba Đồn - Quảng Trạch, đảm bảo phản ứng nhanh trong cấp cứu giao thông Quốc lộ 1, tai nạn lao động tại KCN Hòn La II và thiên tai sự cố.

- Y tế lao động & Vệ sinh môi trường KCN:

Tăng cường công tác y tế lao động, phòng chống bệnh nghề nghiệp, kiểm tra an toàn vệ sinh thực phẩm tại các bếp ăn tập thể KCN Cảng biển Hòn La và KCN Hòn La II.

Quản lý nghiêm ngặt 100% chất thải y tế nguy hại, thu gom và xử lý bằng công nghệ tiên tiến (hấp ướt/thiêu đốt theo quy chuẩn), bảo đảm môi trường sống an toàn cho khu dân cư.

d. Văn hóa, thể dục thể thao:

** Đánh giá hiện trạng văn hóa và thể dục thể thao*

- Thiết chế văn hóa - thể thao cơ sở:

Mạng lưới nhà văn hóa thôn, điểm sinh hoạt cộng đồng và sân bãi tập luyện thể thao đơn giản đã phủ kín các khu dân cư, phục vụ nhu cầu sinh hoạt văn hóa tinh thần, hội họp và rèn luyện sức khỏe cơ bản của người dân.

Chỉ tiêu phân bổ quỹ đất sử dụng đến năm 2030 dành cho văn hóa (DVH) đạt 7,86ha và cho thể dục thể thao (DTT) đạt 17,16ha.

- Tài nguyên văn hóa - tâm linh & Danh thắng đặc sắc:

Xã Phú Trạch sở hữu vùng tài nguyên văn hóa - tâm linh - sinh thái trọng điểm với hạt nhân là khu vực Vũng Chùa - Đảo Yến và núi Thọ Sơn.

Đây là nơi tọa lạc Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, thắng cảnh thiên nhiên núi - biển hoang sơ, chùa và tháp linh thiêng trên núi Thọ Sơn cùng Đảo Yến (Hòn Nồm) - nơi cư ngụ của hàng ngàn chim yến, mỗi năm thu hút hàng triệu lượt khách trong và ngoài nước về thăm viếng và thưởng ngoạn.

- Một số tồn tại & Hạn chế:

Quy mô các thiết chế văn hóa, thể thao ở cấp thôn/xã còn nhỏ, trang thiết bị tập luyện chưa thực sự đồng bộ và hiện đại.

Khi KKT Hòn La mở rộng (kéo theo lượng lớn công nhân, kỹ sư và chuyên gia về lưu trú, làm việc), nhu cầu thụ hưởng văn hóa và tái tạo sức lao động tăng nhanh nhưng các thiết chế văn hóa - TDTT dành riêng cho người lao động tại KCN Hòn La II vẫn đang trong quá trình tiếp tục huy động nguồn lực đầu tư.

Các dịch vụ du lịch văn hóa - tâm linh bổ trợ chưa đồng bộ, chủ yếu phục vụ du khách thăm viếng trong ngày, thiếu các khu vui chơi giải trí và không gian văn hóa đêm quy mô lớn.

** Định hướng Quy hoạch Văn hóa và Thể dục thể thao đến năm 2030, tầm nhìn 2050:*

- Bảo tồn di sản & phát triển Khu bảo vệ cảnh quan núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến

Thành lập Khu bảo vệ cảnh quan quy mô 8.000ha: Quy hoạch thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến tại địa bàn xã Phú Trạch với tổng diện tích khoảng 8.000ha.

- Phát huy giá trị du lịch văn hóa - tâm linh:

Bảo tồn toàn diện không gian linh thiêng Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và di tích núi Thọ Sơn.

Đưa vùng đất và vùng nước xung quanh Đảo Yến vào khu chức năng bảo tồn rừng kết hợp phát triển du lịch sinh thái dưới tán rừng và bảo vệ môi trường biển đảo.

Phát triển Phú Trạch trở thành trung tâm hạt nhân thuộc cụm du lịch E (khu vực phía Bắc tỉnh) gắn kết tuyến du lịch văn hóa - tâm linh với Con đường di sản miền Trung.

- Nâng cấp & Chuẩn hóa thiết chế Văn hóa - Thể thao tiệm cận tiêu chuẩn Đô thị

Chuẩn hóa thiết chế cơ sở:

Phấn đấu 100% xã có Trung tâm Văn hóa - Thể thao đạt chuẩn Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch; 100% thôn có nhà văn hóa cộng đồng gắn liền với sân tập thể thao đa năng (bóng chuyền, bóng đá mini, cầu lông).

Xây dựng mô hình "Nhà văn hóa số", "Không gian đọc thông minh", nâng cấp tủ sách pháp luật và phòng đọc cộng đồng phục vụ nhu cầu học tập suốt đời.

- Thiết chế VH-TT phục vụ công nhân & Khu kinh tế Hòn La:

Dành quỹ đất và áp dụng cơ chế khuyến khích doanh nghiệp đầu tư xây dựng các nhà văn hóa, khu thể thao, công viên cây xanh công cộng trong KCN Cảng biển Hòn La và KCN Hòn La II nhằm phục vụ trực tiếp công nhân, người lao động.

- Tích hợp không gian Đô thị Ba Đồn mở rộng (loại II vào năm 2050):

Định hướng Phú Trạch thuộc không gian mở rộng của Đô thị Ba Đồn, hệ thống công trình văn hóa - TDTT được quy hoạch đồng bộ với quảng trường biển, công viên công cộng, công viên cảnh quan và các dải cây xanh cách ly.

- Đẩy mạnh xã hội hóa & ứng dụng công nghệ số trong quản lý văn hóa

Xã hội hóa thể thao & Văn hóa: Khuyến khích các thành phần kinh tế thành lập câu lạc bộ thể thao tư nhân, sân tập thể thao cỏ nhân tạo, bể bơi, phòng tập gym/fitness và trung tâm giải trí đa năng.

- Số hóa di sản & Quảng bá du lịch: Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ hiện đại (thực tế ảo VR/AR, 3D Mapping, bản đồ di sản số) trong việc giới thiệu, thuyết minh các di tích lịch sử - văn hóa và danh thắng Vũng Chùa - Đảo Yến, nâng cao trải nghiệm cho du khách.

e. An sinh xã hội và đời sống nhân dân:

** Đánh giá hiện trạng an sinh xã hội tại xã Phú Trạch*

- Đặc điểm địa bàn & phân loại chính sách:

Xã Phú Trạch có quy mô dân số hiện trạng (năm 2025) đạt 30.347 gười trên diện tích tự nhiên 196,69km².

Địa bàn xã thuộc danh sách các xã khu vực III (vùng miền núi và có điều kiện khó khăn theo Quyết định số 668/QĐ-UBND giai đoạn 2026-2030), đồng thời nằm trong phân vùng chịu ảnh hưởng rủi ro hạn hán cao và biến đổi khí hậu ven biển.

- Thực trạng sinh kế & chuyển dịch lao động:

Bên cạnh bộ phận lao động nông - lâm - ngư nghiệp truyền thống (gắn với 15.462,29ha đất nông nghiệp và dải rừng phòng hộ/sản xuất), sự hình thành các dự án lớn tại Khu kinh tế (KKT) Hòn La (KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II, hạ tầng kho bãi logistics, dải du lịch Vũng Chùa - Đảo Yến) đã và đang tạo ra nhiều cơ hội việc làm mới, giúp nâng cao thu nhập và cải thiện đời sống nhân dân.

- Hạ tầng xã hội & mạng lưới trợ giúp an sinh:

Y tế: Trạm Y tế xã Phú Trạch đóng vai trò sơ cấp cứu và chăm sóc sức khỏe ban đầu, kết nối với mạng lưới tầng trên như Trung tâm Y tế khu vực Quảng Trạch (quy mô 80 giường) và Trung tâm Công tác xã hội Bắc Quảng Trị.

- Giáo dục: Nơi đặt trụ sở Trường THPT Quang Trung cùng hệ thống trường mầm non, tiểu học, THCS đạt chuẩn (quỹ đất giáo dục DGD đạt 22,68ha), bảo đảm cơ bản quyền tiếp cận học tập của con em địa phương.

- Văn hóa - Thể thao: Quỹ đất văn hóa (DVH) đạt 7,86 ha và thể thao (DTT) đạt 17,16 ha, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt tinh thần cơ bản của cộng đồng cư dân.

** Định hướng quy hoạch an sinh xã hội đến năm 2030, tầm nhìn 2050*

- Giảm nghèo đa chiều & Phát triển sinh kế bền vững:

Triển khai đồng bộ các chương trình mục tiêu quốc gia về giảm nghèo bền vững, lồng ghép chính sách an sinh xã hội với tạo việc làm và dạy nghề cho lao động nông thôn.

Nâng cao kỹ năng nghề nghiệp cho người dân để chủ động tham gia vào chuỗi cung ứng lao động tại KCN Hòn La II, bãi bến kho vận logistics và dịch vụ du lịch sinh thái - tâm linh.

- Đảm bảo "Lưới an toàn xã hội" đa tầng & Chăm sóc đối tượng yếu thế:

Phấn đấu 100% đối tượng bảo trợ xã hội, hộ nghèo, cận nghèo và các nhóm yếu thế trên địa bàn xã được thụ hưởng đầy đủ chính sách trợ giúp xã hội, BHYT và các nguồn tín dụng chính sách ưu đãi.

Tăng cường kết nối chuyên môn với Trung tâm Công tác xã hội Bắc Quảng Trị trong việc tiếp nhận, quản lý ca và cung cấp dịch vụ bảo vệ trẻ em mồ côi, chăm sóc người cao tuổi, người khuyết tật tại cộng đồng.

- Hoàn thiện hạ tầng dân sinh & thích ứng biến đổi khí hậu:

Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng an sinh thiết yếu: kiên cố hóa đường giao thông liên thôn/xã, bảo đảm 100% hộ dân được dùng nước sạch sinh hoạt và điện lưới ổn định, giảm thiểu rủi ro bão lũ, hạn hán và xâm nhập mặn.

Xóa bỏ hoàn toàn nhà tạm, nhà dột nát cho các hộ có hoàn cảnh đặc biệt khó khăn.

- Chuẩn bị hạ tầng an sinh tiệm cận tiêu chuẩn Đô thị Ba Đồn mở rộng (Năm 2050):

Trong định hướng mở rộng Đô thị Ba Đồn đến năm 2050 (hướng tới đô thị loại II), xã Phú Trạch nằm trong vành đai đô thị hóa trọng điểm. Quy hoạch tỉnh yêu cầu chủ động bố trí quỹ đất và đầu tư hạ tầng xã hội đồng bộ (nhà ở công nhân KCN, công viên cây xanh, khu vui chơi giải trí, trạm y tế chuẩn hóa) để đảm bảo chất lượng an sinh sống cho cư dân đô thị tương lai và lực lượng lao động di cư.

2.3. Tiềm năng và lợi thế phát triển:

Xã Phú Trạch hội tụ đầy đủ các tiềm năng và lợi thế bứt phá để trở thành một trung tâm công nghiệp - logistics - du lịch sinh thái - đô thị ven biển trọng điểm tại cửa ngõ phía Bắc của tỉnh. Cụ thể:

** Vị trí địa lý chiến lược & mạng lưới kết nối liên vùng hoàn chỉnh:*

- Cửa ngõ kết nối dải kinh tế phía Bắc: Phú Trạch nằm trong phân vùng phát triển Cụm đô thị - công nghiệp Ba Đồn - Quảng Trạch - Hòn La. Xã giữ vai trò là "cầu nối" chiến lược giữa dải kinh tế biển với Hành lang kinh tế Quốc lộ 12A (kết nối Cửa khẩu quốc tế Cha Lo sang Lào và Đông Bắc Thái Lan).

- Trục giao thông đối ngoại huyết mạch:

Quốc lộ 1: Chạy qua địa bàn xã (tại điểm đầu Km591+794), được quy hoạch nâng cấp đạt tối thiểu đường cấp III, 4 làn xe.

- Trục liên kết Tiến Châu - Văn Hóa: Tuyến đường nối KKT Hòn La với Quốc lộ 12A và đường cao tốc Bắc - Nam (mặt cắt quy hoạch 32m), giúp rút ngắn thời gian vận chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu ra biển.

- Hệ thống Đường tỉnh & Ven biển: Tuyến ĐT.558B (21km), ĐT.558G và vành đai đường ven biển giúp kết nối giao thông thông suốt nội vùng.

** Tiềm năng phát triển công nghiệp, cảng biển & Logistics (hạt nhân KKT Hòn La):*

- Không gian mở rộng của Khu kinh tế Hòn La: Phú Trạch được quy hoạch là địa bàn trọng điểm mở rộng các khu chức năng KKT Hòn La.

- Cụm Khu công nghiệp (KCN) quy mô lớn:

KCN Cảng biển Hòn La (khoảng 168ha): Đã đi vào vận hành ổn định, tập trung công nghiệp sạch, chế biến dăm gỗ, cơ khí phụ trợ.

KCN Hòn La II (khoảng 250ha, quy hoạch mở rộng lên khoảng 388ha): Định hướng phát triển KCN đa ngành, công nghệ cao, lắp ráp điện tử, cơ khí chính xác và công nghiệp phụ trợ.

- Trung tâm logistics & hạ tầng năng lượng:

Địa bàn xã được bố trí Khu dịch vụ logistics nội địa, hệ thống kho ngoại quan/kho tổng hợp (quy mô 80 ha), bãi đỗ xe trung chuyển (38ha) và 02 bến xe khách/hàng hóa (bến xe Roòn 0,3ha, Bến xe Hòn La 0,5ha).

Quỹ đất năng lượng (DNL) được phân bổ khoảng hơn 500ha để phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG) phục vụ cho Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và KKT Hòn La.

** Lợi thế vượt trội về Du lịch Văn hóa - tâm linh & sinh thái biển Đảo:*

Thành lập Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến (8.000ha): Phú Trạch sở hữu vùng tài nguyên du lịch độc nhất vô nhị với Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp tại Vũng Chùa, danh thắng núi Thọ Sơn (chùa và tháp Thọ Sơn) cùng dải ven biển hoang sơ và Đảo Yến (Hòn Nồm).

Hạt nhân Cụm du lịch E phía Bắc: Phú Trạch đóng vai trò hạt nhân trung tâm thuộc Cụm du lịch E của tỉnh. Địa bàn xã có khả năng phát triển chuỗi sản phẩm du lịch đa dạng:

Du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh gắn với hành lang di sản miền Trung;

Du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp, trải nghiệm sinh thái rừng - biển và khám phá hệ sinh thái biển ven đảo.

** Nguồn tài nguyên thiên nhiên, thủy lợi & khoáng sản giàu có:*

Trọng điểm cấp nước thô (hồ Vực Tròn): Phú Trạch sở hữu công trình thủy lợi đầu mối quan trọng là hồ Vực Tròn (dung tích 52,8triệu m^3). Hồ được quy hoạch nâng công suất cấp nước thô từ 48.000m^3/ngày-đêm lên 150.000m^3/ngày-đêm, bảo đảm nguồn nước cho KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn mở rộng và nhà máy nước sạch Quảng Châu.

Tài nguyên lâm nghiệp phong phú: quỹ đất nông - lâm nghiệp đạt khoảng hơn 15.000ha. Trong đó có khoảng 6.900ha đất rừng phòng hộ (RPH) ven biển/đầu nguồn giúp chống bão cát, và khoảng 6.700ha đất rừng sản xuất (RSX) tiềm năng phát triển rừng trồng gỗ lớn đạt chứng chỉ quản lý bền vững FSC.

Khoáng sản cát Thạch Anh chất lượng cao: Địa bàn xã sở hữu mỏ cát thủy tinh (khu vực Bàu Bàng, Tứ Mỹ) có hàm lượng SiO_2 rất cao, là nguyên liệu giá trị cho công nghiệp sản xuất thủy tinh, pha lê và vật liệu mới.

** Động lực đô thị hóa & nguồn lực lao động dồi dào:*

Vành đai mở rộng Đô thị Ba Đồn (Loại II đến năm 2050): Phú Trạch được quy hoạch thuộc phạm vi mở rộng của Đô thị Ba Đồn (hướng tới đạt tiêu chuẩn

đô thị loại II vào năm 2050 cùng với Quảng Trạch, Hòa Trạch).

Quy mô dân số & lao động: Dân số hiện trạng đạt 30.850người (năm 2025) và dự báo gia tăng lên khoảng 43.600người vào năm 2050. Nguồn lao động tại chỗ dồi dào đang chuyển dịch nhanh từ nông - lâm - ngư nghiệp sang công nghiệp KCN, logistics và du lịch dịch vụ.

** Hiện trạng phân bố khu dân cư:*

Xã Phú Trạch được thành lập trên cơ sở sáp nhập các xã Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp trước đây. Do phạm vi địa bàn rộng, điều kiện địa hình đa dạng, hệ thống khu dân cư hình thành qua nhiều giai đoạn lịch sử nên phân bố dân cư có tính chất phân tán theo các cụm dân cư, thôn và các tuyến giao thông hiện hữu.

Các khu dân cư chủ yếu hình thành gắn với điều kiện địa hình thuận lợi, quỹ đất xây dựng, hoạt động sản xuất và khả năng tiếp cận hệ thống giao thông. Cấu trúc dân cư có sự khác biệt giữa khu vực đồng bằng, vùng đồi gò và khu vực ven biển; trong đó, các khu vực có điều kiện giao thông thuận lợi thường tập trung nhiều hoạt động dân sinh, thương mại và dịch vụ hơn.

Khu dân cư khu vực trung tâm và dọc các tuyến giao thông: Các điểm dân cư thường phát triển bám theo đường giao thông hiện hữu, hình thành các dải nhà ở liên tục hoặc bán liên tục. Đây là khu vực có điều kiện thuận lợi cho việc tiếp cận công trình công cộng, trường học, cơ sở y tế, chợ và các dịch vụ thiết yếu. Tuy nhiên, tại một số vị trí, phát triển nhà ở dọc tuyến có thể dẫn đến tình trạng mặt tiền xây dựng phân tán, hạn chế khả năng mở rộng đường và tổ chức hạ tầng kỹ thuật đồng bộ.

Khu dân cư khu vực nông nghiệp và đồng bằng: Các cụm dân cư gắn với đất sản xuất nông nghiệp, hệ thống đường liên thôn và công trình thủy lợi. Hình thái phổ biến là khu dân cư nông thôn, nhà ở kết hợp vườn và các công trình phụ trợ phục vụ sản xuất. Không gian ở có mối liên hệ trực tiếp với đồng ruộng và các vùng sản xuất lân cận. Việc phát triển mới cần hạn chế chia cắt đất nông nghiệp, đồng thời bảo đảm khả năng cấp nước, thoát nước và tiếp cận giao thông.

Khu dân cư khu vực đồi gò: Dân cư phân bố theo các vị trí địa hình tương đối bằng phẳng, ven các tuyến đường và tại những khu vực thuận lợi cho sinh hoạt, sản xuất. Do địa hình có sự phân hóa, việc mở rộng các khu dân cư tại khu vực này cần xem xét kỹ độ dốc, điều kiện nền đất, khả năng thoát nước và nguy cơ sạt lở.

Khu dân cư khu vực ven biển và gắn với không gian kinh tế Hòn La: Các điểm dân cư có mối liên hệ với hoạt động sản xuất, khai thác thủy sản, giao thông và các dịch vụ kinh tế biển. Sự phát triển của khu kinh tế và cảng biển có thể làm gia tăng nhu cầu nhà ở, dịch vụ dân sinh và các công trình hạ tầng xã hội. Vì vậy, cần kiểm soát chặt chẽ sự phát triển dân cư tại các khu vực có chức năng công nghiệp, cảng biển, hành lang bảo vệ công trình và khu vực có nguy cơ chịu ảnh hưởng của thiên tai.









Hình 2. Hiện trạng dân cư

3. Sự biến động về dân số trong vùng lập quy hoạch:

Vùng lập Quy hoạch chung xã Phú Trạch được hình thành trên cơ sở sáp nhập địa giới hành chính các xã Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp trước đây. Việc sáp nhập làm thay đổi quy mô dân số, phạm vi quản lý hành chính và không gian phân bố dân cư của xã, đồng thời đặt ra yêu cầu rà soát, đánh giá tổng thể hiện trạng dân số để phục vụ công tác tổ chức không gian phát triển trong giai đoạn quy hoạch.

Dân cư trên địa bàn phân bố tại các thôn, xóm và khu dân cư hiện hữu, gắn với điều kiện địa hình, hoạt động sản xuất nông nghiệp, khai thác và nuôi trồng thủy sản, dịch vụ ven biển, thương mại và các hoạt động kinh tế liên quan đến Khu kinh tế Hòn La. Mật độ dân số và quy mô dân cư giữa các khu vực có sự khác biệt; những khu vực tập trung các tuyến giao thông chính, trung tâm hành chính, công trình công cộng và các hoạt động kinh tế có điều kiện thuận lợi hơn để thu hút dân cư, lao động và phát triển các khu dân cư tập trung.

Trong thời gian tới, biến động dân số của xã dự kiến chịu tác động bởi quá trình chuyển dịch cơ cấu kinh tế, nhu cầu lao động tại các khu vực sản xuất, dịch vụ, cảng biển và công nghiệp; quá trình đô thị hóa, cải thiện hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và điều kiện sống của người dân. Bên cạnh biến động tự nhiên, biến động cơ học do di cư lao động, chuyển đến sinh sống và nhu cầu bố trí tái định cư (nếu có) cũng có thể ảnh hưởng đến quy mô và cơ cấu dân số tại một số khu vực.

Đối với công tác quy hoạch, cần rà soát đầy đủ quy mô dân số hiện trạng theo từng thôn, cơ cấu dân số theo độ tuổi, lao động, số hộ, tốc độ tăng dân số tự nhiên và cơ học; đồng thời đánh giá xu hướng phân bố dân cư gắn với các khu vực có tiềm năng phát triển. Đây là cơ sở để dự báo dân số cho các giai đoạn quy hoạch, xác định nhu cầu đất ở, nhà ở, công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao, cấp nước, thoát nước, thu gom chất thải rắn và các công trình hạ tầng thiết yếu khác.

Định hướng nghiên cứu trong quy hoạch: Tổ chức mạng lưới dân cư theo hướng kế thừa các khu dân cư hiện hữu, hạn chế phát triển phân tán tại khu vực có nguy cơ ngập lụt, sạt lở hoặc chịu tác động bất lợi của thiên tai; ưu tiên chỉnh trang, nâng cấp hạ tầng tại các khu dân cư hiện trạng, đồng thời bố trí các khu dân cư phát triển mới phù hợp với định hướng sử dụng đất, yêu cầu bảo vệ môi trường và định hướng phát triển kinh tế - xã hội của xã Phú Trạch.

4. Hiện trạng sử dụng và quản lý đất đai:

Bảng 1. Tổng hợp hiện trạng sử dụng đất.

Thứ tự	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
	Tổng diện tích		**19.668,97**	**100,00**
I	**Nhóm đất nông nghiệp**	**NNP**	**16.232,61**	**82,53**
1	**Đất trồng cây hằng năm**	**CHN**	**1.871,07**	**9,51**
1,1	Đất trồng lúa	LUA	765,37	3,89
1.1.1	Đất chuyên trồng lúa	LUC	639,71	3,25
1.1.2	Đất trồng lúa còn lại	LUK	125,66	0,64
1.2	Đất trồng cây hằng năm khác	HNK	1.105,70	5,62
2	**Đất trồng cây lâu năm**	**CLN**	**131,39**	**0,67**
3	**Đất lâm nghiệp**	***LNP***	***14.124,29***	***71,81***
3.1	Đất rừng đặc dụng	RDD		
3.2	Đất rừng phòng hộ	RPH	6.840,32	34,78
3.3	Đất rừng sản xuất	RSX	7.283,96	37,03
	Trong đó: Đất rừng sản xuất là rừng TN	*RSN*	*396,03*	*2,01*
4	**Đất nuôi trồng thủy sản**	**NTS**	**28,71**	**0,15**
5	**Đất chăn nuôi tập trung**	**CNT**		
6	**Đất làm muối**	**LMU**	**72,51**	**0,37**
7	**Đất nông nghiệp khác**	**NKH**	**4,63**	**0,02**
II	**Nhóm đất phi nông nghiệp**	**PNN**	**2.642,48**	**13,43**
1	**Đất ở**	**OTC**	**266,71**	**1,36**
1.1	Đất ở tại nông thôn	ONT	266,71	1,36
1.2	Đất ở tại đô thị	ODT		
2	**Đất xây dựng trụ sở cơ quan**	**TSC**	**2,36**	**0,01**
3	**Đất quốc phòng, an ninh**	**CQA**	**246,31**	**1,25**
3,1	Đất quốc phòng	CQP	245,63	1,25
3,2	Đất an ninh	CAN	0,68	
4	**Đất xây dựng công trình sự nghiệp**	**DSN**	**38,38**	**0,20**
4,1	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	6,84	0,03
4,2	Đất xây dựng cơ sở xã hội	DXH		
4,3	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	0,75	
4,4	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	18,96	0,10
4,5	Đất xây dựng cơ sở thể dục, thể thao	DTT	11,84	0,06
4,6	Đất xây dựng cơ sở khoa học và công nghệ	DKH		
4,7	Đất xây dựng cơ sở môi trường	DMT		
4,8	Đất xây dựng cơ sở khí tượng thủy văn	DKT		
4,9	Đất xây dựng cơ sở ngoại giao	DNG		
4,10	Đất xây dựng công trình sự nghiệp khác	DSK		
5	**Đất sản xuất, kinh doanh phi nông nghiệp**	**CSK**	**238,19**	**1,21**
5,1	Đất khu công nghiệp, cụm công nghiệp	SCC	106,06	0,54
5.1.1	Đất khu công nghiệp	SKK	106,06	0,54
5.1.2	Đất cụm công nghiệp	SKN		

Thứ tự	Loại đất	Mã	Diện tích (ha)	Cơ cấu (%)
5.1.3	Đất khu công nghệ thông tin tập trung	SCT		
5,2	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	41,29	0,21
5,3	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	77,28	0,39
5,4	Đất sử dụng cho hoạt động khoáng sản	SKS	13,56	0,07
6	**Đất sử dụng vào mục đích công cộng**	**CCC**	**1.451,52**	**7,38**
6,1	Đất công trình giao thông	DGT	433,45	2,20
6,2	Đất công trình thủy lợi	DTL	821,63	4,18
6,3	Đất công trình cấp nước, thoát nước	DCT	1,94	0,01
6,4	Đất công trình phòng, chống thiên tai	DPC		
6,5	Đất có di tích lịch sử - văn hóa danh lam thắng cảnh, di sản thiên nhiên	DDD	1,39	0,01
6,6	Đất công trình xử lý chất thải	DRA	0,08	
6,7	Đất công trình năng lượng, chiếu sáng công cộng	DNL	189,44	0,96
6,8	Đất công trình hạ tầng bưu chính, viễn thông, công nghệ thông tin	DBV	0,24	
6,9	Đất chợ dân sinh, chợ đầu mối	DCH	1,51	0,01
6,10	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng, sinh hoạt cộng đồng	DKV	1,84	0,01
7	**Đất tôn giáo**	**TON**	**1,82**	**0,01**
8	**Đất tín ngưỡng**	**TIN**	**0,39**	
9	**Đất nghĩa trang, nhà tang lễ, cơ sở hỏa táng; đất cơ sở lưu trữ tro cốt**	**NTD**	**146,94**	**0,75**
10	**Đất có mặt nước chuyên dùng**	**TVC**	**247,55**	**1,26**
10,1	Đất có mặt nước chuyên dùng dạng ao, hồ, đầm, phá	MNC	4,00	0,02
10,2	Đất có mặt nước dạng sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	243,56	1,24
11	**Đất phi nông nghiệp khác**	**PNK**	**2,32**	**0,01**
III	**Nhóm đất chưa sử dụng**	**CSD**	**793,88**	**4,04**
1	Đất do Nhà nước thu hồi theo quy định của pháp luật đất đai chưa giao, chưa cho thuê	CGT	380,09	1,93
2	Đất bằng chưa sử dụng	BCS	229,43	1,17
3	Đất đồi núi chưa sử dụng	DCS	173,78	0,88
4	Núi đá không có rừng cây	NCS	10,58	0,05
5	Đất có mặt nước chưa sử dụng	MCS		

5. Hiện trạng hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật:

5.1. Hiện trạng hạ tầng xã hội:

Toàn xã hiện có 16 thôn, gồm:

Tổng dân số toàn xã có 30.850 khẩu khoảng 8.317 hộ.

Quy mô hộ bình quân: 4 khẩu/hộ.

Mật độ dân số bình quân: 96 người/km^2.

Tỷ lệ tăng dân số năm 2025: 6,73‰.

- Trụ sở đảng ủy, MTTQVN, Công an xã Phú Trạch: Nhà xây 2 tầng, chất lượng kết cấu tốt, khuôn viên có cây xanh, thiếu thảm cỏ, hiện tại đủ chổ làm việc.

Địa điểm: xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị (trụ sở xã Quảng Đông cũ).



Hình 3. Trụ sở đảng ủy, MTTQVN xã Phú Trạch

- Trụ sở HĐND, UBND, trung tâm phục vụ hành chính công xã Phú Trạch: Nhà xây 2 tầng, chất lượng kết cấu tốt, khuôn viên có cây xanh, hiện tại đủ chổ làm việc.

Địa điểm: xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị (trụ sở xã Quảng Phú cũ).



Hình 4. Trụ sở HĐND, UBND, trung tâm phục vụ HCC xã Phú Trạch

- Trụ sở BCH QS xã Phú Trạch: Nhà xây 2 tầng, chất lượng kết cấu tốt, khuôn viên có cây xanh, hiện tại đủ chổ làm việc.

Địa điểm: xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị (trụ sở xã Quảng Kim cũ).



Hình 5. Trụ sở BCH QS xã Phú Trạch

- Nhà văn hóa các thôn: Có 26 nhà văn hóa thôn theo địa bàn 26 thôn cũ, hiện trạng xây dựng tương đối đảm bảo, đã sáp nhập còn 16 thôn.



Hình 6. Nhà văn hóa thôn

- Giáo dục đào tạo:

+ Toàn xã có 1 trường THPT: Trường THPT Quang Trung tại thôn Quảng Phú với khuôn viên hơn 38.000m², trường đã đầu tư hệ thống cơ sở vật chất khang trang, hiện đại: 45 phòng học được trang bị đầy đủ tivi, 11 phòng bộ môn

đạt chuẩn, thư viện, nhà đa năng, phòng sinh hoạt tổ chuyên môn, khu làm việc hiệu bộ và khu nội trú với 21 phòng rộng rãi, đáp ứng nhu cầu học tập, rèn luyện của học sinh trong giai đoạn mới. Không gian học đường được quy hoạch theo hướng xanh sạch đẹp an toàn, tạo môi trường thân thiện để học sinh phát triển toàn diện.

Trường THCS Phú Trạch tại thôn Đông Sơn gồm 1 dãy nhà hiệu bộ và 3 dãy nhà 2 tầng (bao gồm 8 phòng học văn hóa, 7 phòng học bộ môn cùng các công trình phụ trợ như sân thể thao, phòng truyền thống.

Trường TH & THCS Quảng Hợp tại thôn Quảng Hợp.

Trường Tiểu học và Trung học cơ sở Quảng Kim.

Trường Tiểu học Phú Trạch.

Trường Mầm non số 1 Phú Trạch tại thôn Phú Lộc.

Trường Mầm non số 2 Phú Trạch tại thôn Kim Long.











Hình 7. Trường học

- Y tế: Trạm y tế có 1 vườn thuốc nhỏ. Vị trí trạm y tế phù hợp với việc sử dụng, đi lại cho nhân dân.



Hình 8. Trạm y tế

- Chợ: Ngoài các chợ hiện có trong khu dân cư có các siêu thi mini, cửa hàng tạp hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu cho người dân.



Hình 9. Chợ

- Một số hình ảnh khác về xã Phú Trạch:



Hình 10. Nghĩa trang liệt sỹ



Hình 11. Mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp



Hình 12. Đường liên thôn, liên xã



Hình 13. Vũng chùa Đảo Yến



Hình 14. Nhà thờ



Hình 15. Nhà máy Công ty Phan Vũ



Hình 16. Sân thể thao



Hình 17. Cổng làng



Hình 18. Cầu Sông Thai



Hình 19. Đường điện 500KV

** Hiện trạng di tích lịch sử:*

+ Hoành Sơn Quan được xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 1738/QĐ-UB ngày 02/8/2002 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là UBND tỉnh Quảng Trị);

+ Đền Thánh Mẫu Liễu Hạnh được xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 116/QĐ-UB ngày 21/01/2000 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là UBND tỉnh Quảng Trị);

+ Miếu Nam Lãnh được xếp hạng di tích cấp tỉnh tại Quyết định số 43/2005/QĐ-UBND ngày 24/8/2005 của UBND tỉnh Quảng Bình (nay là UBND tỉnh Quảng Trị). Đề nghị UBND xã Phú Trạch bổ sung đầy đủ các các căn cứ pháp lý; cập nhật đầy đủ các di tích đã được xếp hạng vào phạm vi nghiên cứu của quy hoạch, Bản đồ quy hoạch tổng mặt bằng sử dụng đất, các bản đồ khác

thuộc quy hoạch chung xây dựng xã Phú Trạch và có các định hướng bảo vệ, bảo tồn, phát huy giá trị di tích gắn với phát triển du lịch bền vững theo quy định của Luật Di sản văn hóa ngày 23/11/2024 và các văn bản hướng dẫn thi hành.

- Xã Phú Trạch có khu vực Vũng Chùa - Đảo Yến, Khu kinh tế Hòn La và vùng lân cận có tài nguyên du lịch phong phú (cả về thiên nhiên và nhân văn) thuộc không gian phát triển du lịch của cụm D: Khu vực phía Bắc tỉnh và Vũng Chùa - Đảo Yến trong điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021- 2030, tầm nhìn đến năm 2050.



Hình 20. Đền Thánh mẫu Liễu Hạnh



Hình 21. Miếu Nam Lãnh

** Hiện trạng thôn xóm và nhà ở:*

- UBND xã kết hợp với Mặt trận tổ quốc xã và các đoàn thể phát động phong trào xoá nhà tạm, nhà dột nát, vận động nhân dân chỉnh trang xây mới nhà cửa, vườn cây, ao cá để làm cho bộ mặt nông thôn ngày càng đẹp.

- Đến nay, xã không còn hộ ở nhà tạm (đạt tỷ lệ 100%) có nhà ở kiên cố, bán kiên cố đạt tiêu chuẩn của Bộ Xây dựng.

- Dân cư sống tập trung ở khu vực trung tâm các xã cũ, phân bố dọc theo Quốc lộ 1, đường liên xã.

- Dân cư sống tập trung thành 26 thôn (cũ) nay là 16 thôn.

Kiến trúc nhà ở đặc trưng ở đây: các nhà xây tương đối giống nhau chỉ khác nhau về kích cỡ nhà, tất cả đều xây dựng theo kiểu nhà vườn nhà 3 gian có hiên rộng ở phía trước, các nhà xây đa phần là 1 tầng, có mái dốc hoặc mái bằng, nhà thường quay về phía Đông Nam để tránh gió Lào, trước cửa các nhà đều có các miếu thờ thần linh, diện tích từ 500÷1.000m^2.

Mật độ xây dựng giao động từ 30 đến 40%.

Tầng cao: hầu hết là 1÷2 tầng.

Hình thức kiến trúc: hầu hết các công trình nhà ở đều mang dáng dấp nhà ở nông thôn truyền thống vùng miền Bắc Trung Bộ: nhà xây gạch mái ngói hoặc

tôn, vì kèo gỗ. Một số ít nhà 3 tầng nằm ở rải rác trong xã được xây dựng trong vài năm gần đây, có hình thức kiến trúc tương đối hiện đại, có chất lượng tốt. Tường rào của các hộ thường sử dụng loại vật liệu địa phương như tre, gỗ có kết hợp trồng cây xanh tường bao,… tương đối đơn giản.



Hình 22. Hiện trạng dân cư

6. Khái quát những vấn đề tồn tại:

Việc sắp xếp, tổ chức lại các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị theo quy định mới là một trong những yếu tố có tác động trực tiếp đến định hướng phát triển không gian và tổ chức hành chính của xã Phú Trạch.

Căn cứ Nghị quyết số 1680/NQ-UBTVQH15 ngày 16 tháng 6 năm 2025 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về việc sắp xếp các đơn vị hành chính cấp xã trên địa bàn tỉnh Quảng Trị, công tác tổ chức lại hệ thống hành chính địa phương là một yếu tố mới cần được xem xét trong quá trình rà soát quy hoạch. Việc điều chỉnh địa giới, sáp nhập hoặc sắp xếp lại các đơn vị hành chính làm thay đổi ranh giới quy hoạch, phân bố dân cư, cơ cấu tổ chức không gian và nhu cầu đầu tư hạ tầng kỹ thuật - xã hội trên địa bàn. Do đó, nội dung này cần được cập nhật, đánh giá một cách phù hợp nhằm bảo đảm tính đồng bộ giữa quy hoạch xây dựng và hệ thống tổ chức hành chính mới của địa phương, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác quản lý và phát triển bền vững.

- Cập nhật các quy hoạch cấp trên, dự án trọng điểm Quốc gia đã và đang thực hiện ảnh hưởng đến không gian phát triển và quy hoạch chức năng sử dụng đất của xã mới như: đường bộ cao tốc Bắc Nam, đường sắt cao tốc Bắc Nam. Đảm bảo bố trí quỹ đất đai khu vực phát triển đô thị.

- Nghiên cứu định hướng rõ ràng mô hình phát triển không gian, khu trung tâm xã Phú Trạch mới sau sát nhập xã đáp ứng nhu cầu phát triển kinh tế xã hội.

- Điều chỉnh mở rộng quy hoạch hoàn thiện, đảm bảo tính kết nối liên vùng phụ cận, liên khu vực, giảm thiểu và dự phòng hiện tượng tắc nghẽn giao thông trong đô thị tương lai.

- Nghiên cứu kỹ và tổng thể giải pháp ngập lụt và thoát nước tổng thể, hạn chế tối đa hiện tượng ngập hằng năm trong khu dân cư cũ và toàn khu vực phát triển mới đảm bảo điều kiện sống của cư dân trong quá trình đô thị hóa.

- Bổ sung một số định hướng nâng cấp, cải tạo cho các đô thị hiện hữu, làng xóm hiện hữu phù hợp xu thế phát triển kinh tế xã hội địa phương.

- Các khu dân cư hiện trạng cơ bản ổn định gây khó khăn cho việc mở rộng, nâng cấp các tuyến đường hiện hữu.

Phát triển công nghiệp, đô thị với bảo vệ môi trường. Lựa chọn loại hình công nghiệp giảm thiểu tác động xấu đên môi trường.

- Cơ sở hạ tầng còn thiếu, đã xuống cấp cần bổ sung và cải tạo. Chưa có giải pháp khống chế cao độ ngập lụt và chưa có mặt cắt các kênh tiêu thoát nước.

- Đời sống nhân dân trong xã còn khó khăn, số người lao động trong xã hiện nay chủ yếu chưa qua đào tạo, thiếu việc làm khá lớn.

- Trình độ thâm canh sản xuất nông nghiệp chưa cao và ít quan tâm đến biện pháp bảo vệ môi trường nên các hoạt động sản xuất nông nghiệp đã làm đất bị suy thoái, chủ yếu là xói mòn, rửa trôi bạc màu.

- Trình độ dân trí của người dân còn thấp việc huy động vốn đối ứng và gặp nhiều khó khăn trong công cuộc GPMB; người dân chưa ý thức được lợi ích lâu dài từ các công trình đầu tư mang lại nên người dân chưa thực sự hưởng ứng với sự huy động vốn của chính quyền địa phương.

Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật và môi trường:

** Chuẩn bị kỹ thuật:*

- Nền xây dựng:

Xã Phú Trạch là 1 xã bán sơn địa, địa hình đồi núi chiếm phần lớn khoảng 75%, chủ yếu là đồi núi dạng bát úp có nhiều khe suối cắt ngang, thấp dần từ

Tây Bắc sang Đông Nam.

Cao độ bình quân của khu vực là 21m, cao độ cao nhất nằm ở phía Tây của xã ở cao trình 105m, cao độ thấp nhất nằm ở khu vực ruộng lúa phía Nam của xã ở cao trình 5,2m.

Nhìn chung khu vực nghiên cứu quy hoạch có địa hình tương đối thuận lợi cho xây dựng, tuy nhiên một số điểm xây dựng thuộc khu vực đồng lúa nên cần có biện pháp tôn nền và gia cố nền móng khi xây dựng công trình.

- Thoát nước mưa: Khu vực nghiên cứu quy hoạch chủ yếu là đất ruộng nên hệ thống thoát nước kiên cố chưa được xây dựng. Có các tuyến mương tiêu nhỏ thoát nước mưa cho khu vực với kích thước khoảng 0,3x0,5m, các tuyến mương này đa số là mương đất. Một số tuyến đã xuống cấp cần xây dựng bê tông phục vụ cho nhu cầu tưới tiêu lâu dài.

- Hệ thống thuỷ lợi: Xã Phú Trạch có điều kiện địa hình, lợi thế để xây dựng các công trình thuỷ nông, toàn xã có trên 50km kênh mương lớn nhỏ, được nhà nước cùng với nhân dân đầu tư đã cung cấp nước tưới 100% diện tích lúa và cây trồng khác. Nguồn nước ở đây lấy từ hồ Sông Thai, hồ vực Tròn,... về để phục vụ cho việc sản xuất.

** Giao thông:*

- Giao thông đối ngoại:

Toàn xã Phú Trạch có tuyến đường Quốc lộ 1 đi qua dài khoảng 6km. Hiện tại tuyến đường này là đường bê tông nhựa, mặt đường 10m, nền đường 12m. Đạt chuẩn theo cấp kỹ thuật của Bộ GTVT.

Tổng chiều dài đường thôn xóm khoảng 45,9km bề rộng nền 3,0m÷4,0m bề rộng mặt 2÷3m.

Đường nội đồng: Tổng chiều dài các tuyến đường nội đồng khoảng 78km, bề rộng từ 0,3÷2m.

Xã Phú Trạch có một mạng lưới giao thông đối ngoại tương đối thuận lợi. Mạng lưới đường liên xã phân bố tương đối đều. Tuy nhiên chất lượng đường chưa được tốt, một ít tuyến chưa được bê tông hóa.



Hình 23. Quốc lộ 1 và đường ven biển



Hình 24. Trạm thu phí

- Giao thông nông thôn:

Mạng lưới giao thông trong khu dân cư mặt cắt ngang phổ biến 3,5m.




Hình 25. Giao thông nông thôn

Giao thông nông thôn cơ bản đã được cứng hóa, tuy vậy một số đoạn còn đọng nước về mùa mưa, cần được ưu tiên đầu tư nâng cấp.

** Cấp điện:*

Nguồn cung cấp điện cho khu vực nghiên cứu thiết kế đảm bảo cung cấp điện lâu dài cho khu vực. Phụ tải khu vực chủ yếu là phụ tải sinh hoạt, công cộng, và sản xuất nông nghiệp, do đó nhu cầu phụ tải chưa cao.

Phụ tải khu vực chủ yếu là phụ tải sinh hoạt, công cộng và sản xuất nông nghiệp, do đó nhu cầu phụ tải chưa cao.

Hệ thống đường điện trước kia do HTX điện quản lý, nhưng hiện nay đã bàn giao lại cho điện lực quản lý, điều hành vì vậy hệ thống đường dây điện được sửa chữa đảm bảo tiêu chuẩn và an toàn cho người sử dụng điện.

** Cấp nước:*

Hiện xã chưa có công trình cấp nước sạch. Người dân chủ yếu sử dụng nước giếng khoan, giếng đào và thực hiện theo chương trình dự án nước sạch và vệ sinh môi trường.

** Viễn thông, thông tin liên lạc:*

Hiện trạng hệ thống viễn thông cho khu vực nghiên cứu đã đáp ứng đảm bảo phủ sóng lâu dài cho toàn bộ khu vực với những nhà mạng lớn như mạng viễn thông của VNPT, của Tập đoàn Viễn thông quân đội (Viettel)…

** Thoát nước, vệ sinh môi trường và nghĩa trang:*

- Thoát nước thải:

Hệ thống thoát nước thải chung với hệ thống thoát nước mưa. Nước thải được thoát ra những điểm trũng, chủ yếu là thoát ra Sông Roòn.

Hệ thống thoát nước là những rãnh thoát hở có chiều rộng từ 0,6m đến 1m, độ sâu rãnh điểm đầu 0,4÷0,5m. Tuy nhiên do địa hình có độ dốc lớn nên việc thoát nước thải một số vungc diễn ra tương đối nhanh, mặc dù vậy vào mùa mưa

lũ trong các diểm khu dân cư vẫn có hiện tượng ứ động nước thải và nước sinh hoạt.

- Chất thải rắn:

Chất thải rắn được sinh ra trong sinh hoạt hằng ngày và trong sản xuất được người dân tập kết và có xe chuyên dụng đến thu gom rồi chở đến nơi xử lý.

Trên địa bàn xã không có điểm xử lý CTR đảm bảo tiêu chuẩn VSMT.

- Nghĩa trang, nghĩa địa:

Toàn xã có 04 nghĩa trang liệt sĩ.

Nghĩa địa rãi rác có nơi quá gần khu dân cư so với tiêu chuẩn quy định.

Việc mai táng, chôn cất người quá cố được tổ chức theo dòng tộc, từng thôn khác nhau. Hiện các nghĩa địa nằm rải rác trong xã ảnh hưởng tới việc khai thác đất vào mục đích xây dựng và thu hồi giải phóng mặt bằng cho các dự án.

** Hiện trạng môi trường:*

+ Môi trường đất: Nguyên nhân chính gây ô nhiễm môi trường đất tại khu vực do sử dụng không hợp lý phân bón, chất bảo vệ thực vật và kích thích sinh trưởng, chất thải rắn và nước thải từ các hoạt động sinh hoạt, chăn nuôi và dịch vụ không xử lý. Việc sử dụng các chế phẩm hoá học nhằm tăng năng suất cây trồng, vật nuôi và phát triển kinh tế nông nghiệp đã gây ô nhiễm môi trường đất nông nghiệp.

+ Môi trường nước: Nguồn nước mặt trên địa bàn xã Phú Trạch đang có dấu hiệu ô nhiễm hữu cơ do các nguồn nước thải sinh hoạt, chăn nuôi đổ ra. Nhìn chung nguồn nước mặt ở xã đủ tiêu chuẩn cung cấp cho người dân trong toàn xã nếu khai thác và sử dụng hợp lý.

Nước thải sinh hoạt và nước thải trong quá trình chăn nuôi gia súc, gia cầm thải ra các rãnh thoát nước và thoát trực tiếp ra môi trường không qua xử lý, gây ảnh hưởng tiêu cực đến chất lượng nước ngầm mạch nông của khu vực.

7. Hiện trạng tài nguyên và môi trường:

7.1 Hiện trạng tài nguyên:

a. Tài nguyên đất đai:

Xã Phú Trạch có quỹ đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, xây dựng hệ thống hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và bố trí các khu dân cư. Cơ cấu sử dụng đất trên địa bàn có sự đan xen giữa đất ở, đất sản xuất nông nghiệp, đất lâm nghiệp, đất giao thông, đất công trình công cộng và các loại đất chuyên dùng khác. Việc khai thác, sử dụng quỹ đất cần gắn với điều kiện địa hình, khả năng

thoát nước, hiện trạng dân cư và định hướng phát triển không gian của xã.

Trong quá trình lập quy hoạch chung, cần rà soát hiện trạng sử dụng đất theo hồ sơ địa chính, bản đồ kiểm kê đất đai và quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất có liên quan; xác định quỹ đất có khả năng chuyển đổi mục đích sử dụng, quỹ đất thuận lợi cho phát triển các khu dân cư tập trung, dịch vụ – thương mại và hạ tầng thiết yếu. Đồng thời, cần kiểm soát việc chuyển đổi đất nông nghiệp, đất rừng và các khu vực có chức năng bảo vệ môi trường nhằm bảo đảm sử dụng đất tiết kiệm, hiệu quả và bền vững.

b. Tài nguyên nước:

Nguồn nước phục vụ sinh hoạt và sản xuất trên địa bàn xã chủ yếu được khai thác từ hệ thống cấp nước tập trung (nếu có), nguồn nước mặt và nước dưới đất. Khả năng khai thác, sử dụng các nguồn nước phụ thuộc vào điều kiện thủy văn, lượng mưa theo mùa, chất lượng nguồn nước và mức độ đầu tư hệ thống cấp nước.

Cần rà soát các sông, suối, kênh mương, ao hồ, vùng trũng và công trình thủy lợi hiện có; đánh giá khả năng cung cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất nông nghiệp và các hoạt động kinh tế khác. Việc quản lý tài nguyên nước cần gắn với bảo vệ hành lang nguồn nước, kiểm soát các nguồn gây ô nhiễm, hạn chế tình trạng thiếu nước vào mùa khô và chủ động các giải pháp tiêu thoát nước trong mùa mưa lũ.

c. Tài nguyên rừng và thảm thực vật:

Các khu vực có thảm thực vật tự nhiên, đất lâm nghiệp và cây xanh phân tán (nếu có) giữ vai trò quan trọng trong việc bảo vệ đất, điều hòa vi khí hậu, duy trì cân bằng sinh thái và hạn chế xói mòn, rửa trôi. Đối với những khu vực có độ dốc lớn hoặc nằm gần các dòng chảy tự nhiên, cần ưu tiên duy trì lớp phủ thực vật, bảo vệ diện tích rừng hiện có và kiểm soát hoạt động chuyển đổi mục đích sử dụng đất.

Bên cạnh đó, cần rà soát diện tích rừng theo nguồn gốc, chức năng và chủ thể quản lý; xác định các khu vực cần bảo vệ, phục hồi cây xanh và tổ chức không gian xanh phù hợp với định hướng phát triển của xã.

d. Tài nguyên sinh thái và cảnh quan:

Tài nguyên sinh thái của xã được hình thành từ sự kết hợp giữa cảnh quan nông thôn, khu vực sản xuất, hệ thống mặt nước, cây xanh và các không gian tự nhiên hiện hữu. Đây là cơ sở để tổ chức không gian dân cư hài hòa với cảnh

quan, cải thiện môi trường sống và phát triển các mô hình sản xuất, dịch vụ gắn với điều kiện tự nhiên của địa phương.

Trong định hướng quy hoạch, cần bảo vệ các khu vực có giá trị cảnh quan, hạn chế san gạt địa hình thiếu kiểm soát, duy trì các tuyến cây xanh và mặt nước có vai trò điều hòa môi trường; đồng thời khai thác hợp lý lợi thế tự nhiên phục vụ phát triển kinh tế - xã hội.

7.2 Hiện trạng môi trường:

a. Môi trường đất:

Môi trường đất trên địa bàn xã chịu tác động chủ yếu từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, xây dựng công trình và sinh hoạt của dân cư. Việc sử dụng phân bón hóa học, thuốc bảo vệ thực vật và xử lý chất thải chăn nuôi chưa phù hợp có thể làm suy giảm chất lượng đất cục bộ. Tại các khu vực xây dựng, nguy cơ phát sinh bụi, đất đá và chất thải xây dựng cần được kiểm soát.

Trong thời gian tới, cần tăng cường hướng dẫn sử dụng phân bón, thuốc bảo vệ thực vật hợp lý; thu gom bao bì hóa chất nông nghiệp đúng quy định; kiểm soát việc san lấp, đào đắp và chuyển đổi mục đích sử dụng đất, bảo đảm không gây ô nhiễm và suy thoái tài nguyên đất.

b. Môi trường nước:

Chất lượng nguồn nước mặt và nước dưới đất có nguy cơ chịu ảnh hưởng từ nước thải sinh hoạt, chất thải chăn nuôi, hoạt động sản xuất và nước chảy tràn trên bề mặt. Tại các khu dân cư chưa có hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung, nước thải sinh hoạt có thể được xử lý riêng lẻ trước khi thải ra môi trường, tiềm ẩn nguy cơ ảnh hưởng đến ao hồ, kênh mương và nguồn nước sử dụng cho sản xuất.

Cần rà soát hiện trạng cấp nước sạch, thoát nước và xử lý nước thải tại các khu dân cư; xác định các điểm có nguy cơ ô nhiễm; từng bước đầu tư hệ thống thoát nước phù hợp, tổ chức thu gom và xử lý nước thải theo quy mô dân cư, đồng thời bảo vệ các nguồn nước phục vụ sinh hoạt.

c. Môi trường không khí và tiếng ồn:

Môi trường không khí tại các khu vực nông thôn nhìn chung chịu ảnh hưởng từ giao thông, hoạt động xây dựng, sản xuất, chăn nuôi và việc đốt phụ phẩm nông nghiệp hoặc chất thải không đúng quy định. Tại các tuyến giao thông có lưu lượng phương tiện lớn và khu vực tập trung hoạt động sản xuất, nguy cơ

phát sinh bụi, khí thải và tiếng ồn cần được quan tâm kiểm soát.

Định hướng quy hoạch cần bố trí các khu chức năng hợp lý, bảo đảm khoảng cách phù hợp giữa khu dân cư với các cơ sở sản xuất có nguy cơ gây ô nhiễm; tăng cường cây xanh, vệ sinh đường làng, ngõ xóm và kiểm soát hoạt động xây dựng nhằm cải thiện chất lượng môi trường không khí.

d. Hiện trạng thu gom và xử lý chất thải rắn:

Chất thải rắn phát sinh trên địa bàn chủ yếu gồm rác thải sinh hoạt của các hộ gia đình, chất thải từ hoạt động sản xuất nông nghiệp, chăn nuôi, kinh doanh dịch vụ và chất thải xây dựng. Công tác thu gom, vận chuyển và xử lý cần được tổ chức đồng bộ giữa các thôn, bảo đảm rác thải được thu gom thường xuyên và chuyển đến cơ sở xử lý phù hợp.

Đối với khu vực chưa được tiếp cận dịch vụ thu gom thường xuyên, cần nghiên cứu bổ sung điểm tập kết rác phù hợp, bảo đảm khoảng cách vệ sinh môi trường và không ảnh hưởng đến khu dân cư, nguồn nước. Đồng thời, khuyến khích phân loại chất thải tại nguồn, tái sử dụng phụ phẩm nông nghiệp, hạn chế đốt rác và xử lý chất thải chăn nuôi không đúng quy định.

e. Môi trường sinh thái và các vấn đề cần kiểm soát:

Trong quá trình phát triển kinh tế - xã hội, xã cần chú trọng bảo vệ cảnh quan tự nhiên, hệ thống mặt nước, cây xanh và các khu vực có chức năng điều hòa sinh thái. Việc mở rộng khu dân cư, xây dựng công trình và phát triển các hoạt động sản xuất cần gắn với yêu cầu bảo vệ môi trường, phòng chống thiên tai và thích ứng với biến đổi khí hậu.

Các vấn đề cần ưu tiên kiểm soát gồm:

- Nguy cơ ô nhiễm nguồn nước từ nước thải sinh hoạt, chăn nuôi và sản xuất.

- Tình trạng phát sinh, tồn lưu hoặc xử lý chất thải rắn chưa phù hợp.

- Nguy cơ ngập úng cục bộ, xói mòn và bồi lấp tại các khu vực có điều kiện địa hình, thoát nước bất lợi.

- Tác động của hoạt động xây dựng, giao thông và sản xuất đến môi trường sống.

- Yêu cầu bảo vệ cây xanh, mặt nước, cảnh quan và các khu vực sinh thái có giá trị.

8. Hiện trạng các chương trình, dự án đầu tư phát triển:

8.1. Các phương hướng phát triển theo quy hoạch cấp trên:

- Quy hoạch cấp quốc gia:

Nghị quyết số 306/NQ-CP ngày 05/10/2025 của Chính Phủ về điều chỉnh Quy hoạch tổng thể quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050:

Quy hoạch này định hướng phát triển đất nước theo mô hình tăng trưởng xanh, bền vững, cân bằng giữa phát triển kinh tế và bảo vệ môi trường, chú trọng đến chuyển đổi số, ứng phó biến đổi khí hậu và bảo đảm quốc phòng - an ninh.

Đối với khu vực Bắc Trung Bộ nói chung và Quảng Trị nói riêng, quy hoạch tổng thể quốc gia xác định khu vực này là trung tâm kinh tế biển, du lịch, dịch vụ logistics, đồng thời gắn với phát triển hành lang kinh tế ven biển. Xã Phú Trạch cần cụ thể hóa định hướng này bằng việc tổ chức không gian phù hợp cho phát triển du lịch sinh thái, dịch vụ thương mại ven biển, nông nghiệp công nghệ cao, kết hợp bảo vệ môi trường sinh thái và ứng phó thiên tai.

Quy hoạch mạng lưới giao thông quốc gia thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến 2050:

Hoàn thiện các tuyến giao thông trọng điểm, trong đó có tuyến cao tốc Bắc - Nam phía Đông, Quốc lộ 1, đường ven biển, các trục kết nối liên vùng và liên khu vực, là yếu tố quan trọng tạo điều kiện thuận lợi cho việc thu hút đầu tư vào xã Phú Trạch, phát triển du lịch nghỉ dưỡng và dịch vụ thương mại.

- Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung:

Quyết định số 376/QĐ-TTg ngày 04/5/2024 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Quy hoạch vùng Bắc Trung Bộ và Duyên hải miền Trung thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến 2050. Quy hoạch này xác định Quảng Bình (nay là tỉnh Quảng Trị) là một trong những cực phát triển về du lịch nghỉ dưỡng, dịch vụ ven biển, kết hợp khai thác lợi thế hành lang kinh tế Đông - Tây và cửa khẩu quốc tế. Đối với xã Phú Trạch nằm trong trục động lực dọc Quốc lộ 1 và cao tốc Bắc - Nam, được xác định là điểm kết nối giữa trung tâm tỉnh lỵ Quảng Trị và các hành lang phát triển công nghiệp - dịch vụ vùng nội địa. Vùng khuyến khích phát triển các dịch vụ công cộng chất lượng cao, thương mại, du lịch biển kết hợp công nghiệp nhẹ, công nghiệp chế biến và khai thác, đánh bắt thủy hải sản.

- Quy hoạch tỉnh:

Quyết định số 719/QĐ-UBND ngày 27/2/2026 của UBND tỉnh Quảng Trị về việc phê duyệt Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030, tầm

nhìn đến năm 2050. Phú Trạch được xác định là một trong những trung tâm phát triển phía Bắc của trung tâm tỉnh lỵ, giữ vai trò trung tâm dịch vụ - thương mại, công nghiệp và logistic, gắn với khu công nghiệp cảng biển Hòn La và vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Định hướng phát triển Phú Trạch trở thành đô thị phía Bắc tỉnh, là đầu mối giao thông, thương mại, trung tâm văn hóa - xã hội của khu vực trung du, đảm bảo kết nối với trung tâm tỉnh lỵ và các vùng sản xuất nội địa. Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, nâng cao chất lượng sống cho người dân, thúc đẩy đô thị hóa theo hướng bền vững, đồng thời khai thác tiềm năng về dịch vụ, thương mại và công nghiệp hỗ trợ. Đây là cơ sở để cụ thể hóa tổ chức không gian và phân bổ đất đai trong quy hoạch xã, bao gồm:

+ Hình thành các khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển, khu đô thị mới gắn kết hạ tầng hiện đại.

+ Mở rộng các điểm dân cư nông thôn, chỉnh trang khu vực hiện hữu kết hợp bảo vệ cảnh quan sinh thái.

+ Đầu tư nâng cấp hệ thống hạ tầng kỹ thuật và xã hội đồng bộ với mạng lưới giao thông tỉnh và quốc gia.

+ Định hướng ứng phó biến đổi khí hậu, bảo vệ hệ sinh thái rừng phòng hộ ven biển, rừng ngập mặn.

Việc lập quy hoạch chung xã Phú Trạch phải bảo đảm:

+ Đồng bộ với chiến lược phát triển quốc gia và vùng, tránh chồng chéo và xung đột chức năng sử dụng đất.

+ Gắn kết hạ tầng liên vùng, đặc biệt là giao thông, năng lượng, cấp thoát nước, phòng chống thiên tai.

+ Đáp ứng mục tiêu của tỉnh về phát triển kinh tế biển, du lịch, dịch vụ kết hợp bảo vệ môi trường, hướng đến phát triển bền vững.

Theo định hướng phát triển đô thị toàn tỉnh, đến năm 2050, đô thị Phú Trạch được kết nối với đô thị Ba Đồn mở rộng để trở thành đô thị loại II.

- Điều chỉnh Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La:

Khu vực xã Quảng Đông và Quảng Phú trước đây thuộc Quy hoạch chung xây dựng Khu kinh tế Hòn La, tỉnh Quảng Bình đến năm 2040 được Thủ tướng chính phủ phê duyệt tại Quyết định 1619/QĐ-TTg ngày 20/12/2024. Trong đó xác định đây là khu vực có nền kinh tế tổng hợp đa ngành, đa lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp - cảng biển - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm, ngư nghiệp; Là một trung tâm kinh tế của tỉnh Quảng Bình, có các điều kiện về

hạ tầng đô thị hiện đại, đồng bộ; có vai trò đầu tàu thu hút đầu tư và làm động lực phát triển cho các vùng khác; Là khu vực bảo tồn và phát huy giá trị sinh thái, văn hóa lịch sử, thích ứng hiệu quả với thiên tai và biến đổi khí hậu; Là khu vực có vị trí quan trọng về an ninh, quốc phòng.

Khu vực phía Đông của xã Phú Trạch thuộc phân khu 1, 2, 3. Trong đó định hướng:

+ Phân khu 1 - Khu phức hợp công nghiệp và dịch vụ cảng biển: Tập trung phát triển Khu công nghiệp Cảng biển Hòn La gắn với Khu bến Hòn La và Khu bến Mũi Độc. Đặc biệt phát triển Khu phức hợp năng lượng trung tâm điện lực Quảng Trạch nằm ở phía Bắc Khu kinh tế Hòn La.

+ Phân khu 2 - Khu phát triển đô thị, du lịch, dịch vụ ven biển: Đưa vùng đất và vùng nước xung quanh Đảo Yến vào khu chức năng phục vụ phát triển du lịch và nuôi trồng thủy sản. Trọng tâm phát triển khu đô thị mới Hòn La gắn với Vũng Chùa - nơi an nghỉ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp và kết nối khu vực Đảo Yến hình thành không gian đô thị, du lịch dịch vụ ven biển, là trung tâm của toàn khu kinh tế.

+ Phân khu 3 - Khu đồi núi phía Tây: Cơ bản bảo vệ và giữ nguyên theo hiện trạng diện tích đất rừng khu vực đồi núi phía Tây để bảo vệ cảnh quan, phát triển kinh tế rừng và phục vụ về quốc phòng, an ninh. Tại các vị trí thuận lợi, có điều kiện khai thác khoáng sản đá làm vật liệu xây dựng, san đắp được định hướng quy hoạch các điểm mỏ để cung cấp vật liệu xây dựng cho khu kinh tế và các khu vực khác. Phát triển quỹ đất hỗn hợp thương mại dịch vụ, dân cư khu vực giáp Quốc lộ 1 và điều chỉnh mở rộng khu nghĩa trang, nghĩa địa tập trung tại xã Quảng Phú cũ.

8.2. Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị đến năm 2050:

a. Định hướng tổ chức không gian & phát triển đô thị

Vùng động lực Cửa ngõ phía Bắc: Phú Trạch thuộc Cụm phát triển Ba Đồn - Quảng Trạch - Bắc Trạch - Nam Gianh - Nam Ba Đồn, giữ vai trò kết nối giữa kinh tế biển Hòn La, Cảng biển Hòn La với Hành lang kinh tế Quốc lộ 12A và Cửa khẩu quốc tế Cha Lo.

Mở rộng Đô thị Ba Đồn (Tầm nhìn đến năm 2050): Trong định hướng phát triển hệ thống đô thị dài hạn, xã Phú Trạch (cùng với Quảng Trạch và Hòa Trạch) nằm trong phạm vi mở rộng của Đô thị Ba Đồn, hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2050.

Mô hình không gian: Phú Trạch được định hướng phát triển không gian

theo mô hình đô thị công nghiệp - dịch vụ - ven biển - logistics, từng bước chuẩn bị các điều kiện hạ tầng tiệm cận tiêu chuẩn đô thị.

b. Phát triển Công nghiệp, Cảng biển & Logistics (KKT Hòn La)

Không gian chức năng KKT Hòn La: Địa bàn xã Phú Trạch thuộc phạm vi mở rộng các khu chức năng trọng điểm của Khu kinh tế (KKT) Hòn La.

Quy hoạch phân khu chức năng: Xã được bố trí các khu chức năng công nghiệp (như KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II), khu logistics tổng hợp & hậu cần cảng, khu công nghiệp sạch - công nghệ cao, khu đô thị dịch vụ nhà ở chuyên gia và công nhân, cùng các điểm bãi đỗ xe trung chuyển và kho ngoại quan/kho tổng hợp.

c. Bảo tồn Cảnh quan, Sinh thái & Du lịch (Vũng Chùa - Đảo Yến)

Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến: Quy hoạch thành lập mới Khu bảo vệ cảnh quan quy mô khoảng 8.000ha tại địa bàn xã Phú Trạch (bao gồm khu vực núi Thọ Sơn và vùng ven biển ra đến Đảo Yến / Hòn Vũng Chùa).

Hạt nhân Cụm du lịch E: Phú Trạch đóng vai trò trung tâm thuộc Cụm du lịch E (vùng phía Bắc tỉnh), tập trung phát triển các sản phẩm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh (gắn với Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp và núi Thọ Sơn), du lịch sinh thái rừng - biển và du lịch nghỉ dưỡng cao cấp.

d. Định hướng Thủy lợi, Năng lượng & Lâm nghiệp

Trọng điểm hạ tầng cấp nước thô: Nằm trên địa bàn xã Phú Trạch, hồ Vực Tròn (công trình thủy lợi - cấp nước đầu mối quan trọng) được quy hoạch nâng công suất cấp nước thô lên 150.000m³/ngày-đêm để bảo đảm nguồn nước phục vụ công nghiệp/sinh hoạt cho KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn mở rộng và Nhà máy nước sạch Quảng Châu.

Hạ tầng năng lượng: Bố trí quỹ đất phát triển kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG) và nâng cấp hệ thống kho nhiên liệu phục vụ KKT Hòn La (với quy mô đất năng lượng DNL đạt 542,67ha).

Lâm nghiệp bền vững: Quản lý nghiêm ngặt 6.911,12ha rừng phòng hộ ven biển và 6.763,40ha rừng sản xuất, đẩy mạnh chuyển đổi sang mô hình trồng rừng gỗ lớn đạt chứng chỉ quản lý bền vững (FSC).

e. Quy hoạch phân bổ sử dụng đất đến năm 2030

Định hướng quy hoạch phân bổ chỉ tiêu sử dụng đất tại xã Phú Trạch đến năm 2030 bao gồm:

Đất nông nghiệp (NNP): 15.462,29ha (trong đó: Đất rừng phòng hộ RPH:

6.911,12ha; Đất rừng sản xuất RSX: 6.763,40ha; Đất trồng lúa LUA: 664,89ha).

Đất phi nông nghiệp (PNN): 3.494,60ha (trong đó: Đất phát triển hạ tầng CCC: 1.877,62ha; Đất thủy lợi DTL: 848,15ha; Đất năng lượng DNL: 542,67ha; Đất giao thông DGT: 476,98ha; Đất khu công nghiệp SKK: 356,06ha; Đất ở nông thôn ONT: 350,19ha; Đất thương mại dịch vụ TMD: 118,28ha; Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp SKC: 89,36ha).

Đất chưa sử dụng (CSD): 712,09ha.

8.3. Nghị quyết Đại hội Đảng bộ xã Phú Trạch lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030:

Ngày 12/8/2025, Đảng bộ xã Phú Trạch đã tổ chức Đại hội lần thứ I, nhiệm kỳ 2025-2030. Đại hội đã thông qua các nội dung quan trọng về định hướng phát triển kinh tế xã hội trong 5 năm tới. Cụ thể là:

a. Phương hướng, mục tiêu tổng quát:

Khai thác và phát huy hiệu quả tiềm năng, lợi thế của địa phương; huy động tối đa các nguồn lực để đầu tư xây dựng, nâng cấp kết cấu hạ tầng phục vụ phát triển sản xuất, nâng cao đời sống Nhân dân. Đẩy mạnh chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, nông nghiệp hàng hóa gắn với xây dựng chuỗi giá trị và sản phẩm đặc trưng địa phương; khuyến khích phát triển dịch vụ, thương mại nông thôn. Chăm lo phát triển toàn diện văn hóa - xã hội; nâng cao chất lượng giáo dục, y tế, bảo đảm an sinh xã hội. Đẩy mạnh cải cách hành chính, ứng dụng chuyển đổi số. Giữ vững ổn định chính trị, tăng cường quốc phòng, an ninh, xây dựng xã Phú Trạch phát triển nhanh và bền vững.

b. Các chỉ tiêu định hướng:

(1) Tốc độ tăng tổng thu ngân sách nhà nước trên địa bàn bình quân hằng năm từ 10-12%;

(2) Tốc độ tăng tổng giá trị sản phẩm trên địa bàn bình quân hằng năm đạt 25-30%;

(3) Sản lượng Lương thực có hạt bình quân hằng năm đạt 9.200 - 9.500 tấn;

(4) Tổng đàn gia súc đến năm 2030 đạt 12.000 -13.500 con;

(5) Tổng sản lượng thuỷ sản bình quân hằng năm đạt 3.500 - 4.000 tấn;

(6) Thu nhập bình quân đầu người trên địa bàn đến năm 2030 so với năm 2025 tăng 30-35%;

(7) Tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn nghèo đa chiều đến năm 2030 là 0%;

(8) Tỷ lệ trường học đạt chuẩn Quốc gia đến năm 2030 đạt 70-75%;

(9) Đến năm 2030: Tỷ lệ dân số tham gia bảo hiểm y tế đạt 97,5-98%; tỷ lệ lao động trong độ tuổi tham gia bảo hiểm xã hội đạt 65%;

(10) Tỷ lệ dân số được sử dụng nước sạch đến năm 2030 đạt 80-85%;

(11) Tỷ lệ thu gom chất thải rắn sinh hoạt đạt 88-90%;

(12) Phấn đấu tuyển quân hằng năm đạt 100% chỉ tiêu trên giao, 100% quân số tham gia huấn luyện đạt yêu cầu trở lên (trong đó có 80-90% khá, giỏi); phối hợp làm tốt công tác công tác huy động lực lương dự bị đông viên.

(13) Có ít nhất 80% khu dân cư, cơ quan, doanh nghiệp, cơ sở giáo dục trên địa bàn đạt tiêu chuẩn an toàn về an ninh, trật tự.

(14) Hằng năm, 100% tổ chức cơ sở đảng hoàn thành nhiệm vụ trở lên; có từ 15-20% tổ chức đảng, đảng viên xếp loại hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ"; trên 98% đảng viên hoàn thành nhiệm vụ trở lên;

(15) Tỷ lệ kết nạp đảng viên mới bình quân hằng năm từ 2,5 - 3% so với tổng số đảng viên.

c. Nhiệm vụ và giải pháp chủ yếu:

Ngoài các nội dung về công tác Đảng, xây dựng chính quyền, về phát triển kinh tế - xã hội, Đại hội nhấn mạnh:

- Triển khai hiệu quả Nghị quyết 57-NQ/TW về khoa học, công nghệ và đổi mới sáng tạo; nâng cao nhận thức về vai trò của khoa học, công nghệ trong phát triển bền vững. Khuyến khích doanh nghiệp, hợp tác xã, hộ sản xuất đầu tư ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, chuyển giao công nghệ, số hóa sản xuất kinh doanh.

- Phối hợp với các cơ quan chuyên môn tiếp cận nguồn lực hỗ trợ, triển khai mô hình ứng dụng kỹ thuật tiên tiến trong nông nghiệp, chế biến sau thu hoạch, truy xuất nguồn gốc sản phẩm. Nhân rộng mô hình đổi mới sáng tạo phù hợp với thực tiễn địa phương.

- Ứng dụng mạnh mẽ khoa học kỹ thuật vào phát triển nông nghiệp, xây dựng nền nông nghiệp theo hướng bền vững, có năng suất cao, chất lượng và có sức cạnh tranh. Khuyến khích ứng dụng công nghệ, số hóa sản xuất nông nghiệp, từ gieo trồng đến phân phối. Nâng cấp thủy lợi, tạo điều kiện vay vốn cho ngư dân đầu tư thiết bị hiện đại. Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, nuôi trồng thủy sản quy mô lớn, chất lượng cao.

- Tập trung phát triển công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn, dịch vụ tạo bước đột phá để chuyển dịch cơ cấu kinh tế theo hướng công

nghiệp, dịch vụ; vẫn chú trọng thế mạnh truyền thống. Phát triển du lịch thác Tam Cấp, ven biển, du lịch cộng đồng. Hỗ trợ doanh nghiệp nhỏ, HTX, làng nghề, giải quyết việc làm tại chỗ.

- Tiếp tục huy động tối đa các nguồn lực đầu tư phát triển hạ tầng kinh tế - xã hội đáp ứng yêu cầu phát triển. Kết hợp ngân sách Trung ương, tỉnh, địa phương và huy động xã hội hóa để đầu tư hạ tầng thiết yếu. Ưu tiên hạ tầng giao thông, giáo dục, văn hóa, phát triển nông thôn và công trình công cộng.

- Đảm bảo vệ sinh môi trường, xử lý rác thải, nâng cao khả năng ứng phó thiên tai theo phương châm "bốn tại chỗ".

8.4. Các dự án đang triển khai có tác động đến phạm vi lập quy hoạch:

- Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và Nhà máy Nhiệt điện Quảng Trạch I: Dự án có quy mô công suất 1.403MW, đến tháng 9-10/2026 đã cơ bản hoàn thành các hạng mục chính và đang thực hiện chạy thử, hoàn thiện điều kiện vận hành. Dự án phát sinh nhu cầu về giao thông kết nối, cấp điện, cấp nước, thoát nước, xử lý chất thải, nhà ở và dịch vụ phục vụ người lao động.

- Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch II: Dự án được khởi công ngày 20/10/2026, công suất dự kiến 1.500MW. Đây là dự án có tác động lớn đến nhu cầu sử dụng đất, tổ chức giao thông vận chuyển thiết bị, bố trí hạ tầng kỹ thuật và phát triển các dịch vụ hỗ trợ sản xuất, vận hành tại khu vực Hòn La.

- Nhà máy Nhiệt điện LNG Quảng Trạch III: Dự án đang trong giai đoạn chuẩn bị đầu tư, hoàn thiện các thủ tục và hồ sơ liên quan. Khi được triển khai, dự án có thể tiếp tục làm gia tăng nhu cầu sử dụng đất công nghiệp - năng lượng và hạ tầng dùng chung. Phạm vi, tiến độ và các hạng mục được đưa vào quy hoạch cần căn cứ hồ sơ chính thức của dự án.

- Dự án hạ tầng dùng chung Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và khu vực cảng Hòn La: Các hạng mục hạ tầng cảng, đê chắn sóng và công trình phục vụ Trung tâm Điện lực có vai trò hỗ trợ vận chuyển nhiên liệu, thiết bị và tổ chức hoạt động sản xuất năng lượng. Quy hoạch chung cần rà soát các tuyến kết nối cảng - khu công nghiệp - khu dân cư, đồng thời bảo đảm an toàn giao thông, hành lang kỹ thuật và yêu cầu bảo vệ môi trường ven biển.

- Dự án đường vào Trung tâm Điện lực từ Quốc lộ 1A và dự án Cầu Chợ: Các hạng mục giao thông này được địa phương phối hợp thực hiện công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng trong năm 2026. Khi hoàn thành, công trình góp phần tăng khả năng tiếp cận Trung tâm Điện lực, cải thiện kết nối giữa các khu

chức năng và giảm trở ngại trong vận chuyển, đi lại. Cần cập nhật chính xác hướng tuyến, mặt cắt và phạm vi thu hồi đất theo hồ sơ được phê duyệt.

- Dự án đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam: Dự án được địa phương rà soát, triển khai các công việc liên quan trên địa bàn. Đây là yếu tố cần xem xét trong tổ chức không gian phát triển dài hạn, đặc biệt đối với hành lang tuyến, phạm vi giải phóng mặt bằng, các vị trí giao cắt, kết nối giao thông và khả năng ảnh hưởng đến khu dân cư hiện hữu. Cần xác định phần tuyến thực tế đi qua xã Phú Trạch theo hồ sơ dự án chính thức trước khi đưa vào bản đồ quy hoạch.

- Dự án Khu du lịch nhà ở sinh thái Sunspa - Đảo Yến: Dự án đang được rà soát, tháo gỡ vướng mắc về bồi thường, giải phóng mặt bằng và xem xét điều chỉnh phương án đầu tư. Đây là dự án cần được kiểm tra về ranh giới, tình trạng pháp lý và khả năng tiếp tục thực hiện trước khi xác định các chức năng sử dụng đất tương ứng trong quy hoạch chung.

8.5. Đánh giá tác động đến phạm vi lập quy hoạch:

** Tác động từ định hướng mở rộng Đô thị Ba Đồn (Lực đẩy Đô thị hóa)*

Dịch chuyển cấu trúc hành chính - không gian: Theo Quy hoạch tỉnh, xã Phú Trạch (cùng với Quảng Trạch và Hòa Trạch) nằm trong phạm vi mở rộng của Đô thị Ba Đồn, hướng tới đạt tiêu chuẩn đô thị loại II vào năm 2050.

- Tác động:

Phú Trạch chuyển đổi dần từ mô hình xã nông thôn thuần túy sang không gian đô thị - công nghiệp - dịch vụ - ven biển.

Yêu cầu hạ tầng kỹ thuật (giao thông, cấp thoát nước, chiếu sáng) và hạ tầng xã hội (y tế, giáo dục, văn hóa) trên địa bàn xã phải được đầu tư chuẩn hóa tiệm cận các chỉ tiêu đô thị.

Quy mô dân số thường trú và tạm trú gia tăng nhanh (dự báo đạt 41.913 - 43.672 người vào năm 2050), đặt ra yêu cầu cao về quản lý không gian xây dựng và phát triển các khu nhà ở tập trung.

** Tác động từ việc Điều chỉnh Quy hoạch KKT Hòn La (Lực đẩy Công nghiệp & Logistics)*

Hạt nhân công nghiệp - kho bãi phía Tây và phía Nam KKT: Phú Trạch là địa bàn trọng điểm được quy hoạch mở rộng các khu chức năng kinh tế chủ lực:

KCN Hòn La II: Mở rộng quy mô từ 250ha lên 388ha, thu hút công nghiệp sạch, công nghệ cao, lắp ráp điện tử và cơ khí phụ trợ.

Trung tâm Logistics & Kho bãi: Bố trí Khu dịch vụ logistics nội địa, hệ

thống kho ngoại quan/kho tổng hợp (80 ha), bãi đỗ xe trung chuyển (38 ha) và 02 bến xe khách/hàng hóa.

Hạ tầng năng lượng: Phân bổ quỹ đất năng lượng lớn (542,67 ha) phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG).

- Tác động:

Tạo dòng vốn đầu tư mạnh mẽ (PPP, FDI, tư nhân), thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế địa phương sang công nghiệp - dịch vụ.

Thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu lao động tại chỗ từ nông - lâm - ngư nghiệp sang lao động công nghiệp, vận tải kho vận và dịch vụ hậu cần.

Thách thức: Áp lực chuyển đổi mục đích sử dụng đất nông - lâm nghiệp lớn; đặt ra bài toán phức tạp về bồi thường, giải phóng mặt bằng, giải quyết việc làm cho người dân mất đất sản xuất và kiểm soát nguy cơ ô nhiễm môi trường KCN.

** Tác động từ hạ tầng giao thông đối ngoại & hành lang liên vùng*

Nút giao thoa kết nối đa phương thức: Phú Trạch nằm trên trục Quốc lộ 1, kết nối trực tiếp với Quốc lộ 12A (Hành lang kinh tế Đông - Tây EWEC ra Cửa khẩu quốc tế Cha Lo) và tuyến đường ven biển.

- Tác động:

Các dự án hạ tầng khung như: nâng cấp Quốc lộ 1 (cấp III, 4 làn xe), mở rộng tuyến Tiến Châu - Văn Hóa (mặt cắt 32m kết nối KKT Hòn La với cao tốc Bắc - Nam) và tuyến Đường tỉnh 558B giúp Phú Trạch trở thành trung tâm trung chuyển hàng hóa xuất nhập khẩu ra Cảng biển Hòn La.

Tăng tính liên kết kinh tế liên vùng giữa Phú Trạch với KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh), Đô thị Ba Đồn và TP. Đồng Hới.

** Tác động từ Chiến lược Du lịch Văn hóa - Tâm linh & Bảo tồn Cảnh quan:*

Hạt nhân Cụm du lịch E phía Bắc: Sự xuất hiện của Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến (quy mô 8.000ha) cùng Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp tạo nên bước ngoặt trong định hướng phát triển du lịch của xã.

- Tác động:

Phú Trạch trở thành điểm đến thu hút hàng triệu lượt du khách/năm, mở ra cơ hội lớn phát triển các ngành dịch vụ thương mại, lưu trú, ẩm thực và du lịch sinh thái biển - đảo - rừng.

Yêu cầu cân bằng: Buộc quy hoạch phát triển xã phải tuân thủ nghiêm ngặt

ranh giới bảo vệ môi trường sinh thái, bảo tồn 6.911,12ha rừng phòng hộ ven biển/đầu nguồn và rạn san hô quanh Đảo Yến; tránh tình trạng xung đột không gian giữa công nghiệp nặng/xử lý chất thải với vành đai du lịch văn hóa - tâm linh - nghỉ dưỡng cao cấp.

** Tác động từ biến đổi khí hậu & áp lực an ninh hạ tầng kỹ thuật*

- Rủi ro thiên tai ven biển: Phú Trạch nằm trong phân vùng chịu tác động mạnh của bão, xói lở bờ biển, nắng nóng hạn hán và xâm nhập mặn.

- Tác động đến định hướng kỹ thuật:

Yêu cầu quy hoạch cao độ san nền và thoát nước mặt phải tính đến kịch bản nước biển dâng, đảm bảo hành lang thoát lũ tự nhiên từ đồi núi phía Tây ra biển.

An ninh nguồn nước thô: Nằm trên địa bàn xã Phú Trạch, công trình Hồ Vực Tròn (dung tích 52,8triệu m^3) chịu áp lực phải nâng công suất cấp nước thô từ 48.000m^3/ngày-đêm lên 150.000m^3/ngày-đêm để bảo đảm cung cấp nước cho cả công nghiệp KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn mở rộng và sinh hoạt dân sinh.

- Các dự án nêu trên tác động đến quy hoạch chung xã Phú Trạch trên các phương diện chủ yếu sau:

+ Về tổ chức không gian: Hình thành động lực phát triển công nghiệp - năng lượng, cảng biển và dịch vụ hậu cần; cần xác định rõ khu vực sản xuất, khu dân cư, khu dịch vụ và các hành lang hạ tầng.

+ Về sử dụng đất: Rà soát diện tích đất đã thu hồi, đang giải phóng mặt bằng, đất dự kiến bố trí cho dự án và các khu vực có khả năng phát triển đô thị, dịch vụ.

+ Về dân số và lao động: Dự báo nhu cầu lao động, nhà ở, thương mại, giáo dục, y tế và các công trình công cộng phục vụ người dân và lực lượng lao động phát sinh.

+ Về hạ tầng kỹ thuật: Bảo đảm kết nối giao thông đối ngoại; xác định nhu cầu cấp nước, cấp điện, thoát nước, xử lý nước thải, chất thải rắn và hạ tầng phòng cháy, chữa cháy.

+ Về môi trường: Kiểm soát tác động của các cơ sở công nghiệp - năng lượng, hoạt động cảng và giao thông; bảo đảm hành lang bảo vệ nguồn nước, môi trường biển và khoảng cách an toàn theo quy định.

9. Đánh giá công tác quản lý thực hiện các quy hoạch:

9.1. Thực trạng phát triển kinh tế - xã hội:

a. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế:

- Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

Nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục giữ vai trò quan trọng đối với sinh kế của người dân tại các khu vực dân cư truyền thống. Hoạt động sản xuất gắn với điều kiện đất đai, nguồn nước, hệ thống giao thông nội đồng và kinh nghiệm canh tác của địa phương.

Trồng trọt: Duy trì hoạt động sản xuất cây trồng phù hợp với điều kiện tự nhiên và tập quán canh tác; cần tiếp tục nâng cao hiệu quả sử dụng đất, ứng dụng tiến bộ kỹ thuật và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa.

Chăn nuôi: Đáp ứng một phần nhu cầu tiêu dùng tại chỗ, góp phần tạo việc làm và thu nhập cho hộ gia đình. Cần chú trọng kiểm soát dịch bệnh, xử lý chất thải và phát triển chăn nuôi theo hướng an toàn sinh học.

Lâm nghiệp: Gắn với quản lý, bảo vệ và phát triển diện tích rừng hiện có; tăng cường phòng cháy, chữa cháy rừng và sử dụng hiệu quả quỹ đất lâm nghiệp.

Thủy sản: Với lợi thế địa bàn ven biển, hoạt động khai thác, nuôi trồng và các dịch vụ liên quan có tiềm năng phát triển. Cần tổ chức sản xuất phù hợp với điều kiện nguồn lợi, hạ tầng phục vụ nghề cá và yêu cầu bảo vệ môi trường biển.

Nhìn chung, cần tiếp tục chuyển đổi cơ cấu sản xuất theo hướng nâng cao giá trị gia tăng, phát triển các mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện từng khu vực, đồng thời tăng cường liên kết tiêu thụ sản phẩm và chủ động ứng phó với thiên tai.

- Công nghiệp - tiểu thủ công nghiệp và xây dựng:

Công nghiệp - năng lượng là một trong những động lực phát triển quan trọng của khu vực Phú Trạch, gắn với Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và định hướng phát triển công nghiệp, cảng biển của Khu kinh tế Hòn La.

Việc đầu tư các công trình công nghiệp và hạ tầng kết nối tạo điều kiện thúc đẩy hoạt động xây dựng, vận tải, cung ứng vật tư, dịch vụ kỹ thuật và các ngành nghề phụ trợ. Đồng thời, quá trình này làm gia tăng nhu cầu lao động, nhà ở, dịch vụ dân sinh và các công trình hạ tầng xã hội.

Bên cạnh lợi thế phát triển công nghiệp quy mô lớn, cần quan tâm đến khả năng phát triển các cơ sở sản xuất nhỏ, ngành nghề nông thôn và hoạt động tiểu thủ công nghiệp phù hợp với quy hoạch sử dụng đất, điều kiện hạ tầng và yêu cầu bảo vệ môi trường.

- Thương mại - dịch vụ:

Hoạt động thương mại và dịch vụ chủ yếu gắn với nhu cầu tiêu dùng của

người dân, các điểm dân cư tập trung, hoạt động sản xuất và giao thông kết nối khu vực. Các loại hình kinh doanh hộ gia đình, cửa hàng bán lẻ, dịch vụ ăn uống, vận tải và cung ứng hàng hóa có vai trò phục vụ đời sống dân cư.

Trong thời gian tới, sự phát triển của Trung tâm Điện lực Quảng Trạch, cảng Hòn La và các dự án liên quan có thể tạo thêm nhu cầu đối với dịch vụ lưu trú, ăn uống, thương mại, vận tải, cung ứng vật tư và các dịch vụ phục vụ người lao động. Đây là cơ sở để nghiên cứu bố trí các khu dịch vụ tập trung tại vị trí thuận lợi về giao thông, bảo đảm khả năng tiếp cận và hạn chế phát triển phân tán, tự phát.

- Du lịch và kinh tế biển:

Vị trí ven biển cùng cảnh quan tự nhiên và khả năng liên kết với khu vực Hòn La tạo điều kiện nghiên cứu phát triển các hoạt động du lịch, dịch vụ nghỉ dưỡng và kinh tế biển. Tuy nhiên, việc khai thác các lợi thế này cần căn cứ vào các đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, hiện trạng hạ tầng, điều kiện tiếp cận và yêu cầu bảo vệ hệ sinh thái ven biển.

Định hướng phát triển cần chú trọng kết nối các điểm có tiềm năng cảnh quan với hệ thống giao thông và dịch vụ; khuyến khích các mô hình du lịch phù hợp với điều kiện địa phương, đồng thời kiểm soát chặt chẽ việc sử dụng đất ven biển và tác động môi trường.

b. Thực trạng dân số, lao động và việc làm:

Dân cư xã Phú Trạch phân bố tại các khu dân cư hình thành từ những đơn vị hành chính trước đây. Mạng lưới dân cư có sự gắn kết với các tuyến giao thông, khu vực sản xuất nông nghiệp, hoạt động kinh tế ven biển và các công trình công cộng.

Lực lượng lao động tham gia nhiều lĩnh vực như nông nghiệp, thủy sản, kinh doanh dịch vụ, xây dựng và các hoạt động sản xuất khác. Quá trình phát triển công nghiệp - năng lượng có khả năng mở rộng cơ hội việc làm, nhưng đồng thời đòi hỏi nâng cao trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp và khả năng chuyển đổi việc làm của người lao động địa phương.

Trong quy hoạch chung, cần đánh giá quy mô dân số hiện trạng, cơ cấu lao động, tỷ lệ lao động qua đào tạo và nhu cầu lao động phát sinh từ các dự án. Trên cơ sở đó, xác định nhu cầu đất ở, nhà ở công nhân, công trình giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao và các dịch vụ thiết yếu.

c. Thực trạng phát triển hạ tầng xã hội:

- Giáo dục và đào tạo: Hệ thống trường học và các cơ sở giáo dục hiện hữu phục vụ nhu cầu học tập của dân cư tại các khu vực. Cần rà soát quy mô, vị trí, điều kiện cơ sở vật chất và khả năng đáp ứng của từng trường; từ đó xác định nhu cầu nâng cấp, mở rộng hoặc bố trí bổ sung công trình phù hợp với phân bố dân cư và quy mô dân số dự báo.

- Y tế và chăm sóc sức khỏe: Các cơ sở y tế trên địa bàn có vai trò phục vụ chăm sóc sức khỏe ban đầu cho người dân. Việc phát triển kinh tế và gia tăng nhu cầu lao động cần được xem xét đồng thời với yêu cầu nâng cao năng lực khám, chữa bệnh ban đầu, bảo đảm khả năng tiếp cận dịch vụ y tế và tổ chức cấp cứu khi cần thiết.

- Văn hóa, thể thao và các công trình công cộng: Các thiết chế văn hóa, nhà văn hóa thôn, khu thể thao và không gian sinh hoạt cộng đồng cần được rà soát trên phạm vi toàn xã mới. Việc đầu tư cần hướng đến bảo đảm bán kính phục vụ hợp lý, cải thiện chất lượng không gian sinh hoạt và duy trì các hoạt động văn hóa truyền thống của cộng đồng dân cư.

- Nhà ở và điều kiện sinh hoạt: Nhà ở phân bố theo các điểm dân cư hiện hữu, gắn với điều kiện sinh kế và hệ thống giao thông. Trong quá trình phát triển, cần cải thiện chất lượng nhà ở, hạ tầng khu dân cư và điều kiện vệ sinh môi trường; đồng thời nghiên cứu nhu cầu nhà ở cho người lao động phát sinh từ các dự án công nghiệp, năng lượng và dịch vụ.

9.2. Thực trạng phát triển hạ tầng kỹ thuật:

- Giao thông: Hệ thống giao thông kết nối với Quốc lộ 1 và khu vực Hòn La có ý nghĩa quan trọng đối với lưu thông hàng hóa, đi lại của người dân và hoạt động sản xuất. Cần rà soát chất lượng mặt đường, mặt cắt, các điểm giao cắt và khả năng kết nối giữa các khu dân cư.

- Cấp điện: Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất và các hoạt động kinh doanh có xu hướng gia tăng. Cần đánh giá năng lực mạng lưới phân phối điện, chiếu sáng công cộng và khả năng đáp ứng của hệ thống hạ tầng hiện hữu.

- Cấp nước: Cần rà soát phạm vi phục vụ của các công trình cấp nước tập trung, chất lượng nguồn nước và khả năng cung cấp nước cho các khu dân cư, khu dịch vụ và khu vực sản xuất.

- Thoát nước và xử lý nước thải: Tại các khu dân cư, cần đánh giá hệ thống thoát nước mưa, khả năng tiêu thoát nước và hiện trạng thu gom, xử lý nước

thải; ưu tiên giải quyết các khu vực có nguy cơ ngập úng hoặc phát sinh ô nhiễm.

- Chất thải rắn: Cần rà soát tỷ lệ thu gom, tần suất vận chuyển, vị trí tập kết và phương thức xử lý chất thải sinh hoạt; nghiên cứu hoàn thiện mạng lưới thu gom phù hợp với quy mô dân cư.

- Hạ tầng viễn thông và chuyển đổi số: Tiếp tục nâng cao khả năng tiếp cận dịch vụ viễn thông, Internet và các nền tảng số phục vụ quản lý nhà nước, sản xuất, kinh doanh và đời sống người dân.

9.3. Thực trạng phát triển xã hội và công tác quản lý nhà nước:

Cùng với phát triển kinh tế, các lĩnh vực văn hóa, giáo dục, chăm sóc sức khỏe, an sinh xã hội và cải cách hành chính tiếp tục là những nội dung cần được quan tâm trong quá trình xây dựng xã Phú Trạch. Việc tổ chức chính quyền địa phương hai cấp đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực quản lý, tăng cường phối hợp giữa các cơ quan chuyên môn và bảo đảm cung cấp dịch vụ công thuận tiện cho người dân.

Theo thông tin tại buổi làm việc của Thường trực HĐND tỉnh với các địa phương vào tháng 9/2026, xã Phú Trạch ghi nhận tốc độ tăng trưởng kinh tế 6 tháng đầu năm 2026 đạt 17,10% và thu ngân sách nhà nước trên địa bàn đạt 162,2% dự toán. Đây là những chỉ dấu tích cực về kết quả điều hành và phát triển kinh tế trong kỳ báo cáo, tuy nhiên cần đối chiếu báo cáo kinh tế - xã hội chính thức của UBND xã để xác định phương pháp tính, cơ cấu đóng góp và mức độ bền vững của tăng trưởng.

9.4. Những hạn chế và thách thức:

a. Hạn chế:

- Cơ cấu kinh tế và chất lượng tăng trưởng: Cơ cấu kinh tế trên địa bàn xã đang trong quá trình chuyển dịch, song các hoạt động sản xuất truyền thống như nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản vẫn giữ vai trò quan trọng đối với sinh kế của một bộ phận dân cư. Quy mô sản xuất ở một số lĩnh vực còn phân tán, khả năng liên kết chuỗi giá trị, ứng dụng khoa học - công nghệ và nâng cao giá trị gia tăng còn hạn chế. Các hoạt động thương mại, dịch vụ và ngành nghề hỗ trợ chưa khai thác đầy đủ tiềm năng từ vị trí ven biển, cảng Hòn La và các dự án công nghiệp - năng lượng.

- Chất lượng nguồn nhân lực và việc làm: Trình độ chuyên môn, kỹ năng nghề nghiệp của một bộ phận lao động chưa đáp ứng đầy đủ yêu cầu của các ngành công nghiệp, dịch vụ kỹ thuật và hoạt động hậu cần cảng biển. Khả năng

chuyển đổi nghề nghiệp từ sản xuất truyền thống sang các lĩnh vực có năng suất cao còn phụ thuộc vào điều kiện đào tạo, nhu cầu tuyển dụng và khả năng tiếp cận việc làm tại địa phương.

- Hệ thống hạ tầng kỹ thuật: Hệ thống giao thông, cấp nước, thoát nước, thu gom và xử lý chất thải cần tiếp tục được rà soát, nâng cấp để đáp ứng yêu cầu phát triển trên địa bàn xã mới. Tại một số khu dân cư, hạ tầng có thể chưa đồng bộ; khả năng kết nối giữa các điểm dân cư, khu vực sản xuất và các công trình đầu mối cần được đánh giá cụ thể. Việc gia tăng hoạt động vận tải phục vụ công nghiệp - năng lượng cũng đặt ra yêu cầu nâng cao năng lực giao thông và bảo đảm an toàn cho người dân.

- Hạ tầng xã hội và chất lượng đời sống: Nhu cầu về nhà ở, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa, thể thao và các dịch vụ thiết yếu có thể gia tăng cùng với quá trình phát triển công nghiệp, dịch vụ. Việc bố trí, nâng cấp các công trình cần phù hợp với phân bố dân cư sau sắp xếp đơn vị hành chính, tránh tình trạng thiếu hụt cục bộ hoặc đầu tư phân tán, chưa phát huy hiệu quả.

- Công tác quản lý quy hoạch và sử dụng đất: Các đồ án quy hoạch được lập trong những giai đoạn khác nhau, theo địa giới hành chính cũ, cần được rà soát và đồng bộ hóa. Công tác quản lý cần bảo đảm thống nhất giữa quy hoạch chung xã với quy hoạch tỉnh, quy hoạch Khu kinh tế Hòn La, quy hoạch phân khu và các dự án đầu tư đã được phê duyệt. Nếu thiếu sự phối hợp và cập nhật kịp thời, có thể phát sinh khó khăn trong quản lý xây dựng, chuyển đổi mục đích sử dụng đất và bố trí các công trình hạ tầng.

- Công tác bảo vệ môi trường: Sự phát triển của công nghiệp - năng lượng, giao thông, xây dựng và các hoạt động sản xuất có thể làm gia tăng áp lực lên môi trường đất, nước, không khí và hệ thống thu gom chất thải. Công tác kiểm soát nguồn thải, duy trì cảnh quan ven biển, bảo vệ nguồn nước và xử lý chất thải cần được chú trọng nhằm hạn chế các tác động tiêu cực đến sức khỏe cộng đồng và hệ sinh thái.

b. Những thách thức chủ yếu:

- Khai thác hiệu quả động lực phát triển từ Khu kinh tế Hòn La: Các dự án công nghiệp - năng lượng và cảng biển tạo cơ hội thúc đẩy tăng trưởng, nhưng việc chuyển hóa lợi thế đầu tư thành thu nhập, việc làm và giá trị kinh tế trực tiếp cho người dân địa phương vẫn là thách thức. Cần tăng cường liên kết giữa các doanh nghiệp với lao động, cơ sở kinh doanh và các ngành dịch vụ tại chỗ,

đồng thời hạn chế tình trạng phát triển kinh tế thiếu cân đối giữa các khu vực.

- Cân đối giữa phát triển công nghiệp và ổn định đời sống dân cư: Quá trình triển khai các dự án quy mô lớn có thể làm phát sinh nhu cầu thu hồi đất, giải phóng mặt bằng, bố trí tái định cư và chuyển đổi sinh kế. Thách thức đặt ra là bảo đảm quyền lợi hợp pháp của người dân, duy trì khả năng tiếp cận các dịch vụ thiết yếu và tổ chức không gian phát triển hài hòa giữa khu công nghiệp, khu dân cư và các khu vực sản xuất truyền thống.

- Nâng cấp hạ tầng theo tốc độ phát triển: Nhu cầu đầu tư hạ tầng có thể tăng nhanh hơn khả năng cân đối nguồn lực của địa phương. Việc lựa chọn danh mục công trình ưu tiên, phân kỳ đầu tư và huy động nguồn vốn cần được thực hiện phù hợp với quy mô dân số, nhu cầu phát triển thực tế và tiến độ triển khai các dự án trọng điểm.

- Thích ứng với biến đổi khí hậu và thiên tai: Địa bàn ven biển có thể chịu tác động của bão, mưa lớn, ngập úng, xói lở và các hiện tượng thời tiết cực đoan. Các yếu tố này có khả năng ảnh hưởng đến sản xuất, giao thông, nhà ở và công trình hạ tầng. Do đó, quy hoạch cần chú trọng xác định các khu vực có nguy cơ thiên tai, bảo vệ hệ thống thoát nước tự nhiên và lựa chọn giải pháp xây dựng phù hợp với điều kiện địa hình, thủy văn.

- Bảo đảm phát triển bền vững và quản lý hiệu quả sau sắp xếp hành chính: Việc quản lý một địa bàn có phạm vi rộng hơn, bao gồm các khu dân cư và không gian sản xuất có đặc điểm khác nhau, đòi hỏi nâng cao năng lực điều hành, phối hợp quản lý và tổ chức cung cấp dịch vụ công. Đồng thời, cần bảo đảm sự thống nhất về dữ liệu đất đai, quy hoạch, dân số, hạ tầng và các dự án đầu tư giữa các khu vực thuộc xã mới.

c. Tiềm năng và lợi thế phát triển:

- Lợi thế về vị trí địa lý và liên kết vùng:

Xã Phú Trạch có lợi thế về vị trí địa lý tại khu vực ven biển phía Bắc tỉnh Quảng Trị, có khả năng kết nối với Quốc lộ 1, cảng Hòn La và các khu chức năng thuộc Khu kinh tế Hòn La. Đây là điều kiện thuận lợi để tăng cường giao lưu kinh tế, vận chuyển hàng hóa, phát triển các hoạt động sản xuất, thương mại và dịch vụ.

Việc nằm trong không gian phát triển có vai trò quan trọng về công nghiệp, năng lượng và kinh tế biển tạo điều kiện để xã mở rộng liên kết với các địa phương lân cận, thu hút nguồn lực đầu tư và từng bước tham gia sâu hơn vào

chuỗi cung ứng, dịch vụ hỗ trợ sản xuất của khu vực.

- Tiềm năng phát triển công nghiệp - năng lượng:

Khu vực Phú Trạch có lợi thế nổi bật từ sự hiện diện của Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và các dự án năng lượng quy mô lớn. Đây là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển công nghiệp, xây dựng, vận tải, cung ứng vật tư, dịch vụ kỹ thuật và các hoạt động kinh tế hỗ trợ.

Sự phát triển của lĩnh vực năng lượng có thể tạo thêm việc làm, tăng nhu cầu tiêu dùng và mở ra cơ hội phát triển các cơ sở dịch vụ phục vụ chuyên gia, người lao động và doanh nghiệp. Trên cơ sở đó, xã có điều kiện nghiên cứu bố trí các khu vực thương mại - dịch vụ, nhà ở và công trình công cộng phù hợp, bảo đảm kết nối với các dự án trọng điểm nhưng không làm ảnh hưởng đến các khu vực sản xuất và dân cư hiện hữu.

- Tiềm năng phát triển kinh tế biển và dịch vụ cảng:

Vị trí gần cảng Hòn La là lợi thế quan trọng để phát triển các hoạt động dịch vụ hậu cần, vận tải, kho bãi, cung ứng vật tư và dịch vụ hỗ trợ công nghiệp. Khi hệ thống cảng biển và giao thông kết nối được đầu tư đồng bộ, nhu cầu về dịch vụ logistics, thương mại và các ngành nghề phụ trợ có thể tiếp tục gia tăng.

Bên cạnh đó, lợi thế ven biển tạo điều kiện phát triển các hoạt động khai thác, nuôi trồng thủy sản và dịch vụ nghề cá phù hợp với điều kiện địa phương. Việc khai thác tiềm năng kinh tế biển cần gắn với bảo vệ nguồn lợi thủy sản, kiểm soát môi trường và tổ chức sử dụng không gian ven biển hợp lý.

- Tiềm năng phát triển thương mại - dịch vụ:

Sự kết hợp giữa các dự án công nghiệp - năng lượng, hệ thống giao thông và hoạt động kinh tế biển tạo điều kiện mở rộng thị trường tiêu thụ hàng hóa, dịch vụ trên địa bàn. Các loại hình có khả năng phát triển gồm thương mại bán lẻ, dịch vụ ăn uống, lưu trú, vận tải, sửa chữa cơ khí, cung ứng vật tư và các dịch vụ phục vụ đời sống người lao động.

Trong dài hạn, xã có thể nghiên cứu hình thành các điểm dịch vụ tập trung tại khu vực có điều kiện giao thông thuận lợi, gắn với các tuyến kết nối chính và các cụm dân cư. Việc bố trí cần bảo đảm phù hợp với quy hoạch Khu kinh tế Hòn La, khả năng đáp ứng của hạ tầng và nhu cầu thực tế của thị trường.

- Tiềm năng phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản:

Mặc dù chịu tác động từ quá trình phát triển công nghiệp và dịch vụ, các hoạt động sản xuất truyền thống vẫn có vai trò quan trọng đối với sinh kế của

người dân. Quỹ đất sản xuất, điều kiện tự nhiên và kinh nghiệm sản xuất tại địa phương là cơ sở để tiếp tục phát triển nông nghiệp, chăn nuôi, lâm nghiệp và thủy sản phù hợp.

Định hướng phát triển cần khuyến khích ứng dụng khoa học – công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm, tăng cường liên kết tiêu thụ và phát triển các mô hình sản xuất hàng hóa. Đồng thời, cần bảo vệ quỹ đất nông nghiệp có giá trị, quản lý hiệu quả đất lâm nghiệp và hạn chế tác động tiêu cực của hoạt động sản xuất đến môi trường.

- Tiềm năng phát triển du lịch và khai thác cảnh quan:

Không gian ven biển cùng các giá trị cảnh quan tự nhiên tạo cơ sở để nghiên cứu phát triển các hoạt động du lịch, nghỉ dưỡng và dịch vụ giải trí phù hợp. Tiềm năng này có thể được kết nối với các điểm đến ven biển và các khu vực du lịch của vùng phía Bắc tỉnh Quảng Trị.

Tuy nhiên, việc phát triển du lịch cần dựa trên đánh giá cụ thể về chất lượng cảnh quan, khả năng tiếp cận, hiện trạng sử dụng đất, điều kiện hạ tầng và sức chịu tải môi trường. Ưu tiên khai thác các khu vực có lợi thế thực tế, hạn chế phát triển tự phát và bảo đảm hài hòa với chức năng công nghiệp, cảng biển và không gian dân cư.

- Tiềm năng phát triển dân cư và nguồn nhân lực:

Quá trình triển khai các dự án công nghiệp - năng lượng và dịch vụ có thể tạo thêm nhu cầu lao động, thúc đẩy phát triển các hoạt động kinh doanh và mở rộng cơ hội việc làm cho người dân địa phương. Đây là điều kiện để từng bước chuyển dịch cơ cấu lao động, nâng cao thu nhập và cải thiện chất lượng đời sống.

Nếu được tổ chức hợp lý, hệ thống khu dân cư, nhà ở, trường học, cơ sở y tế, thiết chế văn hóa và dịch vụ công cộng có thể phát triển đồng bộ với các động lực kinh tế. Quy hoạch cần dự báo phù hợp quy mô dân số, nhu cầu nhà ở và khả năng tiếp nhận lao động, tránh phát triển khu dân cư phân tán hoặc gây quá tải hạ tầng.

- Tiềm năng phát triển từ việc hoàn thiện hệ thống hạ tầng:

Các dự án giao thông, năng lượng, cảng biển và hạ tầng kỹ thuật trong khu vực tạo cơ hội cải thiện khả năng kết nối và nâng cao sức hấp dẫn đầu tư của xã. Việc đồng bộ hóa mạng lưới giao thông đối ngoại với giao thông nội xã, hệ thống cấp điện, cấp nước, thoát nước và xử lý chất thải sẽ tạo nền tảng cho phát triển sản xuất, dịch vụ và nâng cao chất lượng môi trường sống.

Bên cạnh đó, việc ứng dụng công nghệ số trong quản lý đất đai, quy hoạch, cung cấp dịch vụ công và quản lý hạ tầng sẽ góp phần nâng cao hiệu quả quản lý nhà nước, hỗ trợ doanh nghiệp và người dân tiếp cận thông tin thuận lợi hơn.

III. ĐỘNG LỰC, MỤC TIÊU PHÁT TRIỂN CỦA XÃ:

1. Động lực phát triển:

Động lực phát triển xã Phú Trạch trong giai đoạn quy hoạch được xác định trên cơ sở khai thác lợi thế về vị trí địa lý, hệ thống giao thông kết nối vùng, tiềm năng phát triển công nghiệp - năng lượng, kinh tế biển, dịch vụ cảng biển và các hoạt động thương mại, dịch vụ. Đồng thời, việc đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng trọng điểm trong khu vực Khu kinh tế Hòn La và Trung tâm Điện lực Quảng Trạch được xem là yếu tố quan trọng thúc đẩy chuyển dịch cơ cấu kinh tế, tạo việc làm, thu hút lao động và gia tăng nhu cầu phát triển đô thị, dân cư, dịch vụ trên địa bàn.

- Động lực từ phát triển công nghiệp - năng lượng: Các dự án thuộc Trung tâm Điện lực Quảng Trạch và các hoạt động công nghiệp liên quan là động lực quan trọng thúc đẩy phát triển kinh tế của khu vực. Quá trình triển khai, vận hành các dự án có khả năng tạo thêm việc làm, tăng nhu cầu về nhà ở, dịch vụ sinh hoạt, thương mại, vận tải và các dịch vụ hỗ trợ sản xuất. Đây là cơ sở để xã Phú Trạch định hướng bố trí không gian dân cư, các khu chức năng dịch vụ và hệ thống hạ tầng kỹ thuật phù hợp, đồng thời kiểm soát tác động môi trường và bảo đảm an toàn đối với khu dân cư.

- Động lực từ Khu kinh tế Hòn La và hệ thống cảng biển: Sự phát triển của Khu kinh tế Hòn La, cảng biển và các khu chức năng công nghiệp, dịch vụ cảng biển tạo điều kiện mở rộng hoạt động giao thương, vận tải hàng hóa, kho bãi và logistics. Xã Phú Trạch có cơ hội tham gia vào chuỗi cung ứng dịch vụ phục vụ các dự án công nghiệp, năng lượng và hoạt động xuất nhập khẩu trong khu vực. Đây cũng là động lực thúc đẩy phát triển các điểm dân cư, dịch vụ thương mại và các loại hình dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp, người lao động.

- Động lực từ phát triển kết cấu hạ tầng giao thông: Việc đầu tư, nâng cấp các tuyến giao thông kết nối khu vực với Quốc lộ 1, cảng biển Hòn La, các khu công nghiệp và các trung tâm kinh tế lân cận sẽ góp phần nâng cao khả năng tiếp cận thị trường, giảm chi phí vận chuyển và tăng cường liên kết giữa các khu vực sản xuất với hệ thống phân phối hàng hóa. Trên cơ sở đó, cần tổ chức mạng lưới giao thông xã theo hướng kết nối đồng bộ với các tuyến giao thông đối ngoại,

bảo đảm khả năng tiếp cận các khu dân cư, khu sản xuất và công trình dịch vụ.

- Động lực từ phát triển thương mại, dịch vụ và logistics: Sự gia tăng hoạt động sản xuất công nghiệp, vận tải và nhu cầu của lực lượng lao động sẽ tạo thị trường cho các loại hình thương mại, dịch vụ, lưu trú, ăn uống, sửa chữa cơ khí, cung ứng vật tư và dịch vụ hậu cần. Đây là cơ sở để hình thành các điểm dịch vụ tập trung tại khu vực có lợi thế giao thông, các nút giao thông và khu dân cư hiện hữu; từng bước nâng cao chất lượng dịch vụ, tạo việc làm tại chỗ và tăng tỷ trọng các ngành phi nông nghiệp trong cơ cấu kinh tế xã.

- Động lực từ khai thác tiềm năng nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản: Bên cạnh công nghiệp và dịch vụ, các hoạt động nông nghiệp, lâm nghiệp và thủy sản tiếp tục đóng vai trò trong sinh kế của người dân. Việc tổ chức lại sản xuất theo hướng nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, phát triển mô hình sản xuất phù hợp với điều kiện tự nhiên và tăng cường liên kết tiêu thụ sẽ góp phần ổn định thu nhập, tạo việc làm và bảo đảm sinh kế cho các khu vực dân cư. Cần ưu tiên sử dụng đất tiết kiệm, bảo vệ tài nguyên đất, nước và hệ sinh thái, hạn chế xung đột giữa sản xuất truyền thống với quá trình phát triển công nghiệp và hạ tầng.

- Động lực từ phát triển nguồn nhân lực và hệ thống dân cư: Quá trình hình thành và phát triển các dự án công nghiệp, năng lượng, cảng biển và dịch vụ có thể làm tăng nhu cầu lao động, đồng thời thúc đẩy biến động dân số cơ học và nhu cầu về nhà ở, giáo dục, y tế, văn hóa, thể thao. Vì vậy, quy hoạch cần xác định quy mô, phân bố dân cư phù hợp với khả năng tiếp nhận của hệ thống hạ tầng; nâng cấp các công trình công cộng thiết yếu và tạo điều kiện đào tạo nghề, chuyển đổi việc làm cho lao động địa phương.

- Động lực từ nâng cao chất lượng môi trường sống và quản lý phát triển: Việc đầu tư đồng bộ hệ thống cấp nước, thoát nước, xử lý nước thải, thu gom chất thải rắn, cấp điện, chiếu sáng và hạ tầng viễn thông sẽ tạo nền tảng nâng cao chất lượng sống của người dân, đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất và dịch vụ. Đồng thời, cần tăng cường quản lý sử dụng đất, kiểm soát phát triển xây dựng, bảo vệ môi trường biển và ven biển, chủ động ứng phó với thiên tai, ngập lụt và các tác động bất lợi từ hoạt động công nghiệp.

2. Quan điểm và mục tiêu phát triển:

2.1. Quan điểm phát triển cốt lõi:

- Phát triển theo mô hình tổ hợp Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ - Ven biển:

Chuyển dịch mạnh mẽ cấu trúc không gian từ xã nông thôn thuần túy sang vùng phát triển đa chức năng. Tích hợp Phú Trạch vào dải đô thị - công nghiệp Ba Đồn mở rộng, từng bước đầu tư hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tiệm cận các tiêu chí đô thị loại II.

- Hài hòa giữa tăng trưởng kinh tế với bảo vệ sinh thái và bảo tồn văn hóa - tâm linh:

Quản lý nghiêm ngặt dải rừng phòng hộ ven biển và diện tích đất chuyên trồng lúa nước để giữ an toàn sinh thái, an ninh lương thực và phòng chống thiên tai.

Phát triển công nghiệp tại KCN Hòn La II, KCN Cảng biển Hòn La song song với việc bảo vệ nghiêm ngặt Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến; tuyệt đối không để xung đột môi trường giữa vành đai công nghiệp với vùng du lịch văn hóa - tâm linh.

- Phát triển xanh, bền vững và ứng phó chủ động với biến đổi khí hậu:

Khuyến khích các dự án công nghiệp sạch, công nghệ cao, áp dụng tiêu chuẩn sinh thái và kinh tế tuần hoàn. Chủ động quy hoạch cao độ san nền, hệ thống thoát nước và hành lang cây xanh cách ly để thích ứng với hiện tượng nước biển dâng, ngập lụt và xâm nhập mặn.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế với Quốc phòng - An ninh và An sinh xã hội:

Gắn kết quy hoạch kinh tế KKT Hòn La với thế trận khu vực phòng thủ ven biển. Đảm bảo chuyển đổi sinh kế, giải quyết việc làm cho lao động địa phương và nâng cao chất lượng cuộc sống cho cư dân.

2.2. Mục tiêu phát triển:

** Mục tiêu tổng quát:*

Xây dựng xã Phú Trạch trở thành vành đai công nghiệp - logistics - năng lượng trọng điểm của KKT Hòn La, đồng thời là trung tâm du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái phía Bắc tỉnh; chuẩn bị đầy đủ điều kiện hạ tầng để tích hợp bền vững vào không gian Đô thị Ba Đồn mở rộng (hướng tới đạt đô thị loại II vào năm 2050).

** Mục tiêu cụ thể đến năm 2030*

- Phát triển Công nghiệp & Logistics:

Lấp đầy và hoàn thiện hạ tầng KCN Cảng biển Hòn La và triển khai mở rộng KCN Hòn La II.

Hình thành Khu dịch vụ Logistics nội địa, phát triển hệ thống kho ngoại quan/kho tổng hợp, bãi đỗ xe trung chuyển và 02 bến xe khách/hàng hóa (Bến xe Roòn, Bến xe Hòn La).

Bố trí đất năng lượng (DNL) để xây dựng mới và nâng cấp hệ thống kho xăng dầu, kho LPG phục vụ KKT Hòn La.

- Hạ tầng thủy lợi & cấp nước:

Nâng công suất cấp nước thô của Hồ Vực Tròn từ 48.000m³/ngày-đêm lên 150.000m³/ngày-đêm, đảm bảo nguồn nước đa mục tiêu cho công nghiệp KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn và sinh hoạt dân sinh.

- Du lịch & Bảo tồn cảnh quan:

Thành lập và đưa vào vận hành Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến với quy mô 8.000ha.

Xây dựng Phú Trạch trở thành trung tâm hạt nhân thuộc Cụm du lịch E (khu vực phía Bắc tỉnh), đẩy mạnh khai thác du lịch văn hóa - tâm linh (Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, núi Thọ Sơn) kết hợp du lịch nghỉ dưỡng biển đảo Vũng Chùa - Đảo Yến.

- Sử dụng đất & Hạ tầng giao thông khung:

Kiểm soát chỉ tiêu đất phi nông nghiệp (gồm đất giao thông; đất khu công nghiệp; đất thương mại dịch vụ; đất ở nông thôn).

Nâng cấp Quốc lộ 1, Đường tỉnh 558B và mở rộng trục Tiến Châu - Văn Hóa (mặt cắt 32m) kết nối KKT Hòn La với đường cao tốc Bắc - Nam.

** Tầm nhìn đến năm 2050:*

Trở thành phân khu đô thị công nghiệp - dịch vụ - ven biển - logistics hiện đại, hoàn thiện hạ tầng đồng bộ tiệm cận tiêu chuẩn đô thị loại II.

Khẳng định vị thế là điểm đến du lịch sinh thái - tâm linh chất lượng cao và là mắt xích logistics quan trọng trong dải kinh tế biển phía Bắc.

2.3. Những vấn đề chính cần giải quyết trong quy hoạch:

- Phân tích, đánh giá hiện trạng toàn diện, bao gồm: điều kiện tự nhiên, sử dụng đất, hệ thống dân cư, nhà ở, công trình công cộng - dịch vụ, hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội, hoạt động sản xuất và môi trường; chỉ rõ những bất cập, thiếu đồng bộ và nguy cơ ảnh hưởng đến phát triển xã Phú Trạch.

- Xác định rõ các yếu tố tác động từ vùng lân cận, đặc biệt là hành lang giao thông chiến lược (Quốc lộ 1, cao tốc Bắc - Nam, đường ven biển,…) và các dự án trọng điểm của tỉnh, nhằm gắn kết chặt chẽ Phú Trạch với không gian

phát triển chung.

- Định hướng lại khu trung tâm xã Phú Trạch sau khi nhập toàn bộ 4 xã: Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp, xã Phú Trạch bố trí hợp lý quỹ đất cho công sở, quảng trường, trung tâm văn hóa - thương mại, chỉnh trang và mở rộng hạ tầng xã hội như trường học, y tế, chợ trung tâm.

- Mở rộng và đồng bộ hạ tầng giao thông: cải tạo, mở rộng các tuyến hiện trạng xuống cấp, bổ sung các trục giao thông mới, đảm bảo kết nối liên hoàn giữa trung tâm với các khu vực phát triển mới và vùng phụ cận.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị: cấp - thoát nước, xử lý rác thải, nghĩa trang, công trình phòng chống ngập và hạ tầng môi trường khác nhằm đảm bảo an toàn, bền vững.

- Phát triển kinh tế đa dạng: Thương mại - dịch vụ tổng hợp gắn với chợ trung tâm và các tuyến đường lớn. Công nghiệp - cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn, dịch vụ hỗ trợ nông nghiệp. Khai thác dịch vụ du lịch dừng chân, trung chuyển vật liệu xây dựng, khoáng sản,… trên trục Quốc lộ 1 và trục ven biển.

- Tăng cường quản lý môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu: quy hoạch hệ thống xử lý chất thải rắn, bãi chôn lấp hợp vệ sinh; triển khai giải pháp bảo vệ đê sông Ròon, đê ven biển, chống xói lở; xây dựng hồ điều hòa và hành lang thoát lũ; tăng cường cây xanh phòng hộ ven sông, biển.

- Hoàn thiện hệ thống hạ tầng xã hội, bổ sung các công trình còn thiếu (trường học, y tế, chợ, trung tâm văn hóa - thể thao), cải tạo và mở rộng các công trình xuống cấp để đáp ứng nhu cầu dân cư.

- Định hướng quản lý kiến trúc, cảnh quan và chỉnh trang bộ mặt nông thôn mới, kết hợp bảo tồn giá trị văn hóa bản địa và tạo hình ảnh đặc trưng của không gian ven sông, biển.

- Đưa ra cơ chế quản lý phát triển đô thị và không gian nông thôn hợp lý, ngăn chân tình trạng xây dựng tự phát, quy hoạch treo, thiết lập cơ chế phân kỳ đầu tư khả thi, đảm bảo đồng bộ giữa hạ tầng kỹ thuật và phát triển dân cư - dịch vụ.

- Xác định các yếu tố tác động của vùng xung quanh ảnh hưởng đến phát triển không gian trên địa bàn xã Phú Trạch.

- Định hướng khu vực phát triển mới, cải tạo khu vực hiện hữu, kết nối đồng bộ giữa mới và cũ.

- Phát huy và đẩy mạnh kinh tế truyền thống của địa phương theo hướng chính là sản xuất nông nghiệp, tiếp tục kêu gọi đầu tư vào khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn, khu du lịch, dịch vụ… đã được hình thành, đầu tư nâng cấp cơ sở vật chất, phương tiện cho các Hợp tác xã, khu công nghiệp, dịch vụ, nâng cấp mở rộng chợ ngang tầm trung tâm buôn bán khu vực.

- Đầu tư xây dựng hạ tầng kỹ thuật, đặc biệt là cấp và thoát nước sinh hoạt, bãi chôn lấp, xử lý chất thải rắn, quản lý tốt nghĩa địa theo hướng tiết kiệm đất đai, cải thiện mở rộng tuyến đường chính vào xã và tuyến kè, đường ven biển, sông nhằm bảo đảm an toàn, thuận lợi, văn minh.

- Tổ chức khai thác các mỏ đá làm vật liệu xây dựng như mỏ Khe Lau, Khe Chay, Khe Cuồi; mỏ sét Mũi Ôm; mỏ đất,… (theo định hướng điều chỉnh quy hoạch tỉnh đã phê duyệt).

2.4. Đánh giá về điểm mạnh, điểm yếu, cơ hội và thách thức:

a. Điểm mạnh:

Việc sáp nhập toàn bộ diện tích, dân số của 4 xã cũ Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp thành xã Phú Trạch tạo quy mô quản lý lớn hơn, nguồn lực được tập trung hơn, có thể thuận lợi hơn cho việc quy hoạch, đầu tư xây dựng hạ tầng, và triển khai các chương trình phát triển xã.

Phú Trạch đặt mục tiêu trở thành xã nông thôn mới và đã có những bước tiến đáng kể: sản xuất nông nghiệp áp dụng khoa học - kỹ thuật, công nghệ cao; khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp, làng nghề nông nghiệp nông thôn; các hợp tác xã, ngành nghề nông thôn bắt đầu có hiệu quả; dịch vụ thương mại, ngành nghề phụ trợ được mở rộng.

Xã Phú Trạch đang hướng tới phát triển sản phẩm đặc sản, dịch vụ hỗ trợ sản xuất nông nghiệp, thương mại điện tử, logistics nông thôn; khai thác các lợi thế văn hóa, lịch sử, sinh thái để thúc đẩy du lịch cộng đồng, sinh thái, trải nghiệm.

Chính quyền đã có những kế hoạch mục tiêu trong giai đoạn tới được xác định rõ: tăng thu ngân sách, tăng trưởng kinh tế, nâng cao thu nhập bình quân đầu người, giảm tỷ lệ hộ nghèo theo chuẩn đa chiều,…

b. Điểm yếu:

- Cơ sở hạ tầng còn yếu, chưa đồng bộ: Đường giao thông nông thôn, cầu cống, hệ thống thoát nước, cấp thoát nước sạch và hệ thống chiếu sáng có thể

chưa đạt chuẩn hoặc còn chỗ hổng sau sáp nhập. Hạ tầng phục vụ sản xuất (kênh mương, kho lạnh, cơ sở chế biến) hạn chế.

- Nguồn lực tài chính hạn chế: Ngân sách địa phương phụ thuộc lớn vào ngân sách cấp trên, vốn cho đầu tư cơ sở hạ tầng, chương trình phát triển còn thiếu. Khó huy động vốn từ tư nhân vì thị trường, rủi ro và quy mô doanh nghiệp nhỏ.

- Thị trường và giá trị gia tăng nông sản thấp: Chủ yếu sản xuất theo quy mô hộ, giá trị chế biến thấp, thiếu chuỗi liên kết, khó tiếp cận kênh tiêu thụ lớn.

- Thiếu nhãn hiệu, tiêu chuẩn chất lượng và tiếp thị cho đặc sản địa phương.

- Di cư lao động trẻ, già hóa dân số do thanh niên có khuynh hướng đi làm xa (thành phố, nước ngoài), dẫn tới thiếu lao động trẻ, giảm năng lực đổi mới sáng tạo tại địa phương.

- Năng lực quản lý, nguồn nhân lực hành chính chưa đồng đều: việc sáp nhập có thể gây chồng chéo bộ phận, cần thời gian để ổn định tổ chức, năng lực của một số cán bộ kỹ thuật, hành chính có thể cần nâng cao.

- Miền Trung thường chịu tác động lớn của bão, mưa lớn, lũ lụt, gây rủi ro cho hạ tầng, sản xuất nông nghiệp, tài sản dân cư.

- Các hoạt động công nghiệp, nuôi trồng thủy sản, xử lý rác thải chưa tốt, nên dễ gặp vấn đề ô nhiễm nguồn nước, đất.

- Di sản chiến tranh như bom mìn, chất độc hóa học có thể tồn lưu ở một số vùng.

- Cơ sở vật chất, nhân lực y tế cơ sở và một số trường học có thể còn thiếu, ảnh hưởng đến chất lượng đời sống và phát triển nguồn nhân lực.

- Người dân, doanh nghiệp nhỏ thiếu kỹ năng số, hạ tầng băng thông, vùng phủ internet còn lỗ hổng, ảnh hưởng đến thương mại điện tử, dịch vụ công.

- Muốn phát triển du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái, cần đầu tư tạo sản phẩm, dịch vụ, đào tạo nhân lực đón khách; hiện chưa có đủ "mồi" hấp dẫn để thu hút lớn.

c. Cơ hội và thách thức:

** Cơ hội:*

Phú Trạch thuộc nhóm xã sáp nhập, nằm trong diện ưu tiên đầu tư theo chương trình nông thôn mới nâng cao, kiểu mẫu, đồng thời hưởng lợi từ chính sách vùng có điều kiện kinh tế khó khăn.

Có thể tiếp cận các nguồn vốn hỗ trợ phát triển hạ tầng, sản xuất, chuyển

đổi số, giáo dục, y tế… từ trung ương và tỉnh Quảng Trị.

Xã Phú Trạch có diện tích sản xuất nông nghiệp tương đối lớn nên cơ hội áp dụng mô hình nông nghiệp tuần hoàn, công nghệ cao, sản phẩm OCOP.

Xã Phú Trạch có thể liên kết với doanh nghiệp để hình thành chuỗi giá trị: sản xuất - chế biến - tiêu thụ nông sản (lúa chất lượng cao, rau sạch, cây dược liệu...).

Phát triển du lịch cộng đồng và sinh thái: xã Phú Trạch có vị trí gần biển, sông gần các địa điểm du lịch của Quảng Trị như lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đền Liễu Hạnh Công Chúa, Hoành Sơn Quan, cảng Hòn La,… có thể khai thác du lịch, nông nghiệp - trải nghiệm - sinh thái - lịch sử cách mạng. Cơ hội kết hợp với chương trình du lịch tỉnh và các tour nhỏ, dịch vụ homestay, đặc sản địa phương.

Xã có quỹ đất rộng, nhân công địa phương dồi dào, có tiềm năng thu hút các doanh nghiệp đầu tư vào: Nhà máy sơ chế, chế biến nông sản; Cơ sở dịch vụ phục vụ nông nghiệp (máy móc, phân bón, logistics); Đào tạo nghề, cung cấp lao động xuất khẩu.

Phú Trạch có cơ hội nhận các chương trình đầu tư trường chuẩn, trạm y tế chuẩn quốc gia, đào tạo nghề nông thôn, phổ cập giáo dục kỹ năng sống, phòng bệnh…

** Thách thức:*

Phú Trạch nằm trong vùng thường xuyên chịu ảnh hưởng của bão, lũ, mưa lớn, hạn hán, xâm nhập mặn, làm thiệt hại sản xuất nông nghiệp và hạ tầng nông thôn.

Chi phí khắc phục hậu quả thiên tai làm chậm tiến trình xây dựng nông thôn và giảm thu nhập người dân.

Chất lượng nguồn nhân lực thấp do lao động chủ yếu là lao động phổ thông, thiếu kỹ năng sản xuất theo tiêu chuẩn cao, thiếu kiến thức chuyển đổi số, khởi nghiệp. Nhiều người trẻ rời quê đi làm ăn xa, dẫn tới già hóa dân số, thiếu lực lượng lao động trẻ tại địa phương.

Mặc dù có đất đai và lao động, xã vẫn gặp các rào cản như: Hạ tầng kỹ thuật yếu (đường, điện, nước, internet); thiếu dịch vụ hỗ trợ sản xuất; quy mô nhỏ, rủi ro cao dẫn tới chưa hấp dẫn với doanh nghiệp sản xuất, chế biến.

Dù có tiềm năng nông nghiệp, du lịch… nhưng Phú Trạch hiện chưa có sản phẩm chủ lực, thương hiệu chưa cao, chuỗi giá trị chưa rõ ràng, gây khó

trong xúc tiến thương mại và phát triển bền vững.

Ngân sách xã còn phụ thuộc cấp trên; khó bố trí vốn đối ứng các dự án phát triển.

Việc huy động xã hội hóa còn yếu, do thu nhập người dân chưa cao và niềm tin vào dự án dài hạn chưa đủ lớn.

3. Tính chất, vai trò, chức năng khu vực lập quy hoạch:

3.1. Tính chất khu vực lập quy hoạch:

Vành đai Đô thị - Công nghiệp - Dịch vụ - Ven biển phía Bắc: Phú Trạch là xã nông thôn ven biển đang trong tiến trình đô thị hóa mạnh mẽ, chuyển dịch cơ cấu từ nông - lâm - ngư nghiệp sang mô hình đô thị công nghiệp, logistics và du lịch dịch vụ.

Trung tâm công nghiệp phụ trợ & logistics trọng điểm: Là địa bàn hạt nhân bố trí các khu chức năng công nghiệp đa ngành, công nghiệp sạch, công nghiệp phụ trợ (KCN Hòn La II, KCN Cảng biển Hòn La) và hệ thống kho bãi logistics nội địa thuộc KKT Hòn La.

Vùng Du lịch Văn hóa - Tâm linh - Sinh thái Biển Đảo: Sở hữu nguồn tài nguyên du lịch độc đáo với hạt nhân là Vũng Chùa - Đảo Yến (nơi an nghỉ của Đại tướng Võ Nguyên Giáp), thắng cảnh núi Thọ Sơn và dải bờ biển kín gió, được tích hợp trong Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến.

Vùng bảo vệ an toàn sinh thái & cấp nước đầu mối: Địa bàn giữ vai trò lá chắn sinh thái ven biển với dải rừng phòng hộ rộng lớn và sở hữu Hồ Vực Tròn - công trình thủy lợi đầu mối cấp nước thô trọng điểm của khu vực.

3.2. Vai trò khu vực lập quy hoạch:

Động lực tăng trưởng công nghiệp & khép kín chuỗi logistics liên vùng:

Phú Trạch giữ vai trò "cầu nối" trung chuyển hàng hóa từ hành lang kinh tế Quốc lộ 12A / Cửa khẩu quốc tế Cha Lo ra Cảng biển nước sâu Hòn La.

Đóng vai trò là vành đai cộng sinh công nghiệp phụ trợ, cung cấp sản phẩm linh kiện, cơ khí và năng lượng hỗ trợ cho KKT Vũng Áng (Hà Tĩnh) và Trung tâm Điện lực Quảng Trạch.

Hạt nhân Cụm du lịch E (Phía Bắc tỉnh): Đảm nhận vai trò là trung tâm du lịch văn hóa - lịch sử - tâm linh và du lịch sinh thái nghỉ dưỡng biển đảo phía Bắc, thu hút hàng triệu lượt khách/năm và kết nối Phú Trạch vào Con đường di sản miền Trung.

Mắt xích quan trọng trong không gian Đô thị Ba Đồn mở rộng: Nằm trong kế hoạch mở rộng ranh giới Đô thị Ba Đồn đến năm 2050 (hướng tới đạt đô thị loại II), Phú Trạch giữ vai trò giãn dân, cung cấp không gian đô thị dịch vụ, nhà ở chuyên gia, công nhân và hạ tầng thương mại phụ trợ cho đô thị lõi Ba Đồn.

Đầu mối An ninh nguồn nước & Bảo vệ môi trường: Hồ Vực Tròn trên địa bàn xã đóng vai trò quyết định an ninh nguồn nước thô (150.000 m³/ngày-đêm) cho toàn bộ KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn mở rộng và vùng phụ cận; dải rừng phòng hộ giúp chắn gió, chắn cát và ngầm hóa nước ngầm ven biển.

3.3. Chức năng khu vực lập quy hoạch:

a. Chức năng phát triển công nghiệp & kho bãi logistics:

Công nghiệp: Quản lý và vận hành KCN Cảng biển Hòn La và triển khai mở rộng KCN Hòn La II dành cho công nghiệp sạch, lắp ráp điện tử, cơ khí chính xác và chế biến xuất khẩu.

Logistics & Bến bãi: Bố trí Khu dịch vụ logistics nội địa, hệ thống kho ngoại quan/kho tổng hợp, bãi đỗ xe trung chuyển, Bến xe Roòn và Bến xe Hòn La.

Năng lượng: Cung cấp đất công trình năng lượng (DNL) để phát triển hệ thống kho xăng dầu, kho LPG phục vụ KKT Hòn La.

b. Chức năng du lịch & bảo tồn di sản cảnh quan:

Quản lý Khu bảo vệ cảnh quan núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến

Tổ chức không gian đón tiếp và phục vụ du khách thăm viếng Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, du lịch tâm linh núi Thọ Sơn, du lịch nghỉ dưỡng biển Vũng Chùa và khám phá sinh thái Đảo Yến.

c. Chức năng thủy lợi & cấp nước thô:

Vận hành hồ Vực Tròn (dung tích 52,8triệu m³), nâng công suất cấp nước thô từ 48.000m³/ngày-đêm lên 150.000m³/ngày-đêm phục vụ sản xuất công nghiệp KKT Hòn La, sinh hoạt dân sinh và nông nghiệp.

d. Chức năng dân cư, đô thị & an sinh xã hội:

Phân bổ quỹ đất phi nông nghiệp (đất ở; đất thương mại dịch vụ; đất phát triển hạ tầng).

Xây dựng Khu đô thị dịch vụ nhà ở cho chuyên gia, kỹ sư và lao động KKT Hòn La.

Bảo đảm hạ tầng xã hội: Giáo dục (Trường THPT Quang Trung), y tế, văn hóa và thể dục thể thao.

e. Chức năng lâm nghiệp & an toàn sinh thái:

Quản lý nghiêm ngặt đất rừng phòng hộ (RPH) ven biển/đầu nguồn; chuyển đổi đất rừng sản xuất (RSX) sang mô hình trồng rừng gỗ lớn đạt chứng chỉ quản lý bền vững FSC.

IV. DỰ BÁO PHÁT TRIỂN KINH TẾ, DÂN SỐ, LAO ĐỘNG, NHU CẦU SỬ DỤNG ĐẤT:

1. Dự báo phát triển kinh tế:

Dự báo phát triển kinh tế của xã Phú Trạch tập trung chuyển dịch mô hình tăng trưởng theo hướng hiện đại, đa dạng và bền vững, kết hợp phát triển kinh tế biển, du lịch - dịch vụ và nông nghiệp công nghệ cao.

1.1. Tăng trưởng và chuyển dịch cơ cấu kinh tế:

- Duy trì tốc độ tăng trưởng cao: Dự báo tốc độ tăng trưởng kinh tế (GRDP) trung bình hàng năm đạt từ 10% - 12%, tạo bứt phá toàn diện để trở thành vùng động lực kinh tế trọng điểm phía Bắc của địa phương.

- Chuyển dịch cơ cấu mạnh mẽ:

+ Giảm dần tỷ trọng nông - lâm - ngư nghiệp truyền thống.

+ Tăng nhanh tỷ trọng Thương mại - Dịch vụ - Du lịch và Công nghiệp - xây dựng / hậu cần.

1.2. Phát triển các ngành kinh tế trọng điểm:

a. Du lịch - dịch vụ & thương mại:

Du lịch văn hóa - tâm linh - sinh thái: Dự báo lượng khách du lịch và doanh thu ngành dịch vụ sẽ gia tăng đáng kể. Tập trung khai thác các tuyến du lịch gắn với di tích danh thắng (Vũng Chùa - Đảo Yến, Hoành Sơn Quan, đền thờ Mẫu Liễu Hạnh, suối Tam Cấp...).

Thương mại ven biển: Phát triển hệ thống hạ tầng thương mại, siêu thị mini, chợ trung tâm xã và các khu dịch vụ du lịch nghỉ dưỡng ven biển.

b. Kinh tế biển & hậu cần công nghiệp:

Tận dụng vị trí vệ tinh: Đóng vai trò là đô thị/vùng phụ trợ quan trọng cho Khu kinh tế Hòn La và các dự án năng lượng trọng điểm xung quanh.

Kinh tế biển bền vững: Đẩy mạnh khai thác hải sản xa bờ gắn với chế biến thủy sản hiện đại, nâng cao giá trị gia tăng sản phẩm OCOP và phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá.

c. Nông nghiệp sinh thái & công nghệ cao:

Chuyển đổi mô hình sản xuất nông nghiệp từ diện rộng sang chất lượng cao và sinh thái: ứng dụng công nghệ vào trồng trọt, chăn nuôi gia súc/gia cầm trang trại khép kín.

Phát triển lâm nghiệp bền vững, nâng cao tỷ lệ che phủ rừng gắn với kinh tế rừng.

1.3. Đầu tư hạ tầng & thu hút nguồn lực:

Đô thị hóa & hạ tầng giao thông: Hoàn thiện kết nối các tuyến đường liên xã, đường ven biển và kết nối trực tiếp ra các trục giao thông huyết mạch (Quốc lộ 1, cao tốc).

Chuyển đổi số và cải cách hành chính: Đốc thúc mô hình chính quyền số, tạo môi trường thuận lợi để thu hút các doanh nghiệp vừa và nhỏ đầu tư vào thương mại, logistics và du lịch sinh thái.

2. Dự báo dân số, lao động:

2.1. Dự báo dân số:

- Xã Phú Trạch có quy mô dân số năm 2025 là 30.850 người.

- Dân số hiện trạng năm 2025 của khu vực lập quy hoạch khoảng 11.725người (Quảng Hợp và Quảng Kim củ).

Theo phương pháp toán học áp dụng công thức:

$P_n = P_0 (1 + \alpha)^t$ Trong đó:

Pn: Dân số dự báo năm n.

P0: Dân số hiện trạng năm dự báo.

α: Tỷ lệ tăng tự nhiên trung bình 5 năm gần nhất.

Bảng 1. Dự báo quy mô dân số đến năm 2030 và 2050.

Hạng mục	**Hiện trạng năm 2025**	**Dự báo**	
		Năm 2030	**Năm 2050**
Dân số tăng theo hàm số: $P_n = P_0 (1 + \alpha)^t$	11.725	12.159	14.063
- Tỷ lệ tăng trung bình ‰ năm (α)	7,3		
- Số năm dự báo	20		
- Tăng cơ học		2.000	4.000
Tổng dân số dự báo		**14.159**	**18.063**

Như vậy, dự báo đến năm 2030 quy mô dân số khu vực lập quy hoạch là 14.159người; đến năm 2050 là khoảng 18.063người.

2.2. Dự báo lao động:

Hiện nay, cơ cấu lao động toàn xã chủ yếu là lao động trong độ tuổi 15-60, chiếm khoảng 49-52% dân số. Với quy mô dân số dự báo, số lượng lao động dự kiến như sau:

Bảng 2. Bảng dự báo quy mô lao động đến năm 2030 và 2050.

TT	Thành phần - Lĩnh vực	Hiện trạng 2025	Năm 2030	Năm 2050
1	Dân số toàn khu vực lập QH	11.725	14.159	18.063
2	Lao động trong độ tuổi	5.745	7.363	9.935
3	Tỷ lệ % so với dân số	49%	52%	52%

Lực lượng lao động sẽ phân bố theo các khu vực:

+ Khu vực nông - ngư nghiệp: tiếp tục chiếm tỉ lệ lớn tại các vùng đồng bằng và ven biển (sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng - khai thác thủy sản);

+ Khu vực phi nông nghiệp: tăng dần theo xu hướng đô thị hóa - gồm lao động trong lĩnh vực thương mại - dịch vụ, du lịch, xây dựng, tiểu thủ công nghiệp;

+ Khu vực du lịch ven biển và dịch vụ mới: có xu hướng thu hút lao động trẻ, lao động kỹ thuật, chuyển dịch từ nội xã hoặc từ khu vực lân cận đến.

3. Dự báo nhu cầu sử dụng đất:

- Quá trình đô thị hóa và xây dựng nông thôn mới sẽ tiếp tục diễn ra, làm tăng diện tích đất ở, đặc biệt là ở khu vực trung tâm xã, dọc Quốc lộ 1,...

- Đầu tư xây dựng các công trình hạ tầng xã hội như trường học, bệnh viện, công viên, và các công trình công cộng khác để phục vụ cuộc sống ngày càng cao của người dân.

- Quy hoạch đất sản xuất, khai thác vật liệu xây dựng đảm bảo phát triển kinh tế và môi thường cho xã.

- Bổ sung phát triển thêm các định hướng không gian, quỹ đất và khu vực phát triển đô thị, phát triển khu vực du lịch, văn hóa… đáp ứng nhu cầu phát triển đa dạng và quy hoạch mềm tránh điều chỉnh cục bộ, quy hoạch treo…

- Bố trí quỹ đất ở mới phục vụ phát triển nhu cầu ở ngày càng cao, dự phòng tái định cư các dự án đã và đang triển khai trên địa bàn xã.

- Mở rộng và nâng cấp hệ thống giao thông, bao gồm đường bộ, đường sắt và đường thủy, để đáp ứng nhu cầu đi lại và vận chuyển hàng hóa.

- Đầu tư xây dựng hệ thống cấp nước sạch và hệ thống thoát nước, xử lý nước thải để bảo vệ môi trường và đảm bảo sức khỏe cộng đồng.

- Xây dựng các đường dây truyền tải điện và các công trình năng lượng khác để đảm bảo cung cấp điện ổn định và hiệu quả.

3.1. Quy định về chỉ tiêu sử dụng đất:

Giai đoạn đến năm 2030, đất xây dựng cho các điểm dân cư nông thôn phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng không được nhỏ hơn quy định trong Bảng 2.31 (TT01/2021/TT-BXD).

Bảng 2. Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu điểm dân cư nông thôn

Loại đất	**Chỉ tiêu sử dụng đất (m^2/người)**
Đất xây dựng công trình nhà ở	25
Đất xây dựng công trình công cộng, dịch vụ	5
Đất cho giao thông và hạ tầng kỹ thuật	5
Cây xanh công cộng	2
CHÚ THÍCH: Không bao gồm đất để bố trí các công trình hạ tầng thuộc cấp quốc gia, tỉnh, huyện.	

Giai đoạn sau 2030 đến 2050, xã Phú Trạch trực thuộc đô thị Ba Đồn mở rộng để trở thành đô thị loại II. Các chi tiêu cần hướng đến:

Bảng 3. Chỉ tiêu sử dụng đất tối thiểu đối với Đô thị loại II

Loại đất	**Chỉ tiêu sử dụng đất**
Đất dân dụng bình quân (m^2/người)	45 - 60
Mật độ dân số (người/ha)	220 - 165
Đất đơn vị ở bình quân (m^2/người)	15-28
Đất cây xanh sử dụng công cộng trong đơn vị ở (m^2/người)	2
Cây xanh công cộng (m^2/người)	6

3.2. Dự báo hạ tầng kỹ thuật:

a. Quy định về cao độ nền và thoát nước mặt:

** Cao độ nền:*

- Phải quy hoạch san đắp nền cho phần đất xây dựng công trình (nhà ở, nhà và công trình công cộng, nhà sản xuất, đường giao thông). Phần đất còn lại được giữ nguyên địa hình tự nhiên;

- Tận dụng địa hình tự nhiên, hạn chế khối lượng đất san lấp, đào đắp; bảo vệ cây lâu năm, lớp đất màu.

** Hệ thống thoát nước mặt:*

- Đối với sông suối chảy qua khu vực dân cư, cần cải tạo, gia cố bờ, chống sạt lở;

- Đối với khu dân cư nằm bên sườn đồi, núi phải bố trí các mương đón hướng dòng chảy trên đỉnh đồi, núi xuống, không để chảy tràn qua khu dân cư.

b. Quy định về giao thông:

- Phù hợp với nhu cầu giao thông vận tải trước mắt và lâu dài, kết nối liên hoàn với đường liên xã, đường tỉnh. Tận dụng tối đa hệ thống sông ngòi, kênh rạch tổ chức mạng lưới đường thủy phục vụ vận chuyển hàng hóa và hành khách;

- Phù hợp với địa hình, giảm khối lượng đào đắp và các công trình phải xây dựng trên tuyến;

- Kết cấu và bề rộng mặt đường phải phù hợp với điều kiện cụ thể của từng địa phương nhưng phải đáp ứng yêu cầu phục vụ cho cơ giới hóa nông nghiệp và phù hợp phương tiện vận chuyển;

- Hệ thống đường giao thông nông thôn phải đạt yêu cầu kỹ thuật do Bộ Giao thông Vận tải quy định.

c. Quy định về cấp nước:

- Chỉ tiêu cấp nước:

+ Nước cấp cho sinh hoạt: trường hợp cấp nước đến hộ gia đình đảm bảo tối thiểu 60 lít/người/ngày đêm; trường hợp cấp nước đến vị trí lấy nước công cộng đảm bảo tối thiểu 40lít/người/ngày đêm;

+ Nước cấp cho sản xuất tiểu thủ công nghiệp tại hộ gia đình ≥ 8% lượng nước cấp cho sinh hoạt;

+ Nước cấp cho khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn tập trung được xác định theo điểm 2.10 (TT01/2021/TT-BXD).

- Khu vực bảo vệ nguồn nước công cộng:

+ Đối với nguồn nước ngầm: trong khu đất có bán kính 20m tính từ giếng, không được xây dựng các công trình làm nhiễm bẩn nguồn nước;

+ Đối với nguồn nước mặt: trong khoảng 200m tính từ điểm lấy nước về phía thượng lưu và 100m về phía hạ lưu, không được xây dựng các công trình gây ô nhiễm nguồn nước.

d. Quy định về cấp điện và chiếu sáng công cộng:

- Yêu cầu chung:

+ Phải đảm bảo cung cấp điện cho tất cả các hộ gia đình và nhu cầu sản xuất;

+ Đối với các khu vực không có khả năng cấp điện từ lưới điện quốc gia quy hoạch các nguồn năng lượng khác thay thế như thủy điện nhỏ, năng lượng mặt trời, gió;

+ Hệ thống cấp điện đảm bảo an toàn sử dụng, phòng chống cháy nổ.

- Phụ tải điện:

+ Nhu cầu điện phục vụ sinh hoạt điểm dân cư nông thôn cần đảm bảo đạt tối thiểu là 150W/người;

+ Nhu cầu điện cho công trình công cộng phải đảm bảo >15% nhu cầu điện sinh hoạt;

+ Nhu cầu điện phục vụ sản xuất phải tính toán dựa trên các yêu cầu cụ thể của từng cơ sở sản xuất.

- Hệ thống cấp điện và chiếu sáng công cộng:

+ Trạm điện hạ thế phải đặt ở trung tâm của phụ tải điện, hoặc ở gần phụ tải điện lớn nhất, tại vị trí thuận tiện cho việc đặt đường dây, ít cắt đường giao thông, không gây trở ngại, nguy hiểm cho sản xuất, sinh hoạt;

+ Mạng lưới điện trung và hạ thế hạn chế vượt qua ao, hồ, đầm lầy, núi cao, đường giao thông chính, các khu vực sản xuất công nghiệp;

+ Chiếu sáng công cộng: tỷ lệ đường khu vực trung tâm xã được chiếu sáng ≥ 50%;

+ Khoảng cách an toàn từ hệ thống cấp điện tới công trình phải tuân thủ các quy định tại Quy định về kỹ thuật an toàn lưới điện hạ áp nông thôn;

+ Trạm điện hạ thế và lưới điện trung, cao áp phải đảm bảo hành lang và khoảng cách ly bảo vệ theo quy định tại QCVN QTĐ 8:2010/BCT và các quy định hiện hành của ngành điện.

e. Quy định về thoát nước thải:

+ Phải có hệ thống thu gom và XLNT sinh hoạt đảm bảo yêu cầu về môi trường. Nước thải từ các hộ gia đình trước khi xả vào hệ thống thoát nước chung phải được xử lý qua bể tự hoại. Không được xả nước thải ra các ao hồ, kênh, rạch tự nhiên trừ trường hợp áp dụng công nghệ làm sạch nước thải bằng phương pháp sinh học trong điều kiện tự nhiên;

+ Nước thải từ khu công nghiệp, cụm tiểu thủ công nghiệp và làng nghề nông thôn phải được thu gom ra hệ thống tiêu thoát riêng và xử lý đạt yêu cầu về môi trường trước khi xả ra nguồn tiếp nhận;

+ Tối thiểu phải thu gom đạt 80% lượng nước thải phát sinh để xử lý. Đối với khu vực miền núi, vùng cao, vùng sâu, vùng xa cho phép giảm chỉ tiêu thu gom nước thải sinh hoạt ≥60% lượng nước thải phát sinh.

f. Quy định về quản lý chất thải rắn:

+ CTR sinh hoạt và sản xuất phải được thu gom và xử lý tại các cơ sở xử lý tập trung;

+ Phải bố trí điểm tập kết, trạm trung chuyển phù hợp với điều kiện thu gom CTR của từng địa phương và đảm bảo bán kính phục vụ. Điểm tập kết, trạm trung chuyển CTR phải đảm bảo yêu cầu vệ sinh môi trường;

+ Phải xây dựng nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn, không xả phân trực tiếp xuống hồ, ao, hầm cá;

+ Chuồng trại chăn nuôi gia súc phải cách nhà ở và đường đi chung ít nhất 5m và có cây xanh che chắn. Phân, nước tiểu từ chuồng, trại chăn nuôi phải được thu gom và có giải pháp xử lý hợp vệ sinh;

+ Khoảng cách an toàn môi trường của điểm tập kết phải ≥20m. Khoảng cách an toàn môi trường của trạm trung chuyển chất thải rắn, cơ sở xử lý CTR phải đảm bảo các quy định tại điểm 2.12.4 (TT01/2021/TT-BXD).

g. Quy định về nghĩa trang:

+ Địa điểm quy hoạch nghĩa trang phải: phù hợp với khả năng khai thác quỹ đất; phù hợp với tổ chức phân bố dân cư và kết nối công trình hạ tầng kỹ thuật; đáp ứng nhu cầu táng trước mắt và lâu dài;

+ Quy mô diện tích các nghĩa trang tập trung phải đảm bảo chỉ tiêu tối thiểu 0,04ha/1000người;

+ Khoảng cách ATMT của nghĩa trang quy hoạch mới phải đảm bảo các quy định tại Bảng 2.25 (TT01/2021/TT-BXD).

V. XÁC ĐỊNH CẤU TRÚC, ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN KHÔNG GIAN TỔNG THỂ:

1. Xác định cấu trúc:

Không gian phát triển xã Phú Trạch được tổ chức trên cơ sở ổn định phân bố dân cư tại các Thôn, hoàn thiện không gian và hệ thống công trình trung tâm xã, phát triển các đầu mối công nghiệp, dịch vụ tại khu kinh tế Hòn La, đồng

thời bảo vệ các vùng rừng, lưu vực đầu nguồn và đất sản xuất nông nghiệp gắn với nơi cư trú. Trọng tâm của phương án là sắp xếp dân cư trong các khu vực có điều kiện xây dựng thuận lợi hơn, cải thiện khả năng tiếp cận dịch vụ thiết yếu và tạo quỹ đất cho tăng dân số, tách hộ. Việc mở rộng khu ở được giới hạn trong các khu đất đã bố trí trên phương án sử dụng đất, gắn với khả năng đầu tư hạ tầng và bảo đảm sinh kế của các hộ tiếp nhận.

Phạm vi trực tiếp lập quy hoạch có diện tích 15.022,97ha, thuộc địa giới xã rộng 19.668,97ha. Phần diện tích 4.646ha thuộc phạm vi quy hoạch Khu kinh tế Hòn La được quản lý theo đồ án có liên quan.

Các tuyến đường: Quốc lộ 1, Cao tốc Bắc Nam, Đường sắt tốc độ cao giữ vai trò trục giao thông đối ngoại quan trọng, kết nối toàn bộ xã với các khu vực khác theo hướng Bắc - Nam. Tuyến Tỉnh lộ 558B kết nối từ Quốc lộ 1 đến đường cao tốc, kết nối theo hướng Đông - Tây, từ trục này, tổ chức các tuyến liên thôn tạo thành mạng lưới giao thông đồng bộ, thông suốt để bảo đảm mỗi cụm dân cư có tuyến tiếp cận ổn định đến trung tâm dịch vụ, trường học và khu sản xuất.

Trung tâm xã được định hướng quy hoạch vị trí mới (thuộc Quảng Phú cũ) là nơi tập trung chức năng hành chính, giáo dục, y tế, văn hóa, thương mại và các dịch vụ phục vụ toàn xã. Khu vực phía Tây Quốc lộ 1 (Quảng Kim cũ, Quảng Hợp cũ), đảm nhiệm vai trò sản xuất nông, lâm sản và phát triển dân cư. Khu vực phía Đông Quốc lộ 1 (Quảng Đông cũ, Quảng Phú cũ) được phát triển thành trung tâm thương mại - dịch vụ và công nghiệp của cả khu vực, kết hợp ổn định dân cư, và yêu cầu quốc phòng, an ninh.

Rừng phòng hộ tạo thành không gian bảo tồn sinh thái và phòng hộ đầu nguồn của xã; rừng sản xuất cùng các thung lũng canh tác hình thành vùng sản xuất nông, lâm nghiệp gắn với các điểm dân cư. Sự phân bố này quyết định giới hạn phát triển xây dựng: khu ở và công trình dịch vụ phải lựa chọn vị trí tiếp giáp các cụm dân cư, tránh mở mới sâu vào rừng, tránh chia cắt vùng sản xuất và không làm gián đoạn dòng chảy tự nhiên. Tại các khu vực có nguy cơ lũ quét, sạt lở, núi cao hạn chế phát triển dân cư mới; từng bước sắp xếp các hộ đến vị trí có điều kiện an toàn và đáp ứng yêu cầu hạ tầng.

2. Định hướng phát triển không gian tổng thể:

Việc sáp nhập toàn bộ diện tích, dân số của 4 xã cũ Quảng Đông, Quảng Phú, Quảng Kim và Quảng Hợp thành xã Phú Trạch tạo ra một không gian phát triển lớn với nhiều tiềm năng và thế mạnh để phát triển kinh tế tổng hợp đa ngành, đa

lĩnh vực, bao gồm: Công nghiệp - cảng biển - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị và nông lâm ngư nghiệp.

Phú Trạch được xác định là một trong những trung tâm phát triển phía Bắc của trung tâm tỉnh lỵ, giữ vai trò trung tâm dịch vụ - thương mại, công nghiệp và logistic, gắn với khu công nghiệp cảng biển Hòn La và vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Định hướng phát triển Phú Trạch trở thành đô thị phía Bắc tỉnh, là đầu mối giao thông, thương mại, trung tâm văn hóa - xã hội của khu vực trung du, đảm bảo kết nối với trung tâm tỉnh lỵ và các vùng sản xuất nội địa. Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, nâng cao chất lượng sống cho người dân, thúc đẩy đô thị hóa theo hướng bền vững, đồng thời khai thác tiềm năng về dịch vụ, thương mại và công nghiệp hỗ trợ.

Các khu vực không gian phát triển của xã Phú Trạch được phân vùng tương đối rõ ràng, rành mạch: Khu vực phía Tây của xã ưu tiên phát triển nông, lâm sản và Mở rộng các điểm dân cư nông thôn, chỉnh trang khu vực hiện hữu kết hợp bảo vệ cảnh quan sinh thái. Khu vực ven biển, phía đông của xã ưu tiên phát triển Công nghiệp - cảng biển - thương mại - dịch vụ - du lịch - đô thị. Định hướng phát triển không gian được cụ thể như sau:

2.1. Vị trí, quy mô và phương hướng tổ chức dân cư nông thôn, khu vực đô thị hóa:

a. Quan điểm quy hoạch:

Chỉnh trang các khu dân cư hiện hữu bằng việc chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỷ thuật, khai thác lấp kín các khu đất chưa ở xen kẹt trong khu dân cư, kết nối đồng bộ với khu phát triển đất ở mới.

Việc chỉnh trang khu dân cư củ, mở rộng khu ở mới trên định hướng kín tuyến, chuỗi trong khu dân cư hiện có và phát triển dọc trên các tuyến đường chính (đường liên thôn, đường liên xã, Tỉnh lộ 558B và Quốc lộ 1). Bên cạnh đó phải có sự thống nhất, đề xuất của nhân dân địa phương, trong đó lấy khu vực trung tâm, nhà văn hóa thôn làm hạt nhân.

b. Quy hoạch các khu dân cư mới:

Hiện nay, toàn xã có 16 thôn sau quá trình sáp nhập, bố trí đất ở mới theo nguyên tắc:

+ Khai thác triệt để các khu đất xen kẹt trong khu dân cư hiện có.

+ Mở rộng phát triển khu đất ở hiện hữu theo hướng thuận lợi trong sản xuất, có quỹ đất khai thác được phép chuyển đổi, địa hình phù hợp, đảm bảo

việc quy hoạch phân lô đất ở, thuận lợi trong lưu thông và hiệu quả trong việc đầu tư hệ thống hạ tầng kỹ thuật, tạo được không gian kiến trúc khu ở tập trung văn minh hiện đại và khả năng phát triển đất ở dài hạn.

- Với những nguyên tắc trên, theo điều kiện hiện trạng toàn xã quy hoạch nhiều khu đất ở mới với tổng diện tích khoảng 151,71ha và diện tích đất ở hiện trạng chỉnh trang, cải tạo, mở rộng khoảng 486,32ha.

** Tính chất khu ở:*

+ Khu ở mới gắn với kinh tế vườn (trồng hoa, cây cảnh, rau sạch).

+ Các thôn xóm hiện có tiếp tục phát triển ổn định trên cơ sở hiện trạng, chỉnh trang công trình văn hóa (nhà văn hóa thôn, sân thể dục thể thao, công viên cây xanh); Cải tạo hệ thống giao thông; tăng cường điện chiếu sáng trên đường thôn xóm và khu vực công cộng.

c. Cải tạo các khu dân cư cũ:

- Việc chỉnh trang khu ở hiện có và bố trí phát triển các khu, điểm dân cư nông thôn mới trên cơ sở đảm bảo giảm dần các điểm dân cư nhỏ lẻ, phân tán, khép kín tạo khu ở tập trung đảm bảo lợi thế và hiệu quả trong đầu tư phát triển hệ thống hạ thầng kỷ thuật và xã hội. Xây dựng mở rộng các điểm dân cư nông thôn để vừa khai thác các tiềm năng sẵn có, vừa tạo động lực mới, làm điểm tựa phát triển kinh tế, trung tâm dịch vụ thương mại, giáo dục, y tế, văn hóa và các lĩnh vực xã hội cho khu vực nông thôn.

- Hướng phát triển dân cư nông thôn theo Chương trình phát triển nông thôn mới với mục tiêu chung: Xây dựng nông thôn mới có kết cấu hạ tầng kinh tế xã hội từng bước hiện đại với các hình thức tổ chức sản xuất hợp lý, gắn nông nghiệp với phát triển nhanh công nghiệp, dịch vụ; gắn phát triển nông thôn với đô thị theo quy hoạch; xã hội nông thôn dân chủ, ổn định, giầu bản sắc văn hóa dân tộc; môi trường sinh thái được bảo vệ; an ninh - trật tự được giữ vững; nâng cao đời sống vật chất và tinh thần.

- Xây dựng các trung tâm thôn xóm: nhà văn hóa thôn, trường mầm non, sân thể dục thể thao... nên được lựa chọn phải đảm bảo bố trí tập trung kết hợp với các không gian công cộng, nghỉ ngơi để tạo không gian trung tâm cho thôn xóm.

- Các tuyến dân cư phân bố dọc, ngang khu dân cư đấu nối thông với các tuyến đường giao thông liên xã, đường liên thôn, tỉnh, và quốc gia.

- Cần lưu ý các giải pháp quy hoạch để bảo tồn và phát huy các giá trị cảnh quan kiến trúc truyền thống cũng như các giá trị văn hóa truyền thống của các dân tộc trên địa bàn tỉnh. Bảo tồn các công trình di tích lịch sử có giá trị, các làng cổ, làng văn hóa truyền thống. cấu trúc làng xã bền vững. Mô hình xã nông thôn mới được xây dựng phù hợp với điều kiện địa hình khu vực, phù hợp tập quán văn hóa của bà con.

d. Định hướng tổ chức không gian kiến trúc khu dân cư nông thôn:

- Dân cư hiện hữu được hình thành và phát triển chủ yếu dọc theo các trục đường giao thông chính của địa phương phần lớn đã ổn định và tập trung vì vậy phát triển mạng lưới điểm dân cư trên quan điểm:

- Giữ gìn và tạo mới không gian mở, hướng nhìn, điểm nhìn xung quanh các nhà thờ, nhà hội quán, nhà văn hóa, sân thể thao công cộng (hạn chế sử dụng hàng rào cứng, dùng sân lát gạch thuận lợi cho sử dụng, phủ cây xanh bóng mát) phục vụ cho giao lưu cộng đồng. Tạo sự hấp dẫn cho các công trình tiếp giáp để trở thành trung tâm dịch vụ, sinh hoạt trong khu dân cư.

- Không gian quy hoạch: trên nền tảng không gian bản sắc truyền thống hiện hữu, lấy không gian công cộng sinh hoạt cộng đồng làm hạt nhân (sân lễ hội, thể dục thể thao, nhà trẻ, trường học, trạm y tế…), tổ chức các không gian thôn, làng, xóm xung quanh và gắn với không gian vùng sản xuất nông lâm nghiệp.

- Kiến trúc công trình: Khai thác kiến trúc mang giá trị truyền thống của địa phương.

- Từng bước nâng cao chất lượng các công trình hạ tầng kỹ thuật, chú trọng các tuyến đường liên xã, liên thôn nhằm tăng cường giao lưu văn hóa và trao đổi sản xuất kinh tế, nâng cao đời sống người dân.

- Đối với cảnh quan thôn, làng, khu dân cư: cải tạo chỉnh trang các thôn, làng trên cơ sở hiện có, tăng cường mật độ cây xanh tại các khu vực đất trống, các công trình xây mới theo kiến trúc truyền thống địa phương. Xây dựng nhà ở nông thôn nên sử dụng vật liệu địa phương, mật độ xây dựng thấp, nhà có nhiều cây xanh.

- Nhà ở nông thôn: Không gian nhà ở tổ chức phù hợp đặc điểm sản xuất của hộ gia đình: kinh tế vườn, chăn nuôi, nuôi thủy sản, làm dịch vụ... trong phạm vi đất được giao. Khuyến khích nhà ở theo mô hình trang trại: Đây là mô hình phù hợp với sản xuất nông nghiệp ở quy mô hộ gia đình, trong đó nhà ở

gắn với các hoạt động sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản... sẽ tạo ra sự phát triển song song đồng bộ của các khu dân cư gắn với khu vực nông nghiệp, nhờ vậy duy trì được quỹ đất sản xuất nông nghiệp cho địa phương.

- Thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính. Giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính để đảm bảo thuận lợi giao thông và quản lý của các cụm dân cư.

- Các công trình công cộng trong thôn xóm như nhà văn hóa, trường học, Đình làng, Văn phòng HTX như hiện trạng có chỉnh trang nâng cấp cho phù hợp.

- Bảo vệ các công trình, cảnh quan có giá trị như cây xanh, bến nước...

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẻ, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Thôn xóm bố trí dọc theo đường giao thông chính. Giao thông ngõ xóm bố trí vuông góc với đường chính để đảm bảo thuận lợi giao thông và quản lý của các cụm dân cư.

- Các thôn xóm hiện có tiếp tục phát triển ổn định trên cơ sở hiện trạng, chỉnh trang công trình văn hóa (nhà văn hóa thôn, sân thể dục thể thao, công viên cây xanh); Cải tạo hệ thống giao thông; tăng cường điện chiếu sáng trên đường thôn xóm và khu vực công cộng;

e. Các chỉ tiêu quy hoạch, và định hướng kiến trúc cho từng loại hình:

** Yêu cầu, nguyên tắc định hướng tổ chức không gian:*

- Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng các khu đất xen kẻ, đất canh tác có năng suất thấp, đất trống chưa sử dụng.

- Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm.

- Đối với đất xây dựng các cơ sở kinh tế: Phải phù hợp với từng loại hình sản xuất.

** Tính chất:*

+ Khu ở mới gắn với kinh tế vườn (trồng hoa, cây cảnh, rau sạch).

+ Các thôn xóm hiện có tiếp tục phát triển ổn định trên cơ sở hiện trạng, chỉnh trang công trình văn hóa (nhà văn hóa thôn, sân thể dục thể thao, công

viên cây xanh); Cải tạo hệ thống giao thông; tăng cường điện chiếu sáng trên đường thôn xóm và khu vực công cộng;

** Tổ chức không gian thôn xóm và nhà ở:*

- Các công trình nhà ở hiện nay trong địa bàn xã cần giữ được nhiều nét văn hoá truyền thống, từ bố cục mặt bằng đến kết cấu mái gỗ lợp ngói. Tuy nhiên các không gian chức năng sẽ phát triển theo xu hướng giữ gìn bản sắc văn hóa và tiếp cận dần với cuộc sống đô thị theo nguyên tắc:

+ Khu vực cải tạo nhà ở cần tôn trọng nét đặc trưng nhà ở truyền thống nhưng phải tạo dựng được không gian sống hiện đại, môi trường trong sạch theo các tiêu chí nông thôn mới.

+ Khu xây dựng mới cần khuyến khích xây dựng nhà ở từ 2÷3 tầng, có mái dốc, màu sắc hài hoà với cảnh quan nông thôn. Mật độ xây dựng tối đa 60%.

- Các giải pháp đối với phát triển và cải tạo không gian khu dân cư:

+ Mật độ xây dựng trong lô đất tối đa 60%.

+ Khai thác các quỹ đất trống để làm các điểm nghỉ, điểm tránh và quay xe.

+ Tăng cường trồng cây xanh dọc đường. Khuyến khích trồng cây leo trên các tường rào.

- Chỉ tiêu đất ở cho từng hộ: 200÷500m^2/hộ.

** Đề xuất giải pháp, định hướng kiến trúc cho các loại nhà ở:*

e.1. Nhà ở hộ dịch vụ:

- Nhà ở cải tạo:

+ Khuyến khích nâng tầng tạo bộ mặt nông thôn mới (từ 2÷3 tầng).

+ Tổ chức lại mặt bằng phù hợp với loại hình kinh doanh cho nhà ở cải tạo.

+ Xây dựng vệ sinh tự hoại phù hợp với điều kiện sinh hoạt và sản xuất dịch vụ.

* Đối với nhà ở xây mới: Các phương án gợi ý:

+ Xây dựng nhà 2÷3 tầng, tầng 1 bán hàng, sân vườn, tầng 2 để ở.

+ Xây dựng gian bán hàng bên cạnh nhà ở, giữ cấu trúc khu ở theo kiểu truyền thống.

- Giải pháp kiến trúc:

+ Mật độ xây dựng 50÷60%.

+ Tầng cao: 2÷3 tầng; mái dốc.

+ Sử dụng hàng rào cây xanh.

+ Diện tích: 120÷200m^2

+ Loại 1: có cấu trúc như nhà ở thuần nông, xây dựng 1÷2 tầng, nhà dịch vụ xây bên cạnh nhà chính.

+ Loại 2: xây dựng nhà 2÷3 tầng áp dụng cho những khu đất hẹp. Tầng 1 kinh doanh dịch vụ, tầng 2, 3 để ở.

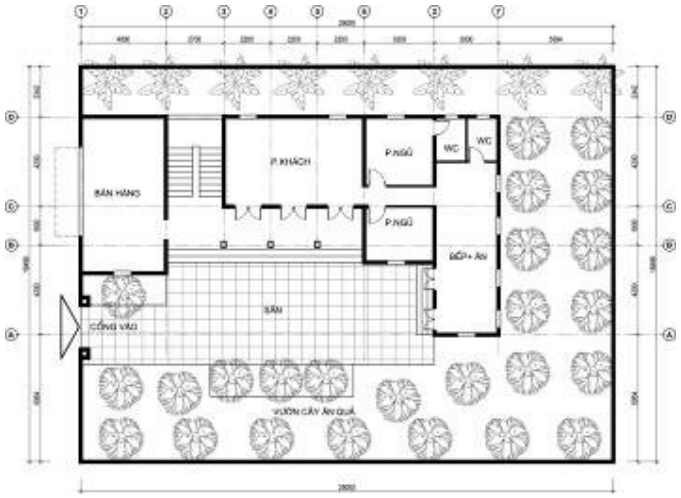

Minh họa giải pháp tổ chức lô đất ở và hình thức kiến trúc

e.2. Nhà ở thuần nông:

* Nhà ở cải tạo:

+ Tổ chức mặt bằng khuôn viên hợp lý khi xây dựng thêm các công trình chức năng khác.

+ Cải tạo các công trình phụ gắn kết với công trình chính để nâng cao điều kiện sinh hoạt hợp vệ sinh (có thể sử dụng hành lang, nhà cầu để liên kết các công trình chức năng trong lô đất).

+ Cải tạo cổng và tường rào, tạo dựng bộ mặt nông thôn mới (khuyến khích sử dụng cây xanh, cây leo trong cải tạo tường rào).

* Nhà ở xây mới:

+ Diện tích: 250m^2.

+ Nhà chính có từ 3÷5 gian, cao 1÷3 tầng hoặc 1 tầng có một phần 2 tầng.

+ Chức năng của nhà chính: giữ nét truyền thống như thờ cúng, tiếp khách, sinh hoạt chung, ngủ.

+ Công trình phụ gồm: bếp, phòng ăn, vệ sinh.

+ Nhà phụ gồm: kho nông sản, nông cụ, sản xuất nghề phụ.

+ Công trình chăn nuôi tách khỏi khu vực nhà chính và khu công trình phụ, xây dựng theo quy trình loại hình chăn nuôi theo hướng dẫn của Bộ nông nghiệp và phát triển nông thôn.

+ Sân bố trí trước nhà chính (phía trước nhà có thể có có vườn, ao cá, hàng rào cây xanh).

+ Xung quanh nhà có hàng rào thoáng.

+ Xây dựng nhà chính vuông góc nhà phụ, khép kín, liên hệ bằng hành lang.

+ Khu chuồng trại bố trí phía sau nhà chính, có xây dựng bể Bioga.

+ Ao nuôi phía trước nhà chính. Trước ao là vườn cây cảnh hoặc cây ăn quả. Sau nhà chính là vườn cây.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước gắn với xây dựng công trình.

* Giải pháp kiến trúc:

+ Nhà chính 3÷5 gian theo kiểu truyền thống. Từ 1÷2 tầng.

+ Hệ thống vệ sinh tự hoại khép kín.

+ Xây dựng nhà bếp, vệ sinh liên hoàn khép kín với nhà chính.

+ Xây dựng hệ thống tường rào rỗng bằng cây xanh hoặc kết hợp cây xanh với hàng rào sắt, hàng rào nửa rỗng.

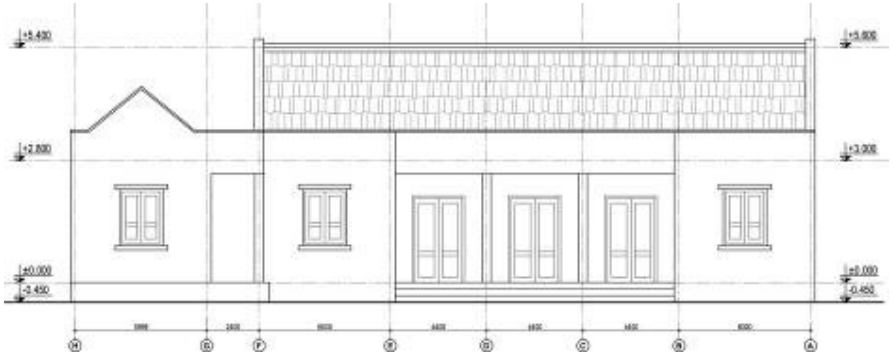

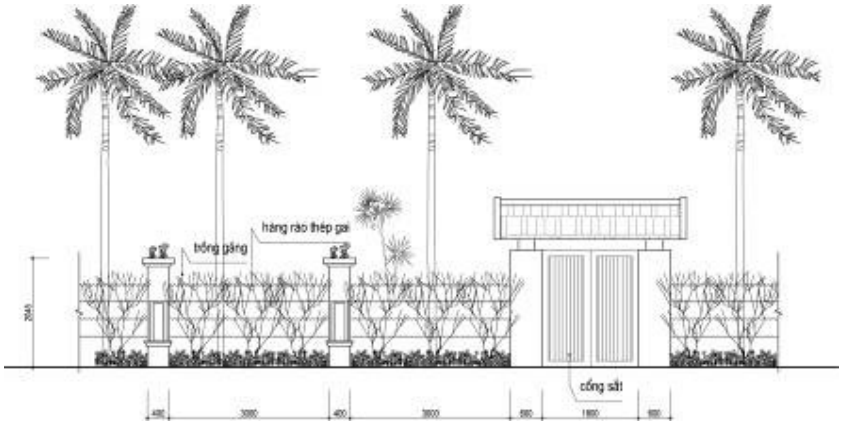

Minh hoạ giải pháp tổ chức lô đất ở và hình thức kiến trúc

e.3. Nhà ở kết hợp sản xuất kinh doanh, dịch vụ:

* Nhà cải tạo:

+ Gìn giữ mô hình chính của nhà ở.

+ Tạo sự ngăn cách giữa sản xuất kinh doanh, dịch vụ và sinh hoạt. Gìn giữ và bảo vệ cảnh quan môi trường.

+ Quy hoạch và cải tạo lại hệ thống vườn tược.

+ Sắp xếp các công trình sinh hoạt tạo thành khu khép kín.

+ Cải tạo ao nuôi nhằm tăng thu nhập hộ, vệ sinh chuồng trại, xây bể Bioga đối với hộ chăn nuôi lớn.

+ Cải tạo lại hệ thống hàng rào.

+ Xây dựng hệ thống thoát nước gắn với xây dựng công trình.

- Đối với nhà ở xây mới:

* Nhà ở mới:

+ Tổ chức mặt bằng đảm bảo quy mô sản xuất vừa, hợp lý, không ô nhiễm môi trường, có điều kiện vận chuyển thuận lợi,.

+ Cần tổ chức lại mặt bằng sản xuất khi có nhu cầu cải tạo.

+ Những nhà có sản xuất lớn, số hộ sản xuất đông cần tổ chức một khu sản xuất TTCN tập trung.

* Giải pháp kiến trúc:

+ Xây nhà ở từ 2÷3 tầng để tiết kiệm đất ưu tiên phục vụ cho không gian sản xuất.

+ Công trình nhà xưởng xây dựng 1 tầng phù hợp với dây truyền sản xuất và vệ sinh môi trường.

+ Xây dựng tường rào thoáng.

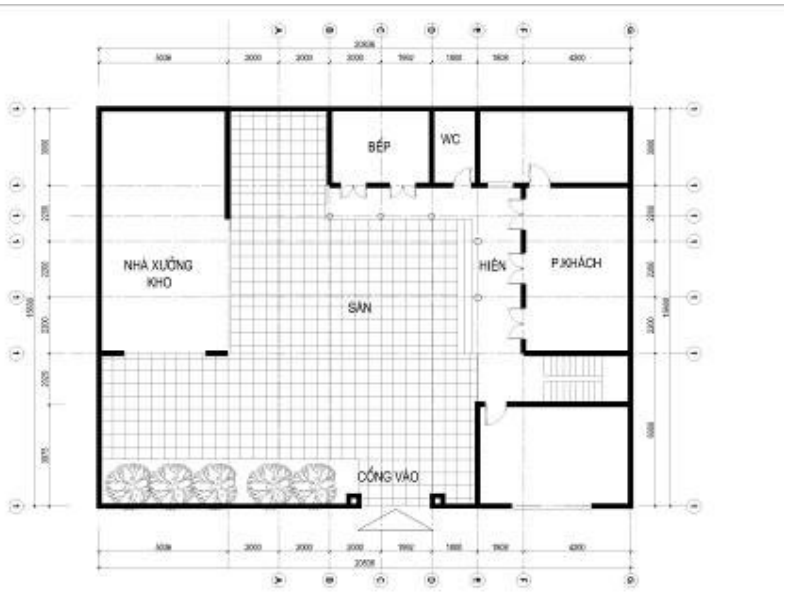



Minh hoạ giải pháp tổ chức lô đất ở và hình thức kiến trúc.

2.2. Định hướng tổ chức hệ thống công trình công cộng, dịch vụ:

Trên cơ sở hệ thống các công trình công cộng hiện có đã được quy hoạch xây dựng theo chương trình xây dựng nông thôn mới và sau quá trình sáp nhập thôn. Tiếp tục đầu tư xây dựng hoàn chỉnh hệ thống cơ sở vật chất đảm bảo đạt tiêu chẩn tương ứng của từng ngành và tiêu chí về Nông thôn mới. Như hệ thống các cơ sở giáo dục, y tế, chợ trung tâm xã, bưu điện xã,... đã được xác định và ổn định về vị trí, quy mô diện tích. Trong đó, một số cơ sở đã được đầu tư xây dựng đạt tiêu chuẩn quy định, cần xây dụng chỉnh trang hệ thống khuôn viên, một số công trình phụ trợ, đảm bảo tạo nên không gian kiến trúc xanh sạch đẹp, đáp ứng đầy đủ chức năng theo quy định. Tiếp tục rà soát và đầu tư xây dựng hoàn chỉnh các cơ sở chưa đáp ứng còn lại theo tiêu chí về nông thôn mới.

** Định hướng tổ chức các khu kinh tế dịch vụ hỗn hợp:*

- Trước tình hình phát triển kinh tế - xã hội như hiện nay, đời sống tinh thần và vật chất của người dân ngày càng cao. Các mặt hàng về gia dụng, dân dụng, dịch vụ khác… ở địa phương còn thiếu thốn nhiều, kinh doanh nhỏ lẻ, không đủ đáp ứng. Người dân phải đến các nguồn cung cấp từ các khu đô thị và vùng lân cận để mua bán. Mặt khác, xác định các dịch vụ tại nông thôn là một lỉnh vực cần được chú trọng phát triển nhằm nằng cao thu nhập cho người dân. Vì vậy trong một thời gian gần đây nhu cầu xây dựng các khu dịch vụ hỗn hợp để đáp ứng nhu cầu tại chổ cho người dân địa phương là rất cần thiết.

Tại các khu vực được chọn, quy hoạch khu đất với các dịch vụ tổng hợp gồm: Khu dịch vụ thương mại tập trung, khu dịch vụ làm nghề, hỗ trợ phát triển sản xuất nông nghiệp theo chủ trương xây dựng phát triển sản phẩm đặc trưng của địa phương, các cơ sở gia công, chế biến buôn bán hàng hóa gia dụng, dân dụng phục vụ sản xuất, dân sinh, dịch vụ vui chơi giải trí...các dịch vụ công cộng hổ trợ khác, một số đất ở kết hợp kinh doanh, đất công viên cây xanh, và hạ tầng

kỷ thuật. Đây là một định hướng quan trọng và một trong những điểm chính về quy hoạch phát triển không gian tổng thể và kinh tế của toàn xã.

- Tổ chức bố trí tại đường ven sông, các quỹ đất ven sông chưa sử dụng các khu thương mại - dịch vụ; các khu này chủ yếu bố trí tại những vị trí ven sông, ven kênh lạch, bên hồ, giữa các khu trung tâm dân cư, bên các trục đường chính liên xã, liên thôn. Trong tương lai, các khu vực này sẽ được tổ chức lập quy hoạch chi tiết cụ thể và tùy theo tình hình về nhu cầu sử dụng đất theo từng giai đoạn với khả năng kêu gọi đầu tư của địa phương. Đây là những vị trị hết sức thuận lợi về giao thương, là nơi giao cắt nhiều tuyến đường chính của xã nối giữa các thôn, là trung tâm các khu dân cư, lại là các khu đất nông nghiệp năng suất thấp được phép chuyển đổi, là không gian hội tụ nhiều điều kiện thuận lợi để phát triển khu vực kinh tế dịch vụ tập trung.

** Xác định vị trí, quy mô, định hướng kiến trúc cho các công trình công cộng, dịch vụ:*

- Hoàn thiện hệ thống trung tâm hiện hữu gồm: Nhà sinh hoạt văn hóa thôn, xây mới tổ hợp công trình văn hóa thể thao, các vị trí nhà văn hoá cũ, dôi dư sao quá trình sáp nhập sẽ được tận dụng làm điểm sinh hoạt công đồng, điểm tránh lũ,... Chỉnh trang cụm công trình sinh hoạt văn hóa thôn xóm, có thể kết hợp cùng sân đình tại mỗi thôn.

- Chỉnh trang cải tạo cảnh quan di tích hiện có, bảo vệ cụm công trình di tích như bến nước, cổng làng... Nhằm giữ lại những giá trị cảnh quan hiện hữu cũng như những hoạt động văn hóa hàng năm.

- Định hình các không gian sinh hoạt văn hóa chung, chỉnh trang cải tạo cảnh quan công trình công cộng hiện hữu. Các công trình xây mới cần tổ chức thiết kế phù hợp với hình ảnh kiến trúc vùng Miền trung.

- Hệ thống công trình công cộng cấp xã phát triển dựa trên hệ thống công trình hiện tại, bổ sung các công trình chức năng còn thiếu, mở rộng quy mô diện tích một số công trình để đạt các yêu cầu về xây dựng nông thôn mới. Cải tạo và nâng cấp các công trình kiến trúc phù hợp với điều kiện xây dựng và góp phần tạo dựng bộ mặt nông thôn mới.

2.3. Khu chức năng cấp quốc gia, cấp tỉnh theo quy hoạch vùng, quy hoạch tỉnh và quy hoạch ngành:

Việc tổ chức không gian phát triển của xã Phú Trạch tuân thủ điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050 cùng

các đồ án quy hoạch cấp dưới đã được phê duyệt trước đây, đảm bảo phù hợp với định hướng phát triển vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung.

Trên địa bàn xã có các yếu tố kết nối và chịu tác động trực tiếp từ các khu chức năng cấp trên, cụ thể:

- Quy hoạch tỉnh định hướng phát triển không gian Khu kinh tế cảng biển Hòn La: trung tâm phát triển phía Bắc của trung tâm tỉnh lỵ, giữ vai trò trung tâm dịch vụ - thương mại, công nghiệp và logistic, gắn với khu công nghiệp cảng biển Hòn La và vùng sản xuất nông nghiệp công nghệ cao. Định hướng phát triển Phú Trạch trở thành đô thị phía Bắc tỉnh, là đầu mối giao thông, thương mại, trung tâm văn hóa - xã hội của khu vực trung du, đảm bảo kết nối với trung tâm tỉnh lỵ và các vùng sản xuất nội địa. Tập trung phát triển hệ thống hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội hiện đại, nâng cao chất lượng sống cho người dân, thúc đẩy đô thị hóa theo hướng bền vững, đồng thời khai thác tiềm năng về dịch vụ, thương mại và công nghiệp hỗ trợ..

- Mô hình xã ven biển - cửa sông - nông thôn biển hiện đại

Đối với các xã ven biển và cửa sông, định hướng phát triển theo mô hình nông thôn biển hiện đại, thích ứng với biến đổi khí hậu và nước biển dâng.

Các nội dung phát triển chủ yếu gồm:

+Tái cơ cấu kinh tế biển theo hướng bền vững, giảm khai thác ven bờ, tăng nuôi trồng thủy sản công nghệ cao;

+ Phát triển dịch vụ hậu cần nghề cá, chế biến thủy sản;

+ Gắn kinh tế biển với du lịch cộng đồng, du lịch sinh thái biển;

+ Tổ chức lại không gian dân cư ven biển theo hướng an toàn, chủ động phòng tránh thiên tai. Mô hình này vừa đóng vai trò là động lực tăng trưởng kinh tế biển, vừa giữ vị trí quan trọng về quốc phòng - an ninh ven biển. Gồm các xã: Nam Gianh, Tân Gianh, Trung Thuần, Quảng Trạch, Hòa Trạch, Phú Trạch, Cửa Tùng, Cửa Việt, Nam Cửa Việt, Bến Hải, Mỹ Thủy, Hải Lăng, Nam Hải Lăng, Vĩnh Định,…

- Đường tỉnh khu vực phía Bắc tỉnh Quảng Trị:

+ Đường tỉnh ĐT.558B điểm đầu thuộc Quốc lộ 1 (xã Phú Trạch cũ), điểm cuối là nút giao cao tốc (xã Quảng hợp cũ), với quy mô tối thiểu loại IV-V, 2 làn xe.

- Phương hướng quy hoạch phát triển chợ trên địa bàn tỉnh Quảng Trị giai đoạn 2026-2030: Xã Phú Trạch gồm 4 chợ có vị trí tại tại 4 xã cũ trước sát nhập.

2.4. Khu vực an ninh quốc phòng:

Giữ nguyên hiện trạng các công trình, khu vực an ninh - quốc phòng hiện có; nghiêm cấm xây dựng các công trình dân dụng, sản xuất trong phạm vi bảo vệ theo quy định.

Bảo đảm kết hợp chặt chẽ giữa phát triển kinh tế - xã hội với củng cố quốc phòng, an ninh vùng biên giới - ven sông, bảo vệ địa bàn trọng yếu, nhất là các tuyến giao thông huyết mạch.

Quy hoạch xây dựng phải đảm bảo hành lang an toàn giao thông, quốc phòng và công trình hạ tầng kỹ thuật chiến lược, đồng thời tạo điều kiện thuận lợi cho công tác ứng phó thiên tai, cứu hộ cứu nạn.

2.5. Khu vực phát triển nông nghiệp, lâm nghiệp, di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh và cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác:

Khu vực nông nghiệp:

a. Định hướng tổ chức khu vực sản xuất, phục vụ sản xuất nông nghiệp:

Với điều kiện, tiềm năng về đất đai, khí hậu và thổ nhưỡng của vùng quy hoạch thì ngành nông nghiệp vẫn là ngành trọng điểm, tiếp tục là trụ cột cho phát triển KTXH của địa phương trong những năm tới. Sản xuất và chế biến các sản phẩm nông, lâm nghiệp, thực phẩm là hướng phát triển lâu dài và bền vững, do vậy quan điểm phát triển nông lâm thủy sản của đại phương trong thời gian tới là:

- Phát triển nông nghiệp theo hướng sản xuất hàng hoá, tạo sản phẩm có thương hiệu, sức cạnh tranh trên thị trường; đẩy mạnh thâm canh, tránh thoái hóa đất, phù hợp với cơ chế thị trường, tăng giá trị trên một đơn vị canh tác; xây dựng các vùng chuyên canh lương thực, thực phẩm, cây công nghiệp, dược liệu, cây ăn quả, khu vực chăn nuôi, nuôi thuỷ sản gắn với xây dựng nông thôn mới bền vững.

- Tăng cường ứng dụng khoa học, công nghệ, công nghệ cao thực hiện công nghiệp hoá, hiện đại hoá nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, tăng giá trị thu nhập và hiệu quả trên một ha đất nông nghiệp tạo bước chuyển biến rõ rệt về chất trong sản xuất nông, lâm, thủy sản; tăng cường các biện pháp phòng chống dịch bệnh cho đàn gia súc, gia cầm tạo điều kiện cho chăn nuôi phát triển.

b. Về trồng trọt:

Với định hướng, tiềm năng tương lai trồng trọt tập trung chủ yếu là lúa nước chất lượng cao.

- Với khu vực trồng lúa nước được phép chuyển đổi, trong tương lai có thể chuyển đổi cơ cấu cây trồng khác đảm bảo phù hợp hơn về thổ nhưỡng, điều kiện tiểu khí hậu, hệ thống HTKT phục vụ sản xuất và đặc biệt có hiệu quả kinh tế cao hơn, dưới dạng hình thành các trang trại tập trung áp dụng công nghệ cao vào sản xuất.

- Cây trồng hàng năm khác: ngô, khoai, sắn, lạc... được trồng tập trung trên các khu vực có điều kiện địa chất thổ nhưỡng phù hợp với cây trồng theo từng loại, từng mùa, như khu ven sông hói, chân đồi. Ngoài ra có cây rau màu các loại, cây ăn quả.... trồng trong các khu đất nằm xen kẻ trong các khu dân cư tập trung. Được tổ chức trồng xen canh, chuyên canh tuỳ theo điều kiện địa hình, chất đất từng khu vực.

- Đầu ra các sản phẩm lương thực chủ yếu là do chính bà con nông dân tự tiêu thụ hoặc thương lái về tận từng hộ gia đình để thu gom.

- Vì vậy, ngay từ bây giờ Đảng bộ và nhân dân coi trọng phát triển nông nghiệp toàn diện, tập trung đầu tư xây dựng cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp, kiên cố hóa kênh mương, các tiến bộ khoa học kỹ thuật được chuyển giao và áp dụng rộng rãi trong sản xuất thâm canh. Định hướng tương lai, cây lúa vẫn là thế mạnh của nông nghiệp. Các loại cây trồng hàng năm khác: Như cây rau màu các loại, cây ăn quả.... với các khu đất nằm xen lẽ trong các khu dân cư tập trung, đất hoang hóa. Được tổ chức trồng xen canh, chuyên canh tuỳ theo điều kiện địa hình, chất đất từng khu vực.

c. Về chăn nuôi:

- Quy hoạch điểm chăn nuôi tập trung tại vị trí vùng phía Tây đường Cao tốc Bắc- Nam, khu vực giáp ranh với xã Tuyên Bình. Hạn chế chăn nuôi chủ yếu trang trại nhỏ lẻ, kết hợp tận dụng nguồn thức ăn sẵn có theo kiểu kinh tế hộ gia đình truyền thống.

Chăn nuôi chủ yếu của toàn xã là phát triển gia súc, gia cầm về số lượng và chất lượng. Có các trang trại chăn nuôi theo hướng công nghiệp, tốc độ tăng trưởng vượt mục tiêu Nghị quyết đề ra của mỗi năm. Trong tương lai, định hướng phát triển các loại gia súc và gia cầm nói trên phù hợp với điều kiện sản xuất tại địa phương. Đầu ra các sản phẩm lương thực chủ yếu cũng là do chính bà con nông dân tự tiêu thụ hoặc thương lái về tận từng hộ gia đình để thu gom.

Quy hoạch vùng trồng cây công nghiệp ngắn ngày, cây ăn quả, chăn nuôi tập trung, vùng nuôi trồng thủy sản theo hướng bền vững.

Khu vực lâm nghiệp:

Bảo vệ, khoanh nuôi và phát triển bền vững diện tích rừng hiện có; tăng tỷ lệ che phủ rừng, hạn chế xói mòn đất và thoái hóa môi trường.

Khuyến khích phát triển rừng sản xuất kết hợp trồng cây xanh cảnh quan, phục vụ du lịch sinh thái.

Khu vực di tích lịch sử - văn hóa, danh lam thắng cảnh:

Bảo tồn, tôn tạo các di tích đã được xếp hạng như Khu Vũng Chùa Đảo Yến, khu lăng mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, đền Công chúa Liễu Hạnh, đền Hoành Sơn Quan..., gắn với phát triển du lịch văn hóa - tâm linh.

Hình thành tuyến du lịch kết nối các điểm di tích với cảnh quan ven sông, ven biển, phát huy giá trị văn hóa truyền thống địa phương.

Cơ sở kinh tế - kỹ thuật khác:

Bố trí hợp lý vị trí các công trình hạ tầng kỹ thuật (điện, nước, viễn thông, giao thông, xử lý nước thải, chất thải rắn) đảm bảo hiệu quả sử dụng đất, an toàn môi trường và phòng chống thiên tai.

Dành quỹ đất xây dựng công viên, cây xanh, hồ điều hòa, khu thoát lũ, góp phần cải thiện vi khí hậu và nâng cao chất lượng môi trường sống.

2.6. Tổ chức phân bổ hệ thống trung tâm xã:

Trung tâm hành chính - chính trị xã Phú Trạch dự kiến được bố trí mới tại xã Quảng Phú cũ với diện tích khoảng 16,5ha. Đây là vị trí thuận lợi về giao thông, có mối liên hệ trực tiếp với các khu dân cư hiện hữu và khu vực phát triển mới.

Cấu trúc không gian trung tâm xã gồm các khu chức năng chính:

Khu hành chính - chính trị: Trụ sở UBND xã, HĐND, Đảng ủy, Mặt trận Tổ quốc, Công an, Ban Chỉ huy quân sự,…

Khu văn hóa: Sân thể thao, nhà thi đấu đa năng,…

Khu dân cư - thương mại dịch vụ: Khu dân cư quy hoạch mới, kinh doanh hỗn hợp.

Ngoài trung tâm xã, tận dụng trụ sở các xã cũ để bố trí các trung tâm phụ trợ cấp thôn nhằm đáp ứng nhu cầu sinh hoạt cộng đồng, văn hóa - thể thao cho người dân không bị xáo trộn sau khi sáp nhập xã, phường; đảm bảo bán kính phục vụ hợp lý.

Quy hoạch không gian trung tâm xã theo hướng đa chức năng, thân thiện môi trường, kiến trúc hài hòa, gắn với cảnh quan đặc trưng của địa phương, tạo điểm nhấn nhận diện đặc trưng cho không gian nông thôn mới kiểu mẫu của xã Phú Trạch.

Bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất

STT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
1		**Đất nông nghiệp**	**14.312,92**	**72,77**
1.1	NN	Đất sản xuất nông nghiệp	1.150,68	5,85
1.2	LAM	Đất lâm nghiệp	12.700,69	64,57
1.3	NTS	Đất nuôi trồng thuỷ sản	64,41	0,33
1.4	NNK	Đất nông nghiệp khác	72,51	0,37
2		**Đất xây dựng**	**4.894,70**	**24,89**
2.1	OC	Đất ở hiện trạng *(gồm: đất ở hiện trạng; đất trồng cây lâu năm; đất trồng cây hàng năm; đất giao thông và HTKT khác,...)*	486,32	2,47
2.2	OM	Đất ở mới (gồm: đất ở mới; đất trồng cây lâu năm; đất trồng cây hàng năm; đất giao thông và HTKT khác,…)	151,71	0,77
2.3	HH	Đất hỗn hợp	150,02	0,76
2.4	CC	Đất công cộng	45,41	0,23
2.5	TMDV	Đất dịch vụ thương mại	42,80	0,22
2.6	DL	Đất dịch vụ du lịch	282,00	1,43
2.7	CX	Đất cây xanh, thể dục, thể thao	14,28	0,07
2.8	CXCD	Đất cây xanh chuyên dụng (phòng hộ, cách ly,…)	88,16	0,45
2.9	TG	Đất tôn giáo, di tích, danh lam, đình đền	3,60	0,02
2.10	CN	Đất công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp và làng nghề, logistics, kho bãi,…	728,06	3,70
2.11	SXVL	Đất khoáng sản và sản xuất VLXD	90,84	0,46
2.12	CNK	Đất xây dựng các chức năng khác	145,05	0,74
2.13	HT	Đất hạ tầng kỹ thuật	1.595,89	8,11
2.13.1	*GT*	*Đất giao thông*	*485,05*	2,47
2.13.2	*XL*	*Đất xử lý chất thải*	*0,28*	0,00
2.13.2	*NT*	*Đất nghĩa trang, nghĩa địa*	*166,94*	0,85
2.13.3	*HTK*	*Đất HTKT khác*	943,62	4,80
2.14	PVSX	Đất hạ tầng phục vụ sản xuất	823,95	4,19
2.15	QPAN	Đất quốc phòng, an ninh	246,16	1,25

STT	Ký hiệu	Chức năng sử dụng đất	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3		**Đất khác**	**461,35**	**2,35**
3.1	MN	Đất sông ngòi, kênh rạch, suối & mặt nước chuyên dùng	247,56	1,26
3.2	CSD	Đất chưa sử dụng	213,79	1,09
Tổng cộng			**19.668,97**	**100,00**

VI. NỘI DUNG QUY CHẾ QUẢN LÝ KIẾN TRÚC ĐIỂM DÂN CƯ NÔNG THÔN:

1. Quy định chung:

1.1. Mục tiêu:

Quy chế quản lý theo đồ án Quy hoạch chung xây dựng xã Phú Trạch nhằm xác lập cơ sở cho việc:

- Lập và xét duyệt lập quy hoạch phân khu, quy hoạch chi tiết, quy hoạch các khu vực đất phát triển đô thị và triển khai các dự án đầu tư xây dựng, thiết kế công trình;

- Lập kế hoạch, chương trình đầu tư và xây dựng hàng năm, ngắn hạn và dài hạn của xã Phú Trạch, các khu đô thị, khu dân cư nông thôn trong phạm vi khu vực quy hoạch;

- Quản lý kiến trúc, cảnh quan, bảo tồn, tôn tạo, cải tạo, xây dựng mới các công trình trên địa bàn xã Phú Trạch phù hợp với các đồ án quy hoạch được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt;

- Tổ chức quản lý triển khai thực hiện quy hoạch đô thị và phát triển kiến trúc trên địa bàn xã Phú Trạch.

1.2. Đối tượng và phạm vi áp dụng

a. Đối tượng áp dụng:

- Các cơ quan, đơn vị, tổ chức, cá nhân, hộ gia đình, doanh nghiệp có hoạt động liên quan đến không gian, kiến trúc, cảnh quan trên địa bàn xã có trách nhiệm thực hiện theo Quy chế.

- Việc điều chỉnh, bổ sung hoặc thay đổi quy chế này phải được cấp thẩm quyền phê duyệt, xem xét, quyết định.

- Các phòng ban chuyên môn chịu trách nhiệm trước Chủ tịch UBND xã Phú Trạch về việc quản lý xây dựng tại đồ án Quy hoạch.

b. Phạm vi áp dụng:

** Vị trí, phạm vi ranh giới lập quy hoạch:*

Xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị có vị trí địa lý như sau:

+ Phía Bắc giáp tỉnh Hà Tĩnh;

+ Phía Nam giáp xã Hòa Trạch và xã Trung Thuần;

+ Phía Tây giáp xã Tuyên Bình;

+ Phía Đông giáp Biển Đông.

* Quy mô:

Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch là toàn bộ xã Phú Trạch có diện tích là 19.668,97ha. Bao gồm 16 thôn.

1.3. Giải thích từ ngữ:

- Các thuật ngữ viện dẫn theo Luật Kiến trúc số 40/2019/QH14:

* Kiến trúc là nghệ thuật và khoa học, kỹ thuật về tổ chức không gian, tạo lập môi trường sống bền vững đáp ứng nhu cầu của con người và xã hội.

* Công trình kiến trúc là một hoặc tổ hợp công trình, hạng mục công trình được xây dựng theo ý tưởng kiến trúc hoặc thiết kế kiến trúc.

* Công trình kiến trúc có giá trị là công trình kiến trúc tiêu biểu, có giá trị về kiến trúc, lịch sử, văn hóa, nghệ thuật được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

Trích dẫn theo Mục 1.4 - Giải thích từ ngữ tại QCVN2021 (Quy chuẩn quốc gia về quy hoạch xây dựng)

2. Quản lý kiến trúc, không gian cảnh quan:

2.1. Nguyên tắc quản lý kiến trúc

a. Quy định các nguyên tắc phù hợp pháp luật về kiến trúc và liên quan:

- Không gian, kiến trúc cảnh quan cần được kiểm soát chặt chẽ, xác định lộ trình, trình tự xây dựng để đảm bảo tính thống nhất, hài hoà, tương thích với chức năng của các công trình, phát triển đồng bộ về hạ tầng kỹ thuật, hạ tầng xã hội và dịch vụ công cộng, phù hợp với từng giai đoạn phát triển theo kế hoạch thực hiện các khu vực phát triển đô thị được cấp thẩm quyền phê duyệt.

- Các công trình kiến trúc trong khu vực quy hoạch khi xây dựng mới phải phù hợp với đồ án quy hoạch này được duyệt, tuân thủ giấy phép quy hoạch (nếu có), quy hoạch chi tiết tỷ lệ 1/500 (nếu có), giấy phép xây dựng và các quy định tại Quy chế quản lý kiến trúc này.

- Không được chiếm dụng trái phép không gian của xã nhằm mục đích tăng diện tích sử dụng công trình.

- Mặt ngoài công trình kiến trúc không được sử dụng màu sắc, vật liệu gây ảnh hưởng tới thị giác, sức khoẻ con người, yêu cầu về vệ sinh và an toàn giao thông.

- Các đề xuất quy hoạch sử dụng đất:

+ Ưu tiên sử đất trống chưa sử dụng.

+ Đối với đất xây dựng nhà ở: Xây dựng các khu dân cư theo hướng tập trung, tiết kiệm chi phí xây dựng công trình hạ tầng, tận dụng đất trống chưa sử dụng.

+ Đối với đất xây dựng công trình công cộng: Tôn trọng hiện trạng, phát triển mới phải có hướng liên kết các công trình công cộng để tạo dựng bộ mặt khu trung tâm.

+ Đối với đất xây dựng các cơ sở kinh tế: Phải phù hợp với từng loại hình sản xuất.

- Cần lập Quy chế quản lý kiến trúc các khu vực, tuyến đường quan trọng, có động lực phát triển trong khu vực quy hoạch, khai thác hợp lý nhằm nâng cao giá trị thẩm mỹ kiến trúc, cảnh quan và cải thiện môi trường không gian xã; xây dựng đồng bộ và nâng cao chất lượng hệ thống hạ tầng xã hội, hạ tầng kỹ thuật và dịch vụ công cộng trên cơ sở cân đối hài hòa với các khu vực xung quanh; bảo vệ bản sắc truyền thống của xã Phú Trạch.

- Không gian, cảnh quan và các công trình kiến trúc phải được quản lý theo Quy định quản lý theo đồ án quy hoạch này.

- Phải đảm bảo tuân thủ nội dung các chỉ tiêu sử dụng đất đã được xác định trong đồ án. Tầng cao xây dựng trong các khu ở, nhóm ở cần được tổ chức một cách đồng bộ, hài hòa với nhịp điệu, không gian cảnh quan kiến trúc và tính chất, loại hình nhà ở.

- Các công trình xây dựng phải có hình thức kiến trúc, màu sắc, vật liệu tuân thủ theo các Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc trong khu vực quy hoạch (nếu có); khuyến khích xây dựng các khu dân cư mới kiểu mẫu, các công trình ứng dụng công nghệ mới, thân thiện môi trường và đạt các yêu cầu tiêu chí về kiến trúc xanh.

- Đối với nhà ở: Nhà xây dựng mới không đồng thời thì các nhà xây sau ngoài việc phù hợp với quy hoạch chi tiết được duyệt còn phải căn cứ vào cao độ nền, chiều cao tầng 1, chiều cao ban công, chiều cao và độ vươn của ô văng,

màu sắc của nhà trước đó đã được cấp phép xây dựng để tạo sự hài hòa, thống nhất cho toàn tuyến.

- Đối với công trình công cộng:

+ Công trình công cộng xây dựng mới trong khu vực quy hoạch phải tuân thủ đồ án quy hoạch này được duyệt. Trường hợp chưa có quy hoạch chi tiết (tỷ lệ 1/500) hoặc Quy chế quản lý quy hoạch, kiến trúc, khi cấp giấy phép xây dựng phải căn cứ quy chuẩn, tiêu chuẩn về quy hoạch, đảm bảo yêu cầu kết nối hạ tầng, thuận tiện cho việc tập kết, giải tỏa người và phương tiện giao thông.

+ Các công trình công cộng phải có bãi đỗ xe, được bố trí phù hợp đồ án quy hoạch đã được phê duyệt, đáp ứng đủ diện tích theo quy chuẩn, tiêu chuẩn, an toàn, thuận tiện; đảm bảo trật tự, vệ sinh và mỹ quan.

+ Vật quảng cáo độc lập ngoài trời hoặc gắn với các công trình kiến trúc phải tuân thủ quy định của pháp luật về quảng cáo.

- Đối với khu vực sản xuất TTCN, làng nghề:

Ngoài khu CN, cụm CN thuộc khu Kinh tế được quy định theo Quy chế của Quy hoạch chung Hòn la, thì các khu TTCN quy hoạch mới trên địa bàn xã được Quy định các loại hình cơ sở sản xuất, kinh doanh được triển khai tại khu TTCN phải có mức độ độc hại từ loại III trở lên (Căn cứ Phụ lục 4.8: "Phân loại xí nghiệp, kho theo cấp độ độc hại", Quy chuẩn Xây dựng Việt Nam ban hành kèm theo Quyết định số 682/BXD-CSXD ngày 14/12/1996 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng"), cụ thể như sau:

+ Loại hình công nghiệp có mức độ độc hại loại III: Mức độ ít độc hại (Chế biến lương thực, thực phẩm, hải sản, chế biến gỗ,...).

+ Loại hình công nghiệp có mức độ độc hại loại IV: Mức độ độc hại không đáng kể (Cơ khí nhỏ, sản xuất nước giải khát, da giày, giấy bán thành phẩm, ...).

+ Loại hình công nghiệp có mức độ độc hại loại V: Mức độ không độc hại (lắp ráp điện tử, may mặc, dệt, cơ khí chính xác, ...).

b. Các chỉ tiêu quy hoạch chung xã, quy chuẩn, tiêu chuẩn kỹ thuật áp dụng:

- Luật Xây dựng số 135/2025/QH15 ngày 10/12/2025;

- Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn ngày 26/11/2024 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 144/2025/QH15 ngày 11/12/2025;

- Thông tư số 16/2025/TT-BXD ngày 30/06/2025 của Bộ Xây dựng quy định chi tiết một số điều của Luật Quy hoạch đô thị và nông thôn được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 43/2025/TT-BXD ngày 09/12/2025;

- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng QCVN 01:2021/BXD;

- Quy chuẩn Kỹ thuật Quốc gia về Quy hoạch xây dựng nông thôn QCVN: 14:2009/BXD;

- Tiêu chuẩn Quốc gia TCVN 4454:2012 về Quy hoạch xây dựng nông thôn - Tiêu chuẩn thiết kế.

2.2. Các nguyên tắc đối với khu vực có yêu cầu quản lý đặc thù:

- Khu vực có địa hình đặc thù bao gồm: Khu vực ven sông, hồ.

- Việc xây dựng các công trình tại khu vực có địa hình đặc thù phải hạn chế tối đa việc làm biến dạng địa mạo, địa hình tự nhiên; việc tổ chức không gian giữa các công trình phải đảm bảo khoảng cách theo quy định, khai thác tận dụng hướng gió, tầm nhìn giữa các lớp công trình để đảm bảo phát huy giá trị cảnh quan.

3. Quy định về quản lý, bảo vệ công trình kiến trúc có giá trị:

3.1. Các quy định quản lý các công trình đã được xếp hạng theo pháp luật về Di sản văn hóa:

- Các khu di tích, danh lam thắng cảnh được bảo tồn nghiêm ngặt theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa.

- Về không gian xã: Đối với công trình xung quanh khi xây dựng phải tuân thủ theo đúng quy định của Luật Di sản văn hóa và phải được thỏa thuận của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền.

- Về kiến trúc: Việc bảo quản, tu bổ, phục hồi di tích phải xác định hình thức bảo tồn, tôn tạo phù hợp với tính chất của từng loại di tích, bảo đảm thực hiện theo Luật Di sản văn hóa và các quy định về bảo quản, tu bổ và phục hồi di tích, đặc biệt trong phạm vi khu vực I và II.

- Quản lý và cấp phép xây dựng: Tuân thủ theo quy định khu vực I, II và các quy định có liên quan theo Luật Di sản văn hóa.

3.2. Các quy định quản lý công trình thuộc danh mục kiến trúc có giá trị đã được phê duyệt:

UBND xã Phú Trạch chủ trì lập danh mục các công trình kiến trúc có giá trị, quy chế quản lý trình phê duyệt và quản lý riêng theo quy định.

4. Tổ chức thực hiện:

4.1. Tổ chức thực hiện Quy chế:

- Đối với việc cấp giấy phép xây dựng:

Công trình đã có quy định chi tiết trong Quy chế: Việc cấp phép xây dựng các công trình các công trình xây dựng do cơ quan nhà nước có thẩm quyền được giao trách nhiệm cấp phép thực hiện.

- Công trình và dự án đầu tư xây dựng có đề xuất khác với Quy chế: Giao phòng Kinh tế tham mưu, đề xuất UBND xem xét, phê duyệt.

- Về triển khai các quy chế ở khu vực đặc thù: UBND xã Phú Trạch trên cơ sở Quy chế này tổ chức lập và quản lý các đồ án quy hoạch các khu vực ưu tiên theo quy định.

- Về nghiên cứu, bổ sung các quy định cụ thể: UBND xã Phú Trạch định kỳ hàng năm tổ chức việc đánh giá, rà soát việc thực thi các quy định trong Quy chế này. Trong trường hợp cần bổ sung, chỉnh sửa cho phù hợp với tình hình phát triển dân cư trên địa bàn, cần phối hợp với phòng Kinh tế tham mưu, đề xuất UBND xã Phú Trạch xem xét phê duyệt.

4.2. Trách nhiệm của cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc thực hiện Quy chế quản lý kiến trúc:

- Trách nhiệm của phòng Kinh tế:

+ Chủ trì tham mưu, đề xuất các nội dung về quản lý quy hoạch, kiến trúc trên địa bàn xã Phú Trạch thuộc thẩm quyền của UBND xã Phú Trạch.

+ Hướng dẫn UBND xã Phú Trạch và các cơ quan có liên quan thực hiện Quy chế này.

+ Thường xuyên kiểm tra, theo dõi, kịp thời đề xuất điều chỉnh các nội dung của Quy chế cho phù hợp với tình hình thực tế, tuân thủ quy định hiện hành của Nhà nước.

+ Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định của Quy chế này theo quy định của pháp luật.

- Ủy ban nhân dân xã Phú Trạch:

+ Chịu trách nhiệm quản lý kiến trúc, cảnh quan đô thị trên địa bàn; tổ chức thực hiện các nội dung được quy định tại Quy chế này. Thực hiện công tác kiểm tra, thanh tra, xử lý vi phạm trong việc thực hiện các quy định của Quy chế này theo thẩm quyền, tuân thủ theo quy định của pháp luật.

+ Xây dựng kế hoạch triển khai đối với các khu vực cần ưu tiên chỉnh trang, cải tạo theo quy định của Quy chế này.

+ Phối hợp với phòng Kinh tế để quản lý về chất lượng thiết kế quy hoạch, kiến trúc, cảnh quan các công trình thông qua công tác tuyển chọn, thi tuyển quy hoạch, thiết kế kiến trúc.

+ Lập kế hoạch đầu tư, tăng cường chất lượng cảnh quan, không gian đô thị đối với các công trình công cộng như cây xanh đường phố, công viên, quảng trường, tượng đài; cây xanh dọc hành lang các công trình hạ tầng kỹ thuật, bảo vệ các không gian cảnh quan đặc thù của thành phố.

+ Chỉ đạo các Phòng, ban, tổ chức tuyên truyền vận động, phổ biến nội dung Quy chế này đến các tổ chức và người dân biết để thực hiện.

- Các Sở, Ban, ngành và các cơ quan, đơn vị địa phương có liên quan: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ thuộc lĩnh vực quản lý chuyên ngành của mình tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung của Quy chế này.

- Trách nhiệm của tổ chức, cá nhân tư vấn thiết kế, nhà thầu xây dựng, chủ sở hữu, chủ đầu tư, người sử dụng: Căn cứ chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của mình, tổ chức triển khai thực hiện tốt nội dung của Quy chế này.

4.3. Kiểm tra, thanh tra, báo cáo và xử lý vi phạm:

- Giao phòng Kinh tế thường xuyên theo dõi, kiểm tra việc thực hiện Quy chế này, kịp thời tham mưu đề xuất, báo cáo UBND xã Phú Trạch.

- Thủ trưởng các sở, ban, ngành, UBND xã Phú Trạch và các tổ chức, cá nhân có liên quan thực hiện nghiêm túc nội dung của Quy chế này. Trong quá trình thực hiện nếu có phát sinh khó khăn, vướng mắc thì kịp thời phản ánh thông qua phòng Kinh tế để trình UBND xã Phú Trạch xem xét, quyết định.

VII. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN HỆ THỐNG HẠ TẦNG KỸ THUẬT:

1. Chuẩn bị kỹ thuật:

1.1. Nguyên tắc thiết kế:

- Khống chế cao độ nền đảm bảo các yếu tố kỹ thuật sau:

+ Hướng thoát nước chính về phía các tuyến mương thoát nước, sông suối, ao hồ theo địa hình tự nhiên.

+ Cao độ thiết kế san nền phù hợp với các tuyến đường, theo định hướng của cao độ đường giao thông, hài hoà, khớp nối với khu dân cư hiện trạng, đảm bảo tôn trọng địa hình tự nhiên.

+ Độ dốc san nền tối thiểu đảm bảo thoát nước tự chảy.

+ Hướng thoát nước từ trong nền các lô đất về phía rãnh thoát nước và hệ thống thoát nước đặt dọc theo mạng lưới đường giao thông.

- Vật liệu đắp nền dùng vật liệu sẵn có của địa phương.

1.2. Giải pháp thiết kế:

- Khu vực xã Quảng Đông, Quảng Phú cũ tuân thủ Quy hoạch chung khu kỉnh tế Hòn La.

- Giữ nguyên cao độ các khu dân cư và các công trình hiện có. Tuân thủ cao độ khống chế của các tuyến đường hiện có. Độ dốc khống chế đảm bảo theo tiêu chuẩn cho phép.

- Cao độ nền ô đất được thiết kế phù hợp cao độ tim đường, đảm bảo thiết kế kỹ thuật của đường, cao độ san nền từ 4,5m đến 50,0m.

- Công tác san ủi, tạo mặt bằng bao gồm cả công tác phát quang cây bụi.

- Kè gia cố bờ sông, bờ mương và xung quanh các khu vực hồ điều hòa, cảnh quan.

- Gia cố mái taluy tại các khu vực đào đắp cục bộ và các khu vực có nguy cơ sạt lở.

2. Giao thông:

2.1. Căn cứ thiết kế mạng lưới giao thông:

- Quyết định số 1454/QĐ-TTg, ngày 1/9/2021 phê duyệt Quy hoạch phát triển mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quyết định số 1769/QĐ-TTg ngày 19/10/2021 phê duyệt Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Điều chỉnh Quy hoạch tỉnh Quảng Trị thời kỳ 2021-2030 tầm nhìn 2050.

- Quy hoạch mạng lưới đường bộ thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch mạng lưới đường sắt thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

- Quy hoạch kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa thời kỳ 2021-2030, tầm nhìn đến năm 2050;

2.2. Dự báo nhu cầu giao thông:

- Đường bộ: Nhu cầu vận tải hành khách và hàng hóa dự báo tăng cao trong tương lai, đặc biệt là trên các tuyến giao thông đối ngoại gồm đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông và Quốc lộ 1. Đây là các tuyến giao thông huyết mạch có

vai trò kết nối xã Phú Trạch với các trung tâm kinh tế, đô thị, khu công nghiệp và các địa phương trong khu vực.

- Vận tải hàng hóa và logistics: Với lợi thế nằm trong khu vực Khu kinh tế Hòn La, có cảng biển Hòn La và các khu công nghiệp, dịch vụ hậu cần cảng, nhu cầu vận chuyển nguyên vật liệu, hàng hóa xuất nhập khẩu và hàng hóa phục vụ sản xuất công nghiệp sẽ ngày càng gia tăng. Do đó, cần phát triển hệ thống giao thông kết nối đồng bộ giữa cảng biển, các khu chức năng trong Khu kinh tế Hòn La với Quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc - Nam và mạng lưới giao thông khu vực.

- Đường sắt: Tuyến đường sắt tốc độ cao trên trục Bắc - Nam được quy hoạch đi qua địa bàn xã, tạo điều kiện tăng cường kết nối vận tải hành khách liên vùng, góp phần hoàn thiện mạng lưới giao thông quốc gia và thúc đẩy phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

- Nhu cầu giao thông nội bộ: Cùng với quá trình phát triển các khu dân cư, khu dịch vụ, công nghiệp và các hoạt động kinh tế gắn với Khu kinh tế Hòn La, nhu cầu đi lại của người dân và vận chuyển hàng hóa nội bộ sẽ tăng lên. Vì vậy, cần từng bước cải tạo, nâng cấp các tuyến đường hiện trạng, đồng thời quy hoạch bổ sung các tuyến đường kết nối liên khu vực, bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi và liên thông với hệ thống giao thông đối ngoại.

2.3. Các định hướng quy hoạch giao thông:

** Giao thông đối ngoại:*

- Tuyến đường bộ cao tốc Bắc- Nam phía Đông đi qua địa bàn xã. Định hướng giữ nguyên hành lang tuyến, quy mô và các công trình hạ tầng kỹ thuật theo quy hoạch, dự án đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt. Tổ chức các điểm kết nối giao thông phù hợp, bảo đảm liên hệ thuận lợi giữa khu vực xã Phú Trạch với hệ thống giao thông liên vùng; hạn chế tối đa việc đấu nối trực tiếp vào đường cao tốc, bảo đảm an toàn giao thông và hành lang bảo vệ công trình. Tuân thủ theo quy hoạch mạng lưới đường bộ quy mô 6 làn xe. Có bề rộng từ 72,25m (bao gồm cả đường gom)

- Tuyến đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam được quy hoạch chạy qua địa bàn xã Phú Trạch, là công trình giao thông trọng điểm quốc gia. Có bề rộng chỉ giới 50,0m.

- Quốc lộ 1: Là trục giao thông đối ngoại quan trọng chạy qua địa bàn xã, theo hướng Bắc đi Hà Tĩnh, theo hướng Nam đi Đồng Hới, kết nối khu vực với các đô thị, trung tâm kinh tế và các tỉnh trong vùng. Định hướng quy hoạch theo chỉ giới đường đỏ rộng 60,5m.

- Phát huy lợi thế về vị trí địa lý và hệ thống hạ tầng cảng biển, định hướng phát triển mạng lưới giao thông kết nối từ cảng Hòn La đến Quốc lộ 1, đường cao tốc Bắc - Nam và các khu chức năng trong Khu kinh tế. Ưu tiên các tuyến giao thông phục vụ vận chuyển hàng hóa, logistics, kết nối khu công nghiệp, khu hậu cần cảng và các khu dịch vụ; tổ chức hợp lý các tuyến đường vận tải hàng hóa, hạn chế ảnh hưởng đến giao thông sinh hoạt của khu dân cư. Đồng bộ hệ thống giao thông đối ngoại với các tuyến đường nội bộ trong khu kinh tế, bảo đảm đáp ứng nhu cầu vận tải hàng hóa và phát triển cảng biển trong dài hạn.

- Quy hoạch tuyến đường kết nối từ Quốc lộ 1 ra khu vực cảng biển Hòn La, đoạn đầu từ Quốc lộ 1 đến đường quy hoạch 30,5m rộng 24,0÷25,0m; đoạn từ đường quy hoạch 30,5m đến Cảng biển Hòn La rộng 40,0m.

- Định hướng quy hoạch tuyến đường rộng 32,0m là trục ngang chính của xã kết nối với đường Quốc lộ 1 và tuyến đường bộ cao tốc Bắc- Nam.

- Định hướng quy hoạch tuyến đường ven biển rộng 21,0m ở phía Đông Nam ranh giới xã để giảm tải một phần cho đường Quốc lộ 1 và thúc đẩy phát triển kinh tế biển, dịch vụ và du lịch của xã.

** Giao thông nội bộ:*

- Kế thừa mạng lưới giao thông hiện trạng của các khu vực trước khi sắp xếp đơn vị hành chính, bao gồm các tuyến đường liên xã, đường liên thôn, đường khu dân cư và đường kết nối các khu vực sản xuất. Từng bước cải tạo, nâng cấp và mở rộng các tuyến đường nhằm hình thành mạng lưới giao thông liên hoàn, thống nhất trên toàn địa bàn xã Phú Trạch.

- Quy hoạch bổ sung các tuyến đường kết nối từ khu dân cư, khu vực sản xuất, khu dịch vụ đến Quốc lộ 1 và các tuyến giao thông đối ngoại; tăng cường kết nối giữa các khu vực phía Đông và phía Tây địa bàn xã, bảo đảm khả năng tiếp cận thuận lợi đến Khu kinh tế Hòn La và cảng biển Hòn La. Các tuyến đường được quy hoạch từ 30,0-22,5m.

- Phát triển hệ thống đường giao thông nội bộ trong các khu dân cư, khu dịch vụ, khu sản xuất và các khu chức năng theo định hướng quy hoạch; bảo

đảm quy mô mặt cắt ngang phù hợp với chức năng từng tuyến, nhu cầu lưu thông và điều kiện địa hình thực tế. Các tuyến đường được quy hoạch từ 22,5-7,5m.

- Đối với các khu vực chịu ảnh hưởng chia cắt bởi tuyến cao tốc Bắc - Nam và đường sắt tốc độ cao Bắc - Nam, nghiên cứu bố trí các tuyến đường kết nối, cầu vượt, hầm chui và công trình giao cắt phù hợp nhằm bảo đảm giao thông liên tục giữa các khu vực, không làm gián đoạn hoạt động đi lại và sản xuất của người dân.

- Các nút giao thông giữa đường nội bộ với Quốc lộ 1 được nghiên cứu tổ chức hợp lý, bảo đảm tầm nhìn, bán kính rẽ và an toàn giao thông; ưu tiên kết nối thông qua hệ thống đường gom và các vị trí đấu nối được cấp có thẩm quyền chấp thuận.

3. Cấp nước:

3.1. Hiện trạng cấp nước:

Hiện nay khu kinh tế Hòn La đã được cấp nước từ nhà máy nước sạch Quảng Châu - DNP Quảng Bình, dự án khai thác nguồn nước mặt từ hồ Vực Tròn với công suất 15.000m^3/ngđêm, đã cấp tuyến ống chính D225 đến khu vực trung tâm khu công nghiệp. Ngoài ra khu vực được cấp nước sạch từ nhà máy nước sông Thai theo quy hoạch với công suất 10.000m^3/ng.đêm. Hiện trạng trong khu vực có hệ thống cấp nước sinh hoạt với công suất 1.500 m^3/ng.đêm nhưng đã dừng hoạt động từ năm 2025. Khu dân cư cũ dùng nước giếng đào và giếng khoan để cấp nước sinh hoạt.

Khu vực Quảng Kim cũ đã có hệ thống cấp nước từ thác Tam Cấp, cơ bản đáp ứng nhu cầu của người dân.

3.2. Tiêu chuẩn và nhu cầu dùng nước:

- QCVN 01:2021/BXD: Quy chuẩn xây dựng Việt Nam về quy hoạch xây dựng;

- QCVN 07-2023/BXD: Hệ thống các công trình hạ tầng kỹ thuật.

- Quy chuẩn QCVN 06:2022 và Thông tư 09/2023/TT-BXD ngày 16/10/2023 ban hành sửa đổi 1:2023 QCVN 06:2022/BXD quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về an toàn cháy cho nhà và công trình an toàn cháy cho nhà và công trình;

- QCVN 10:2025/BCA Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về trang bị, bố trí phương tiện phòng cháy, chữa cháy, cứu nạn, cứu hộ cho nhà và công trình;

- Tiêu chuẩn TCVN 13606: 2023: Cấp nước - Mạng lưới đường ống và công trình - Tiêu chuẩn thiết kế;

Nhu cầu dùng nước

TT	Các đối tượng dùng nước	Quy mô (ha)	Đơn vị	Tiêu chuẩn cấp nước	Lượng nước m^3/ng.đ
1	Khu dân cư Quảng Kim và Quảng Hợp cũ	15.230	Người	150	1.370,7
2	Nước phục vụ công cộng, tưới cây, rửa đường, cứu hoả…)	1.370,7	% Qcc	10,0	137,07
3	Nước dịch vụ	1.370,7	% Qcc	10,0	109,65
4	Nước dự phòng, rò rỉ	1.617,43	%(Qcn+Qcc)	15,0	242,61
	Tổng cộng				**1.860**

Công suất cấp nước lấy tròn 2.000m^3/ngày đêm.

3.3. Định hướng cấp nước:

Trên cơ sở các quy hoạch chung đã được phê duyệt, nguồn nước cấp cho khu vực lập quy hoạch được đấu nối từ nhiều nguồn khác nhau:

- Khu vực Quảng Đông, Quảng Phú cũ tuân thủ quy hoạch chung Khu kỉnh tế Hòn La.

- Nguồn nước được lấy từ hệ thống cấp nước hồ Sông Thai và nhà máy nước Quảng Châu với tổng nhu cầu cấp nước khoảng 2.000m^3/ng.đêm.

Quy hoạch Nhà máy nước hồ Sông Thai, công suất 10.000 m^3/ng,đêm và tuyến ống chính D250 thuộc địa phận Quảng Kim cũ.

Xây dựng tuyến ống cấp nước phân phối có đường kính D110-D160 chạy theo đường giao thông cấp nước đến các khu dân cư trên địa bàn xã, tổ chức hoàn thiện các tuyến ống chính theo mạng vòng đảm bảo cấp nước an toàn và liên tục, phục vụ sản xuất, sinh hoạt và cứu hỏa. Trên mạng lưới chính bố trí các họng cứu hỏa, đảm bảo bán kính phục vụ 150m. Họng cứu hỏa được bố trí tại các khu vực ngã 3, 4... đảm bảo thuận tiện cứu hỏa khi có đám cháy xảy ra.

Mạng lưới cấp nước phân phối được thiết kế mạng vòng. Đường ống cấp nước phân phối lấy nước từ mạng lưới cấp nước cấp 1 qua các điểm đấu nối.

Mạng lưới cấp nước phân phối được tính toán theo phương pháp tính toán đương lượng đối với nhà ở, công trình công cộng.

Ống cấp nước được bố trí dưới vỉa hè với độ sâu chôn ống không nhỏ hơn 0,7m tính từ mặt đất (mặt đường) đến đỉnh ống.

Các điểm đấu nối ống phân phối với mạng truyền dẫn bên ngoài đều phải lắp đặt van khoá, đồng hồ đo lưu lượng thiết bị đo áp... để vận hành và quản lý.

Hố van bố trí tại các điểm nút để thuận tiện cho công tác vận hành và quản lý mạng lưới đường ống. Đối với đường ống có đường kính < DN100 mm nên sử dụng van ty chìm không hố vận hành bằng ty van nhằm đảm bảo tính thẩm mỹ của đường phố và thuận lợi cho công tác thi công các hạng mục công trình hạ tầng kỹ thuật khác.

Khi triển khai các đồ án Quy hoạch chi tiết, các tuyến ống phân phối đặt trong hào kỹ thuật (nếu có). Trường hợp không bố trí hào kỹ thuật thì đặt dưới vỉa hè độ sâu đặt ống từ 0,8-1,0m tính từ đỉnh ống áp dụng với tuyến ống phân phối và 0,5-0,7m áp dụng với tuyến ống dịch vụ. Các vị trí ống cấp nước đi dưới đường thì cần phải có biện pháp kết cấu thích hợp để bảo vệ đường ống.

Khối lượng cấp nước chính

TT	Quy cách	Đơn vị	Khối lượng (m)
1	Ống nhựa cấp nước DN250	m	4.007
2	Ống nhựa cấp nước DN150	m	18.733
3	Ống nhựa cấp nước DN100	m	20.849
4	Trạm bơm tăng áp	Trạm	1
5	Nhà máy nước Công suất 10.000 m^3/ng.đêm	Trạm	1

4. Cung cấp năng lượng và chiếu sáng:

4.1. Dự báo phụ tải điện:

- Tiêu chuẩn cấp điện trong khu vực nghiên cứu áp dụng theo Quy chuẩn quy hoạch.

- Tính toán nhu cầu phụ tải điện theo chỉ tiêu dùng điện:

+ Phụ tải điện sinh hoạt: 0,15 x 18.063 người = 2.709 kW.

+ Phụ tải công cộng, dịch vụ: 2.709 x 35% = 948 kW.

+ Phụ tải dự phòng, chiếu sáng: 2.709 x 10% = 270,9 kW.

Tổng hợp phụ tải điện.

TT	Tên phụ tải	Tổng công suất (kW)
1	Phụ tải điện sinh hoạt	2709
2	Phụ tải công cộng, dịch vụ	948
3	Phụ tải dự phòng, chiếu sáng	270,9
4	Tổng	3928

Tổng nhu cầu dùng điện của khu vực nghiên cứu là 3928kW, tương đương 4567kVA. Bố trí các trạm có công suất từ 250KVA đến 560KVA-22/0,4KV cấp điện cho các khu dân cư. Các trạm biến áp hiện có của các nhà máy đang vận hành và các trạm biến áp phục vụ các công trình tư nhân được giữ nguyên. Đất thương mại dịch vụ, công cộng sẽ tính toán theo quy mô từng dự án.

4.2. Phương án cấp điện.

Khu vực quy hoạch chung xây dựng xã Phú Trạch sử dụng lưới điện phân phối 22KV từ trạm biến áp 110kV Hòn La 110/22kV và trạm biến áp 110kV Quảng Trạch 110/22kV.

. Xây dựng mới các tuyến điện theo tiêu chuẩn đường dây 22KV đáp ứng yêu cầu kỹ thuật vận hành của ngành điện.

- Bố trí các trạm biến áp có công suất từ 250KVA đến 560KVA ở các vị trí hợp lý để cấp điện cho khu vực.

- Mạng lưới hạ áp mới xây dựng sẽ được đi nổi và đi ngầm, tiết diện đảm bảo từ 4x50 ÷ 4x240mm^2.

- Cần có các chương trình thay thế đường dây hạ thế sau công tơ vào nhà để đảm bảo an toàn cấp điện.

* Trạm lưới 22/0,4kV dùng trạm treo trên cột. Công suất máy biến áp chọn từ 100kVA đến 560kVA. Bán kính phục vụ các trạm biến áp lưới không quá 500m.

* Lưới chiếu sáng: Cần xây dựng mới tuyến chiếu sáng trên các tuyến đường chính, các đường liên xã và các trục thôn xóm. Đèn chiếu sáng sử dụng loại tiết kiệm năng lượng, hiệu suất cao.

5. Thoát nước và xử lý nước thải:

5.1. Quy hoạch thoát nước mưa:

Xây dựng hệ thống thoát nước riêng hoàn toàn.

a, Cường độ mưa tính toán:

Cường độ mưa tính toán được xác định theo công thức:

$$q=\frac{A.(1+C\lg P)}{(t+b)^n}\ (l/_{s\text{-}ha})$$

Trong đó:

Các hệ số A, b, n, P là các thông số đã cho để tính toán cho Quảng Trị theo tiêu chuẩn TCXDVN-7957: 2023 như sau:

$$\begin{cases} A = 2230 \\ b = 15 \\ C = 0,48 \\ n = 0,62 \\ \text{Lấy } P = 2 \text{ (năm)} \end{cases}$$

--> q= 220,06.

b, Xác định thời gian mưa tính toán:

Thời gian mưa tính toán được xác định theo công thức:

$$t = t_0 + t_1 + t_2 \text{ (phút)}$$

+ t_0: thời gian nước chảy từ điểm xa nhất trên lưu vực đến rãnh, do không có mương, cống thoát nước nên lấy t_o= 10 (phút).

+ t_1: thời gian nước chảy trên rãnh đến giếng thu đầu tiên được tính theo công thức:

$$t_r=0,021\frac{l_r}{V_r}\text{(phút).}$$

Với lr, vr là chiều dài và vận tốc nước chảy ở cuối rãnh thu nước mưa. Lấy trung bình sơ bộ ta có lr = 100 (m), vr = 0,6 (m/s). 1,25 là hệ số kể đến sự tăng dần vận tốc ở trong rãnh. Vậy ta có $tr = {}^{1,25}\frac{100}{0,6.60} = 3$ (phút).

+ t_c: thời gian nước chảy trong cống từ giếng thu đến tiết diện tính toán; được tính theo công thức:

$$+\ t_c=0,017\Sigma\frac{l_r}{V_c}\text{ (phút).}$$

+ l_c: chiều dài đoạn cống tính toán,

+ v_c: Vận tốc nước chảy trong cống.

Căn cứ vào đặc điểm vùng thoát nước mưa là vùng có địa hình biến đổi phức tạp với diện tích lưu vực thoát nước mưa tính toán nhỏ hơn 150ha. Do đó ta lấy chu kỳ tràn cống P = 2; khi đó, với các giá trị đã biết trước của t, ta tính được q cho từng đoạn cống tính toán để đưa và công thức tính toán lưu lượng nước mưa cho tuyến cống đó.

c, Định hướng quy hoạch thoát nước:

- Khu vực Quảng Đông, Quảng Phú cũ tuân thủ Quy hoạch chung khu kỉnh tế Hòn La.

Hệ thống thoát nước được thiết kế trên cơ sở định hướng Quy hoạch chung đã được phê duyệt và đặc điểm hiện trạng của khu vực. Mạng lưới được chia thành các lưu vực nhỏ thoát về sông Thai và các tuyến mương thuộc lưu vực hồ Vực Tròn. Với đặc điểm địa hình đặc trưng, khu vực đồi núi và hồ ở phía Bắc, đứng trước vấn đề sạt lở đất diễn biến ngày càng phức tạp cần thiết phải tổ chức các tuyến mương hở M1000 tạo thành hệ thống rãnh đỉnh bao quan chân các sườn núi.

Các tuyến cống thoát nước dọc theo các tuyến đường sử dụng cống mương thoát nước B600-B800, trong các khu dân cư hiện hữu có thể kết hợp các tuyến mương nắp đan. Tại các điểm giao cắt, chuyển hướng, điểm thu nước bố trí các hố ga, khoảng cách giữa các hố thu từ 35m-45m.

Khối lượng hệ thống thoát nước mưa

TT	Tên vật tư - quy cách	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống, mương thoát nước B600	m	16.044
2	Cống, mương thoát nước B800	m	6.083

5.2. Định hướng thoát nước thải và thu gom CTR:

a. Quy hoạch hệ thống:

Khu vực xã Quảng Đông và Quảng Phú cũ thực hiện theo QHC Khu kinh tế Hòn La. Các nhà máy cần phân loại chất thải ngay tại nguồn thành chất thải rắn vô cơ (kim loại, thuỷ tinh, giấy, nhựa...) và chất thải rắn hữu cơ (thực phẩm thừa, rau, quả, củ...). Hai loại này được để vào bao chứa riêng. Chất rắn vô cơ được định kì thu gom và tận dụng tối đa đem đi tái chế. Chất thải rắn hữu cơ được thu gom hàng ngày đem đi chôn lấp tại khu xử lý chất thải rắn chung. Chất thải rắn độc hại các nhà máy phải có phương án xử lý riêng.

Chất thải rắn sinh hoạt tại các khu dân cư được đưa đi chôn lấp và xử lý tại bãi rác thải chung của khu vực được quy hoạch tại xã Quảng Trạch.

- Trên cơ sở của bảng tổng hợp chức năng sử dụng đất, diện tích nghiên cứu, tính toán mạng lưới thoát nước thải của khu vực dựa trên tính toán nhu cầu cấp nước và được tính bằng 80% lượng nước cấp.

- Nước thải sau khi xử lý bằng bể tự hoại rồi dẫn về trạm xử lý nước thải.

- Hệ thống thoát nước thải dự kiến theo sơ đồ sau: Bể tự hoại → cống thu nước thải → trạm bơm nước thải →trạm xử lý nước thải → xả ra môi trường.

** Hệ thống thoát nước thải bao gồm:*

+ Cống thoát nước thải bằng nhựa HDPE.

+ Trạm làm sạch nước thải sẽ lựa chọn công nghệ trong giai đoạn đầu tư.

Nước thải sinh hoạt sau khi xử lý phải đạt QCVN 14:2008/BTNMT và nước thải công nghiệp tập trung xử lý đạt QC 40:2011/BTNMT mới được xả ra nguồn tiếp nhận.

b. Thiết kế mạng lưới:

Nước thải được thu gom theo từng khu vực, dẫn về trạm xử lý nước thải của từng khu vực đó. Trạm xử lý quy hoạch mới cần ưu tiên đặt ở cuối dòng chảy của nguồn tiếp nhận nước thải sau xử lý, cuối hướng gió chính, tại khu vực có đủ đất cho dự phòng mở rộng, vị trí điểm xả nước thải phải phù hợp với các quy định của pháp luật về quản lý tài nguyên nước. Quy hoạch 02 hệ thống thu gom và xử lý nước thải tại khu vực Quảng Kim và Quảng Hợp cũ với công suất tương ứng là 500m^3/ng.đêm và 800m^3/ng.đêm. Nước sau xử lý xả ra sông Thai.

c. Lựa chọn cống, độ dốc cống:

- Cống thoát nước: dùng ống nhựa HDPE đường kính D315-400, D100-D150 có áp đặt trên hè đường. Các đoạn qua đường, nếu chiều sâu chôn cống không đảm bảo đỉnh cống cách mặt trên của hè ≥ 0,7÷1m thì phải gia cố bảo vệ đoạn ống qua đường.

- Chiều sâu chôn cống: cống có cao độ đáy thấp hơn so với mặt hè từ 0,9m.

- Khoảng cách các ga: đối với ga thăm, khoảng cách 25-30m/ga và kết hợp với các điểm chuyển hướng tuyến.

TT	Cấu kiện	Đơn vị	Khối lượng
1	Cống thoát nước thải D315	m	23.144
2	Cống thoát nước thải D400	m	3.7908
3	Ống thoát nước thải có áp D100	m	937
4	Ống thoát nước thải có áp D150	m	2.567
5	Trạm bơm nước thải	Trạm	05
6	Trạm xử lý nước thải	Trạm	02

6. Hạ tầng viễn thông thụ động:

6.1. Định hướng mạng lưới viễn thông

a. Căn cứ thiết kế:

- Tình hình phát triển mạng Bưu chính - Viễn thông trong nước;

- Sự phát triển mạng thông tin trên địa bàn xã Phú Trạch những năm gần đây;

- Căn cứ Quyết định số 3628/QĐ-UBND ngày 15/12/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình về việc phê duyệt Quy hoạch hạ tầng viễn thông tỉnh Quảng Bình đến năm 2020, định hướng đến năm 2030;

- Các tiêu chuẩn, quy phạm và tài liệu khác có liên quan.

b. Hướng phát triển:

+ Phát triển hạ tầng viễn thông đồng bộ, hiện đại với mục tiêu chuyển dịch hạ tầng viễn thông thành hạ tầng số, phục vụ xây dựng chính quyền số, kinh tế số, xã hội số.

+ Đa dạng hóa các loại hình cung cấp dịch vụ viễn thông trên cơ sở các dịch vụ băng thông rộng, Internet tốc độ cao; phổ cập Internet băng thông rộng; chú trọng phát triển các điểm cung cấp dịch vụ không có người phục vụ.

+ Tăng cường sử dụng chung cơ sở hạ tầng viễn thông thụ động; xây dựng, chuyển đổi trạm BTS thân thiện môi trường; ngầm hóa mạng cáp treo. Đối với các tuyến đường mới xây dựng, các khu đô thị, khu dân cư mới, khu công nghiệp, khu chế xuất, khu công nghệ cao trên địa bàn bắt buộc ngầm hóa mạng cáp viễn thông ngoại vi, quy hoạch bố trí đất cho xây dựng các trạm thu phát sóng thông tin di động 4G, 5G (trạm BTS) sử dụng chung cơ sở hạ tầng, hạ tầng kỹ thuật điện, nước, viễn thông sử dụng chung.

* Truyền dẫn:

- Tăng dung lượng mạng truyền dẫn để phục vụ cho các dịch vụ băng rộng và đẩy mạnh phát triển cáp quang đến tất cả các khu dân cư, hình thành các mạng cáp quang có cấu trúc mạch vòng để đảm bảo an toàn thông tin.

- Đảm bảo các đường trung kế giữa các tổng đài là cáp quang tạo thành mạch vòng (ring) để đáp ứng được nhu cầu thông tin một cách cao nhất, tạo điều kiện mở rộng các loại hình dịch vụ như truyền hình cáp, Internet băng thông rộng.

- Thực hiện chương trình phát triển mạng truyền dẫn của tỉnh.

6.2. Cải tạo hệ thống cột treo cáp:

- Các Doanh nghiệp viễn thông, truyền hình cáp và Điện lực phối hợp với nhau thực hiện thu hồi các đường dây, cáp viễn thông không còn sử dụng; sắp xếp, căn chỉnh, bó gọn các tuyến cáp chưa đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia.

- Không phát triển mới tuyến cột treo cáp viễn thông riêng biệt tại các khu vực xây dựng mới. Khi cải tạo chỉnh trang hệ thống hạ tầng kỹ thuật đô thị sẽ hạ ngầm toàn bộ hệ thống đường dây cáp theo quy hoạch được phê duyệt.

VIII. LUẬN CỨ VÀ XÁC ĐỊNH CHƯƠNG TRÌNH, DỰ ÁN ƯU TIÊN ĐẦU TƯ:

1. Các chương trình, dự án ưu tiên đầu tư trên địa bàn xã và kế hoạch thực hiện đến năm 2030:

a. Hạ tầng công nghiệp, kho bãi & logistics

Hoàn thiện KCN Cảng biển Hòn La (168ha): Tập trung hoàn thiện hạ tầng kỹ thuật, nâng cấp mạng lưới đường ống thu gom và vận hành trạm xử lý nước thải tập trung (công suất 500m³/ngày-đêm), thu hút các dự án công nghiệp sạch, chế biến dăm gỗ, cơ khí phụ trợ.

Đầu tư mở rộng KCN Hòn La II (250ha): Đầu tư hạ tầng kỹ thuật đồng bộ (phần diện tích 151,3 ha đã chấp thuận chủ trương đầu tư và tiếp tục mở rộng 98,7 ha) để thu hút các ngành công nghiệp phụ trợ, sản xuất linh kiện điện tử, cơ khí chính xác và chế biến xuất khẩu.

Phát triển trung tâm logistics & kho bãi:

Xây dựng Khu dịch vụ Logistics nội địa tại KCN Hòn La 2 (xã Phú Trạch) kết hợp với các điểm bãi đỗ xe trung chuyển và kho ngoại quan/kho tổng hợp dọc tuyến đường nối KKT Hòn La với KCN xi măng Tiến - Châu - Văn Hóa.

Dành quỹ đất phát triển kho ngoại quan, kho tổng hợp (quy mô chung khoảng 80ha) và bãi đỗ xe trung chuyển (38ha).

b. Hạ tầng Giao thông & Bến bãi (DGT: 476,98ha)

Quốc lộ 1: Nâng cấp, cải tạo đoạn qua xã Phú Trạch (từ Km591+794) đạt tiêu chuẩn tối thiểu đường cấp III, quy mô 4 làn xe.

Tuyến Đường tỉnh 558B (ĐT.558B): Nâng cấp, cải tạo 21km tuyến ĐT.558B qua địa bàn xã đạt tiêu chuẩn cấp IV-V, 2 làn xe.

Trục kết nối liên vùng (Đường Tiến Châu - Văn Hóa): Nâng cấp, mở rộng trục đường nối KKT Hòn La với KCN xi măng Tiến - Châu - Văn Hóa lên quy

mô mặt cắt 32m, tạo trục giao thông chính kết nối dải ven biển Phú Trạch với Quốc lộ 12A và đường cao tốc Bắc - Nam.

Bến xe khách / hàng hóa: Xây dựng mới Bến xe Roòn (quy mô 0,3ha, bến xe loại IV) và Bến xe Hòn La (quy mô 0,5ha, bến xe loại IV).

c. Hạ tầng năng lượng & thủy lợi - cấp nước

Hạ tầng năng lượng & Kho nhiên liệu (DNL: 542,67ha): Xây dựng mới kho xăng dầu, kho khí hóa lỏng (LPG) và mở rộng/nâng cấp hệ thống kho xăng dầu hiện hữu phục vụ KKT Hòn La và vùng phụ cận.

Nâng cấp công trình cấp nước thô hồ Vực Tròn (DTL: 848,15ha): Nâng công suất cấp nước thô của hồ Vực Tròn từ 48.000m³/ngày-đêm lên 150.000m³/ngày-đêm để bảo đảm nguồn nước cho công nghiệp KKT Hòn La, Đô thị Ba Đồn mở rộng và Nhà máy nước sạch Quảng Châu.

d. Bảo tồn cảnh quan, du lịch & lâm nghiệp

Thành lập Khu bảo vệ cảnh quan Núi Thọ Sơn - Vũng Chùa - Đảo Yến: Quy hoạch thành lập mới khu bảo tồn cảnh quan với quy mô khoảng 8.000ha tại xã Phú Trạch (tích hợp núi Thọ Sơn, dải ven biển và Đảo Yến/Hòn Vũng Chùa) thuộc Cụm du lịch E phía Bắc tỉnh.

Phát triển du lịch văn hóa - tâm linh & nghỉ dưỡng: Ưu tiên đầu tư hạ tầng du lịch gắn với Khu mộ Đại tướng Võ Nguyên Giáp, du lịch trải nghiệm núi Thọ Sơn và du lịch nghỉ dưỡng biển cao cấp.

Phát triển rừng trồng gỗ lớn (FSC): Quản lý nghiêm ngặt 6.911,12ha rừng phòng hộ ven biển; đẩy mạnh chuyển đổi 6.763,40ha rừng sản xuất sang mô hình trồng rừng gỗ lớn đạt chứng chỉ quản lý rừng bền vững (FSC) cung cấp nguyên liệu cho chế biến sâu.

e. Hạ tầng xã hội, giáo dục, y tế & thiết chế công cộng

Giáo dục: Nâng cấp cơ sở vật chất Trường THPT Quang Trung tại xã Phú Trạch (quy mô đất giáo dục DGD đạt 22,68ha) đảm bảo mạng lưới học sinh THPT khu vực.

Y tế & Văn hóa - Thể thao: Nâng cấp Trạm y tế xã Phú Trạch (0,75ha) đạt chuẩn Bộ Y tế; hoàn thiện mạng lưới nhà văn hóa (7,86ha) và sân thể dục thể thao thôn/xã (17,16ha).

f. Kế hoạch & Giải pháp thực hiện đến năm 2030

Phân kỳ đầu tư & Huy động nguồn lực:

Vốn ngân sách nhà nước: Đóng vai trò "vốn mồi" tập trung cho công tác giải phóng mặt bằng (GPMB), đầu tư hạ tầng giao thông trục chính (đường ven biển, đường nối Quốc lộ 1, đường Tiến Châu - Văn Hóa), hạ tầng thủy lợi cấp nước thô và xây dựng đê kè bảo vệ bờ biển.

Huy động vốn ngoài ngân sách (PPP, FDI, Tư nhân): Kêu gọi các nhà đầu tư chiến lược đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Hòn La II, xây dựng trung tâm logistics, kho ngoại quan, bến xe, kho xăng dầu/LPG và các tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Vũng Chùa - Đảo Yến.

Quản lý sử dụng đất & Tiệm cận tiêu chuẩn đô thị:

Kiểm soát chặt chẽ cơ cấu quỹ đất phi nông nghiệp (3.494,60ha), trong đó quản lý đúng quy hoạch đất giao thông (476,98ha), đất khu công nghiệp (356,06ha), đất thương mại dịch vụ (118,28ha) và đất ở nông thôn (350,19ha).

Thực hiện xây dựng NTM nâng cao gắn với lộ trình chuẩn bị hạ tầng kỹ thuật và hạ tầng xã hội tiệm cận đô thị, sẵn sàng tích hợp Phú Trạch vào vùng không gian Đô thị Ba Đồn mở rộng (hướng tới đạt đô thị loại II vào năm 2050).

2. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn và các nguồn lực thực hiện:

a. Dự kiến sơ bộ nhu cầu vốn đầu tư

Theo quy hoạch hạ tầng kỹ thuật Khu kinh tế Hòn La (bao gồm KCN Cảng biển Hòn La, KCN Hòn La II, trung tâm logistics, hệ thống kho bãi và công trình thủy lợi Hồ Vực Tròn tại xã Phú Trạch), tổng kinh phí đầu tư phát triển hạ tầng kỹ thuật đến năm 2040 ước tính khoảng 63.500 tỷ đồng.

Giai đoạn đến năm 2030: Nhu cầu vốn sơ bộ khoảng 26.400 tỷ đồng. Trong đó:

Nguồn vốn ngân sách nhà nước: 2.500 tỷ đồng (chiếm khoảng 9,5% tổng nhu cầu vốn giai đoạn 1).

Nguồn vốn ngoài ngân sách (tư nhân, FDI, PPP): 23.900 tỷ đồng (chiếm khoảng 90,5%).

Giai đoạn 2031 - 2040: Nhu cầu vốn dự kiến khoảng 37.100 tỷ đồng (gồm 3.200 tỷ đồng vốn ngân sách và 33.900 tỷ đồng vốn ngoài ngân sách).

b. Cơ cấu phân bổ nhu cầu vốn theo các hạng mục hạ tầng trọng điểm (Giai đoạn đến 2030)

Giao thông, cảng biển & logistics: Chiếm tỷ trọng lớn nhất với khoảng 15.000 tỷ đồng để hoàn thiện tuyến Quốc lộ 1, nâng cấp ĐT.558B (21km), mở

rộng trục Tiến Châu - Văn Hóa (mặt cắt 32m), xây dựng Bến xe Roòn, Bến xe Hòn La và phát triển trung tâm logistics.

Đầu tư hạ tầng các Khu công nghiệp: Khoảng 6.000 tỷ đồng dành cho hạ tầng KCN Cảng biển Hòn La (168ha) và mở rộng KCN Hòn La II (250ha tại Phú Trạch).

San nền, cấp thoát nước, cấp điện & môi trường: Khoảng 3.400 tỷ đồng, trong đó ưu tiên nâng công suất cấp nước thô của Hồ Vực Tròn từ 48.000m³/ngày-đêm lên 150.000m³/ngày-đêm, đầu tư trạm xử lý nước thải và hạ tầng cấp điện 22 kV ngầm/nổi.

Dự phòng phát sinh: Khoảng 2.000 tỷ đồng.

c. Các nguồn lực thực hiện

Nguồn vốn Ngân sách Nhà nước (Trung ương & Địa phương): Đóng vai trò "vốn mồi" và dẫn dắt, tập trung giải quyết bồi thường giải phóng mặt bằng, xây dựng hạ tầng khung giao thông đối ngoại, nâng cấp công trình đầu mối thủy lợi hồ Vực Tròn và các dự án bảo vệ môi trường, đê kè chống xói lở.

Nguồn vốn ngoài ngân sách (Doanh nghiệp tư nhân, PPP, FDI): Là nguồn lực nòng cốt (chiếm 70% - 80% tổng huy động), tập trung thu hút các nhà đầu tư chiến lược đầu tư kinh doanh hạ tầng KCN Hòn La II, hệ thống kho ngoại quan/kho lạnh, bãi container, kho xăng dầu/LPG, và các tổ hợp du lịch nghỉ dưỡng Vũng Chùa - Đảo Yến / núi Thọ Sơn.

Nguồn lực tài chính từ Đất đai: Khai thác hiệu quả giá trị quỹ đất phi nông nghiệp được quy hoạch tại Phú Trạch (3.494,60ha đất phi nông nghiệp; trong đó đất KCN: 356,06ha; đất thương mại dịch vụ: 118,28ha; đất giao thông: 476,98ha) thông qua hình thức đấu giá đất, cho thuê đất sản xuất kinh doanh và phát triển không gian đô thị - dịch vụ theo mô hình TOD dọc trục Quốc lộ 1 và tuyến Tiến Châu - Văn Hóa.

Vốn tín dụng ưu đãi, ODA & Xã hội hóa: Tranh thủ các nguồn vốn vay ưu đãi ODA cho hạ tầng nước sạch, bảo vệ môi trường và ứng phó biến đổi khí hậu; đồng thời huy động nguồn lực xã hội hóa từ cộng đồng dân cư theo mô hình "Nhà nước và Nhân dân cùng làm" để chuẩn bị hạ tầng tiệm cận tiêu chuẩn đô thị.

Huy động các nguồn vốn của ngân sách, nguồn vốn hỗ trợ của tỉnh, nguồn phát triển quỹ đất và một số nguồn vốn khác để đầu tư các công trình xã hội, công trình hạ tầng kỹ thuật… phục vụ phát triển kinh tế xã hội của xã Phú Trạch.

IX. ĐỀ XUẤT GIẢI PHÁP THỰC HIỆN QUY HOẠCH CHUNG XÃ:

1. Tiến độ thực hiện quy hoạch:

Tiến độ thực hiện quy hoạch được chia ra 2 giai đoạn:

- Giai đoạn 2025-2030.
- Giai đoạn 2030-2050.

2. Giải pháp tổ chức thực hiện:

Xã cần chủ động và khẩn trương trong chỉ đạo thực hiện theo quy hoạch chung xây dựng xã được phê duyệt. Cụ thể là, cần chọn lựa những tiêu chí, nội dung, hạng mục thiết yếu nhất để đạt mức chuẩn trong xây dựng xã mới với phương châm phát huy nội lực là chính, người dân là chủ thể, Nhà nước đóng vai trò hướng dẫn, hỗ trợ; Lựa chọn những tiêu chí, nội dung thiết thực, hiệu quả để tập trung triển khai thực hiện, trong đó ưu tiên những nội dung liên quan đến phát triển sản xuất, nâng cao thu nhập, giảm tỷ lệ hộ nghèo, tạo việc làm, xây dựng môi trường nông thôn xanh sạch đẹp...

Quản lý và bố trí sử dụng hợp lý quỹ đất trên phạm vi của xã, đáp ứng mục tiêu phát triển kinh tế - xã hội và quốc phòng, an ninh. Cùng với đó, cần có các giải pháp cụ thể trong việc thu hút đầu tư, tăng hiệu quả sử dụng đất, tạo nguồn thu từ đất như: Tạo môi trường, chính sách thuận lợi để khuyến khích các nhà đầu tư trong và ngoài nước đầu tư vào xã bằng cách tăng cường xúc tiến thương mại, cải tiến, đơn giản hoá các thủ tục hành chính; Thực hiện giao đất có thu tiền sử dụng đất bằng phương thức đấu giá; Tăng cường đầu tư trong việc ứng dụng tiến bộ kỹ thuật, công nghệ tiên tiến trong quản lý đất đai và sử dụng đất...

Trong quy hoạch sản xuất phải có tầm nhìn chiến lược, khả thi, quy hoạch phải dựa vào thế mạnh của xã, tạo sự kết nối giữa các vùng trên địa bàn; Tạo được tiềm năng thế mạnh nhằm thu hút mời gọi các doanh nghiệp về đầu tư phát triển nông thôn, tạo điều kiện chuyển dịch cơ cấu lao động từ nông nghiệp sang công nghiệp và thương mại dịch vụ; chú trọng quy hoạch các loại cây trồng, vật nuôi có giá trị kinh tế cao...

Đồng thời, xã dự báo được động lực phát triển kinh tế chủ đạo; quy mô sản xuất, sản phẩm chủ đạo, tiềm năng thị trường, định hướng giải quyết đầu ra. Xác định tiềm năng đất đai phục vụ cho việc chuyển đổi cơ cấu sử dụng đất (nông nghiệp sang phi nông nghiệp) phục vụ dân cư, công trình hạ tầng và sản xuất.

Xác định quy mô đất xây dựng cho từng loại công trình công cộng, dịch vụ cấp xã, thôn, bản; quy mô và chỉ tiêu đất ở cho từng loại hộ gia đình như: Hộ sản xuất nông nghiệp; công nghiệp; thương mại, dịch vụ trong toàn xã. Tăng cường sự tham gia của cộng đồng đối với đồ án quy hoạch chung xã đảm bảo bám sát thực tế và tăng cường hơn nữa tính liên kết vùng giữa các đồ án quy hoạch.

X. ĐỀ XUẤT CÁC BIỆN PHÁP BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG:

Khu vực công nghiệp thuộc xã Quảng Đông và Quảng Phú cũ thực hiện theo QHC Khu kinh tế Hòn La.

1. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường nước:

- Trong quá trình thi công xây dựng hạ tầng kỹ thuật, nguồn gây ô nhiễm môi trường nước khu vực chủ yếu là nước thải của công nhân lao động trên công trường. Để giảm thiểu ô nhiễm, các đơn vị tham gia thi công sẽ xây dựng các công trình vệ sinh tạm thời ở khu lán trại như rãnh thoát nước, nhà tắm, nhà vệ sinh để thu gom và xử lý nước thải sinh hoạt của công nhân, không cho chảy trực tiếp vào nguồn nước mặt khu vực. Khu vực nghiên cứu lập quy hoạch hiện trạng là vùng thấp trũng, điểm tụ thủy của các đoạn cống qua đường với khẩu độ lớn nên vấn đề thoát nước cần được quan tâm giải quyết. Hướng thoát nước về mương thoát nước trung tâm.

- Trong giai đoạn vận hành nước thải sinh hoạt phải xử lý bằng bể tự hoại trước khi thải ra môi trường. Sau khi xử lý sẽ theo đường ống thu gom nước bẩn của khu công nghiệp và dẫn về trạm xử lý tập trung để xử lý đạt tiêu chuẩn loại B của TCVN 5945-2005 trước khi thải ra nguồn tiếp nhận.

- Nước mưa chảy tràn qua mặt bằng của các cơ sở sản xuất sẽ được thu gom, tách cặn, rác và thải vào cống thoát nước mưa của KCN.

- Nước thải công nghiệp có chứa dầu mỡ, chất rắn lơ lửng, chất hữu cơ từ các cơ sở sản xuất công nghiệp. Các cơ sở sản xuất hầu hết là công nghiệp sạch nên nồng độ các chất gây ô nhiễm không cao. Tuy nhiên, đối với các cơ sở có phát sinh nước thải sản xuất phải xây dựng hệ thống thu gom và xử lý cục bộ đạt tiêu chuẩn B của TCVN 5945-2005 mới được thải vào hệ thống thoát nước bẩn của khu công nghiệp để dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung để xử lý tiếp.

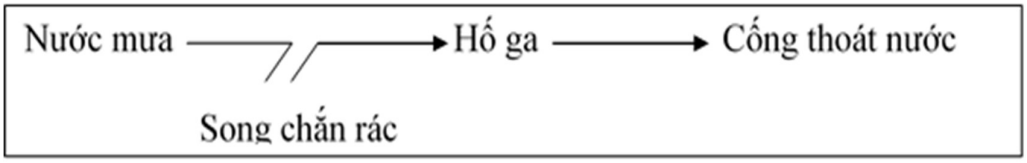

Sơ đồ đề xuất hệ thống thoát nước cho khu công nghiệp

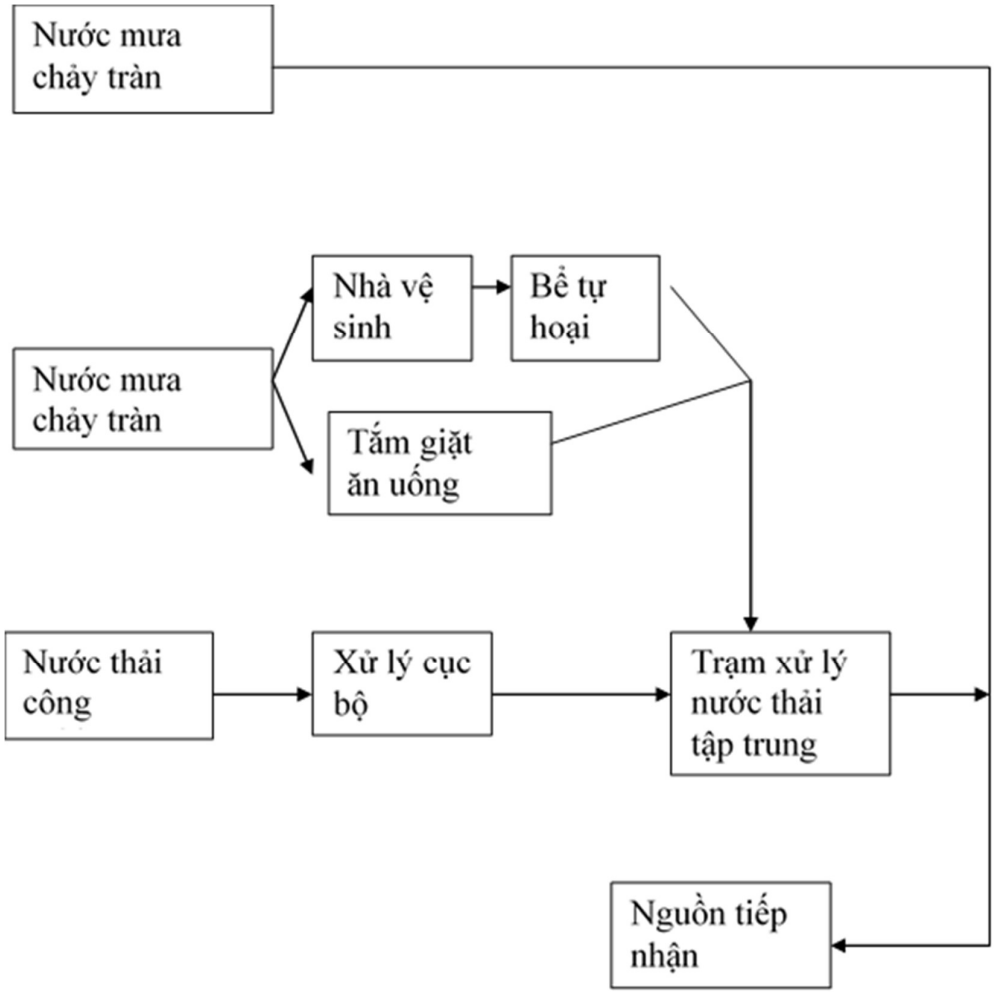

2. Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí và tiếng ồn:

** Giảm thiểu ô nhiễm môi trường không khí:*

- Phun nước bề mặt ở những khu vực thi công, trên các tuyến đường vận chuyển đất, cát, vật liệu xây dựng để giảm bụi.

- Xe phải được phủ kín bằng bạt khi vận chuyển, tránh phát tán bụi ra ngoài.

- Không sử dụng xe quá cũ để giảm mức độ gây ồn và các khí độc hại trong khí thải.

- Giải pháp khống chế, giảm thiểu ô nhiễm do bụi, khí thải công nghiệp là khống chế ô nhiễm ngay tại nguồn thải. Tuỳ thuộc vào công nghệ sản xuất, mức độ phát sinh chất thải, tải lượng và thời gian phát thải mà các cơ sở có thể áp dụng công nghệ xử lý hiệu quả như: Xử lý bằng buồng lắng bụi; xử lý bụi bằng

cyclon; xử lý bụi bằng thiết bị tách bụi tĩnh điện; xử lý bụi bằng thiết bị lọc-túi lọc; xử lý bụi bằng phương pháp lọc ướt; phương pháp hấp thụ; phương pháp sinh hoá vi sinh; phương pháp oxy hoá-khử.

- Khuyến khích các cơ sở sử dụng nguồn nguyên liệu sạch hơn như: dầu FO, khí hoá lỏng...

** Giảm thiểu tiếng ồn:*

- Bắt buộc các cơ sở sản xuất có nguồn ồn cao phải trang bị thiết bị chống ồn.

- Các cơ sở phải dành diện tích trồng cây xanh để giảm thiểu lan truyền tiếng ồn.

- Đối với các máy móc trang thiết bị gây ồn phải định kỳ kiểm tra, tra dầu mỡ để giảm thiểu tiếng ồn.

3. Khống chế ô nhiễm do chất thải rắn:

- Mục tiêu là tối thiểu hoá sự phát sinh rác thải, các phần tử độc hại trong rác thải. Phân loại rác ngay từ nguồn và cần phải tối đa khả năng tái chế. Xử lý rác không tái sử dụng được sao cho không ảnh hưởng đến môi trường. Bảo đảm sự an toàn khi loại bỏ rác thải.

- Cần phải đầu tư trang thiết bị, phương tiện thu gom và vận chuyển theo công nghệ mới. Cơ giới hoá khi thu gom và vận chuyển rác tới khu xử lý.

- Đối với rác thải sinh hoạt phân loại ngay tại nguồn phát sinh. Điều này có nghĩa là rác thải được phân loại và cho vào các thùng chứa khác nhau theo loại rác. Có thể tiến hành phân loại thành hai loại rác là vô cơ và hữu cơ.

- Đối với chất thải xây dựng: các chủ công trình phải đăng ký vận chuyển với Công ty môi trường đô thị, không đổ bừa bãi ra các khu vực xung quanh.

- Đối với chất thải công nghiệp: tuân thủ theo luật môi trường, chất thải độc hại phải được xử lý trước khi thải ra ngoài hoặc thu gom để xử lý riêng. Một số thành phần chất thải rắn công nghiệp như sắt thép vụn, xỉ, bao bì... được bán để tái chế, tái sử dụng phần còn lại được thu gom, vận chuyển đến khu xử lý chất thải để xử lý.

Quy trình thu gom, vận chuyển chất thải rắn

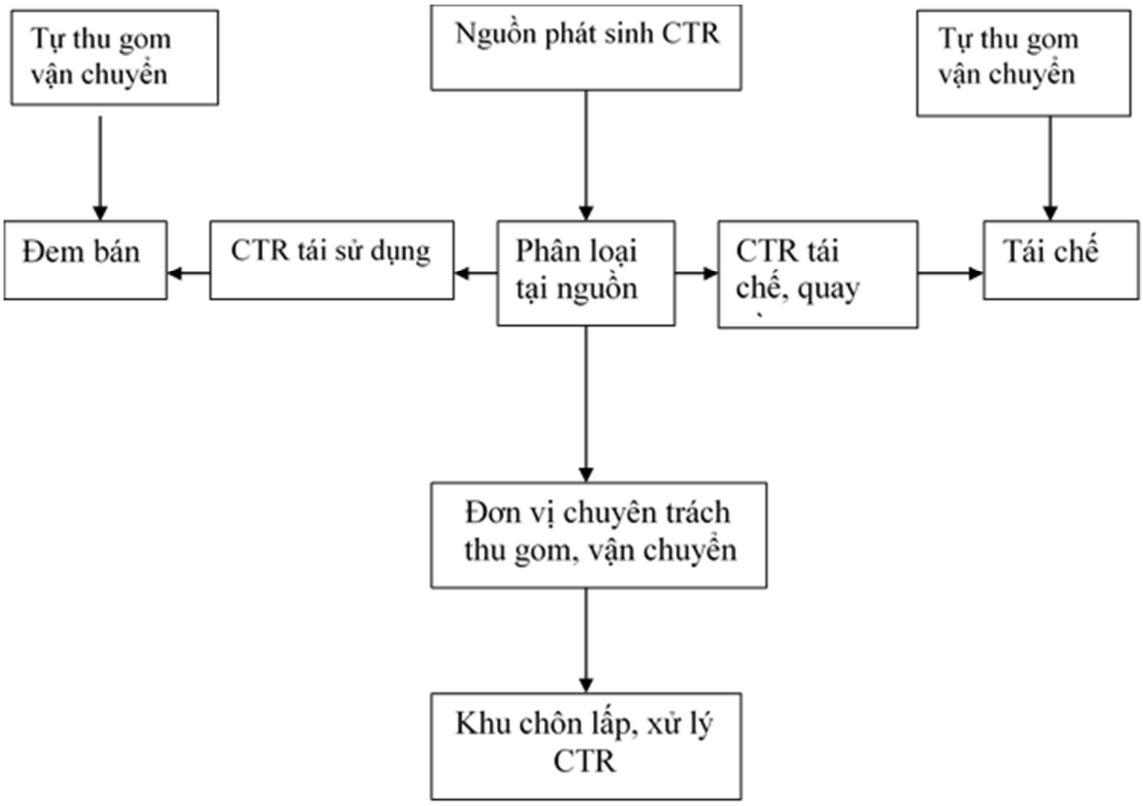

4. Giải pháp hạn chế tác động đến môi trường xã hội nhân văn:

- Thường xuyên thực hiện các biện pháp nâng cao nhận thức về môi trường cho dân cư khu vực; trước mắt Chính quyền địa phương cùng với Ban quản lý Khu kinh tế sẽ kết hợp với các ngành hữu quan làm công tác tuyên truyền, nâng cao nhận thức về môi trường cho dân cư các vùng xung quanh để bảo đảm sự tham gia của cộng đồng vào việc bảo vệ môi trường khi dự án được thực hiện.

- Các chủ dự án sẽ tổ chức các khóa đào tạo nghề sau đó bố trí một số vị trí lao động thích hợp dành cho các hộ mất đất sản xuất để thay đổi cơ cấu kính tế.

- Bố trí không gian xanh, các loại cây phù hợp cho từng khu vực, từng đường phố, cây xanh công viên, cây xanh cách ly, đạt chỉ tiêu cây xanh theo quy định.

5. Biện pháp quản lý:

- Lựa chọn, bố trí, cấp phép loại hình, quy mô sản xuất theo cấp độ độc hại theo quy hoạch, bảo đảm khoảng cách cách ly, Quy chuẩn, Tiêu chuẩn môi trường.

- Không xét duyệt các cơ sở sản xuất có công nghệ sản xuất lạc hậu, phát sinh nhiều chất gây ô nhiễm môi trường và ưu tiên các dự án có công nghệ sản

xuất sạch hoặc ít thải các chất gây ô nhiễm môi trường hoặc chất thải được tái sử dụng.

- Sản xuất trong các nhà máy cần đảo bảo an toàn lao động, sức khỏe cho công nhân. Trong khuôn viên các nhà máy cần tạo môi trường cảnh quan đẹp, trồng nhiều cây xanh, cải tạo điều kiện vi khí hậu.

- Đề xuất các phương án, công nghệ xử lý chất thải và tìm nguồn hỗ trợ để khuyến khích các cơ sở thực hiện các giải pháp giảm thiểu tác nhân gây ô nhiễm trong quá trình hoạt động. Trong quá trình sản xuất, nước thải, khí thải, chất thải rắn độc hại được phân loại và xử lý riêng.

- Yêu cầu đối với từng nhà máy trong khu công nghiệp, các dự án phát triển đô thị lớn phải tiến hành lập báo cáo Đánh giá tác động môi trường nhằm kiểm soát ngay từ giai đoạn đầu thực hiện dự án.

- Bảo đảm cân bằng sinh thái, hạn chế ảnh hưởng đến các loài động thực vật tại vùng thấp trũng sau khi san lấp mặt bằng với khối lượng lớn.

6. Quan trắc và giám sát môi trường:

- Địa điểm đặt vị trí quan trắc: điểm trước và sau các công trình xử lý nước bẩn, điểm đầu và cuối cụm công nghiệp tính theo hướng gió chính, tại khu vực tiếp giáp với khu dân cư ở cuối hướng gió.

- Đối với môi trường nước sử dụng các chỉ tiêu quan trắc về: COD, BOD_5, SS, E. Coli, dầu mỡ và kim loại nặng, chất rắn lơ lửng... Tiêu chuẩn so sánh TCVN 5945 - 2005: Nước thải công nghiệp tiêu chuẩn. Tần suất quan trắc 2 lần /năm, trung bình 6 tháng tiến hành một lần.

- Đối với môi trường không khí và tiếng ồn: nồng độ bụi, SO_2, CO, NO_2, tiếng ồn dựa theo tiêu chuẩn so sánh TCVN 5937 - 2005: tiêu chuẩn chất lượng không khí xung quanh; TCVN 5949 - 2005: Tiếng ồn khu vực công cộng và dân cư - mức ồn tối đa cho phép. Tần suất quan trắc trung bình 6 tháng tiến hành một lần.

- Đối với CTR: Địa điểm tiến hành quan trắc và kiểm soát chất thải rắn là các điểm thu gom tập trung chất thải rắn. Thời gian tiến hành quan trắc trung bình 4 tháng/lần.

- Thiết bị thu lấy mẫu và phương pháp phân tích dùng phương pháp tiêu chuẩn. Tại những khu vực có nguy cơ ô nhiễm phải thiết lập vành đai cây xanh cách ly. Tuy nhiên đối với từng loại hình công nghiệp cụ thể mà có các công nghệ xử lý ô nhiễm đặc thù và được cân nhắc trong từng dự án cụ thể

XI. KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ:

1. Kết luận:

Đồ án Quy hoạch chung xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050 đã thể hiện đầy đủ các nội dung theo quy định hiện hành. Quy hoạch chung xây dựng xã đã nêu ra mục tiêu, phạm vi ranh giới xã; xác định yếu tố tác động đến phát triển kinh tế - xã hội của xã; dự báo quy mô dân số, lao động; quy mô đất đai, chỉ tiêu kinh tế - kỹ thuật chủ yếu; yêu cầu về nguyên tắc tổ chức phân bố khu chức năng sản xuất nông nghiệp, công nghiệp, cụm công nghiệp, làng nghề, nhà ở, dịch vụ và hệ thống công trình hạ tầng kỹ thuật.

2. Kiến nghị:

Theo định hướng phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và trên cơ sở chủ trương của UBND tỉnh Quảng Trị, Phòng Kinh tế xã Phú Trạch đã tổ chức lập quy hoạch. Kính trình Sở Xây dựng thẩm định trình UBND tỉnh phê duyệt đồ án Quy hoạch chung xã Phú Trạch, tỉnh Quảng Trị đến năm 2050 để tiến hành các bước tiếp theo đúng quy định hiện hành./.